

Tiểu thuyết
**NHỮNG
CHIẾC CẦU
Ở QUẬN**

MADISON

Một chuyện tình lãng mạn, day dứt và đầy ám ảnh...

Robert James
Waller

MICHA
dịch



HỘI NHÀ VĂN



Tiếng hát vọng lại theo cỏ xanh và bụi đường. Một chiều cuối thu 89, ngồi tại văn phòng, tôi theo dõi điểm sáng trên màn hình máy tính thì điện thoại reo. Đầu dây kia là Michael Johnson. Hiện tại anh ta đang ở Florida nhưng trước kia sinh tại đây, bang Iowa này. Có một người bạn gợi cho anh ta một trong mấy cuốn sách của tôi. Michael Johnson, cả cô em gái Carolyn nữa, có đọc và, anh ta nói, họ biết một câu chuyện mà theo họ có thể làm tôi quan tâm. Họ cẩn thận không chịu nói gì thêm, nhưng hai anh em sẵn sàng đến đây gặp tôi để kể.

Xem ra họ có vẻ nhiệt tình, mặc dù tôi tỏ ra hững hờ trước những đề nghị loại như vậy. Tôi đành chấp nhận gặp họ tại Des Moines tuần tới.

Tại quán Holiday Inn gần phi trường, giới thiệu xong, khi sự lúng túng qua đi, cả hai ngồi xuống trước mặt tôi. Bên ngoài, chiều xuống chậm trên bầu trời tuyết mịn. Họ bắt tôi hứa một điều: Nếu tôi quyết định không viết lại câu chuyện, sẽ không nói cho ai biết về sự tình đã xảy ra ở quận Madison năm 1965, kể cả những gì diễn ra 24 năm sau đó. Được thôi, cũng hợp lý. Bởi dẫu sao, đó cũng là chuyện của họ chứ đâu phải của tôi.

Vậy thì tôi lắng nghe. Tôi lắng nghe chăm chú và đặt những câu hỏi khó trả lời. Còn họ thì nói. Nói mãi. Có lúc Carolyn khóc và không giấu giếm, còn ông anh Michael thì cố chế ngự. Họ cho tôi xem tài liệu, bài vở cắt ở các tạp chí và những trang nhật ký riêng của mẹ họ, Francesca.

Hầu bàn tối rồi lui. Chúng tôi uống cà phê. Khi họ nói, tôi bắt đầu xem các tấm hình. Lời họ lọt vào tai. Tôi bắt đầu nghe, rồi vừa hình dung những từ ngữ ấy trên trang giấy. Gần quá nửa đêm, tôi chấp thuận viết lại câu chuyện... hay ít ra tôi sẽ thử viết. Việc quyết định khơi mở ra ánh sáng những sự việc này trước đây đối với họ thật khó khăn. Hoàn cảnh rất tế nhị bởi nó liên quan đến mẹ họ và gián tiếp đến bố họ nữa. Cả Michael và Carolyn đều biết rằng một câu chuyện như thế thì có thể là dịp cho những lời đàm tiếu khó chịu và cả những lời lăng mạ những kỉ niệm mà Richard và Francesca Johnson để lại.

Dẫu sao, trong một thế giới mà sự hiện diện cá nhân dưới mọi hình thức đều dường như mất giá trị, trong một thế giới mà tình yêu là một sự thỏa hiệp về vấn đề tiện nghi, cả hai cảm thấy

câu chuyện này đáng để kể lại. Khi đó tôi cũng thấy như vậy và bây giờ càng tin chắc rằng họ có lý.

Trong suốt thời gian nghiên cứu rồi biên tập lại cuốn sách này, tôi yêu cầu gặp họ ba lần. Mỗi lần như thế họ đều đến Iowa gặp tôi, chẳng chút dè dặt. Họ chỉ muốn câu chuyện được kể lại một cách thật trung thực. Thường khi chúng tôi ngồi nói chuyện, cũng có lúc đi lững thững theo các con đường trong quận Madison để họ có thể chỉ rõ những nơi xảy ra sự tình. Ngoài lời kể của Michael và Carolyn, tôi còn căn cứ trên cuốn nhật ký của Francesca Johnson; trên những tìm tòi của chính tôi ở miền Tây Bắc Hoa Kỳ, đặc biệt tại Seattle Bellingham, trong bang Washington; những cuộc dò hỏi bí mật ở quận Madison, ở Iowa; những thông tin thu lượm được trong những bài báo ảnh của Robert Kincaid; cả sự giúp đỡ bằng thư từ của các biên tập viên các tạp chí, những chi tiết kỹ thuật của các nhà làm phim ảnh, và nhất là những cuộc nói chuyện dài dòng với các người già còn sống ở viện dưỡng lão ở Barnesville bang Ohio, những người còn nhớ tới Kincaid thời trẻ.

Mặc cho những nỗ lực của tôi, vẫn có những khoảng trống tồn tại. Tôi đã phải vận dụng một ít trí tưởng tượng để lấp đầy, nhưng chỉ khi tôi có thể chứng minh bằng sự hiểu biết riêng tư về Francesca Johnson và Robert Kincaid mà tôi cảm nhận được trong suốt quá trình nghiên cứu. Tôi tin rằng mình đã tiếp cận được gần với những diễn biến thật nhất.

Khá nhiều chi tiết còn thiếu liên quan đến chuyến đi của Kincaid lên phía Bắc nước Mỹ. Chúng tôi chỉ biết ông thực hiện chuyến đi này theo các bức ảnh ông đăng trên tạp chí cũng như theo lời Francesca nhắc trong nhật ký, cùng vài thư nhắn Kincaid viết cho Tổng biên tập. Do những nguồn vắn tắt như vậy, tôi lại lần theo con đường ông ta đi từ Bellingham trong tiểu bang Washington cho đến quận Madison trong mùa hè 1965. Đến Madison, cuối cuộc hành trình của chính tôi, thì tôi có cảm giác rằng, nhiều mặt, tôi đã trở thành Robert Kincaid. Điều đó có nghĩa là nỗ lực nắm lấy “yếu tính” của Kincaid chính là sự dẫn thân đích thực nhất của việc viết cuốn sách này. Và đó là một nhân vật khó nắm bắt. Có lúc, ông ta gần như một người bình thường. Lúc khác thì phiêu bồng như không thực. Miệt mài với công việc, dẫu vậy ông lại tự xem mình như thể một loài thú đặc biệt đang trên đà diệt chủng trong một thế giới càng lúc càng có tổ chức chặt chẽ hơn. Ngày nọ, ông ta từng nói về “tiếng kêu thảm khốc” của thời gian đang vọng lại trong đầu mình, và Francesca Johnson thì miêu tả ông như là một con người sống trong “những vùng xa lạ, ma quái, rất xa những điều căn bản của luân lý bình thường”.

Có hai câu hỏi đơn độc vẫn mãi mãi không có câu trả lời. Thứ nhất, cho đến nay chúng tôi vẫn không thể xác định cái gì xảy ra với tập tài liệu ảnh của Kincaid. Cứ theo nghề nghiệp của ông ta, hẳn ông ta phải để lại hàng vạn, hàng chục vạn bức ảnh. Thế mà người ta chẳng bao giờ tìm thấy. Điều có khả năng nhất – và nó thích hợp với cách ông ta nhìn về chính mình và về vị trí của ông trong thế giới này – ông đã hủy hết tất cả trước khi chết.

Câu hỏi thứ hai liên quan đến việc ông ta làm trong thời gian giữa năm 1975 đến 1982. Rất ít thông tin: Ông kiếm sống rất khiêm tốn bằng cách chụp ảnh chân dung ở Seattle nhiều năm rồi tiếp tục chụp ảnh khu Puget Sound. Ngoài ra, tôi chẳng biết gì hơn. Cũng cần ghi chú thêm là tất cả những thư từ gửi đến ông ta từ Phòng an sinh xã hội và Hội cựu chiến binh đều được gửi trả lại với lời ghi “trả lại người gửi” do chính tay ông ta viết.

Việc chuẩn bị soạn cuốn sách này làm thay đổi nhãn quan của tôi về thế giới, làm chuyển biến cách suy nghĩ của tôi, và nhất là làm tôi ít trơ tráo hơn trong cách nhìn về mối quan hệ giữa con người. Trong việc tìm biết Francesca Johnson và Robert Kincaid như tôi đã làm trong suốt quá trình thu thập tài liệu, tôi mới khám phá ra rằng trong những mối quan hệ đó, các biên cương ngăn cách có thể bị đẩy lùi xa đến mức tôi không ngờ. Có thể bạn cũng sẽ có cùng cảm giác với tôi khi đọc chuyện này. Vì điều đó đâu có dễ. Trong một thế giới càng ngày càng khô cứng lại, chúng ta luôn tự hào cho mình một lớp vỏ rắn nhằm che chở cho những tình cảm đã chết của mình. Biên giới phân ranh một niềm đam mê lớn và chân thật với những tình cảm ủy mị thái quá nằm ở đâu, tôi không thể biết. Nhưng tôi biết cái xu hướng tự nhạo báng về nỗi đam mê của mình, cái khuynh hướng muốn xếp loại những tình cảm thuần khiết sâu xa như là những gì ảo lả, ướt át rẻ tiền chính là trở ngại cho việc đi vào cái thế giới dịu dàng chứa đựng những câu chuyện của Francesca Johnson và Robert Kincaid này. Tôi biết rằng tôi phải vượt qua cái định kiến đó mới có thể bắt đầu được.

Dẫu vậy, nếu như bạn, bằng cách tự nguyện tạm gác lại lòng ngờ vực của mình như cách nói của Coleridge – để đọc tiếp những dòng sau đây, tôi tin rằng bạn cũng sẽ trải qua những điều như tôi đã trải qua. Và cả những miền hờ hững của con tim bạn, rồi bạn cũng sẽ tìm thấy – như Francesca Johnson và Robert Kincaid đã tìm thấy một cõi bờ để có thể tự ca múa một lần nữa.

Robert Jame Waller

Cedar Falls, Iowa Hè 1991

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



ROBERT KINCAID

N

Ngày 8 tháng 8 năm 1965, buổi sáng. Robert Kincaid đóng cửa căn hộ hai phòng nhỏ xíu thuộc tầng ba trong một tòa nhà hình dạng khá kỳ cục ở Bellingham, tiểu bang Washington. Ông bước xuống cầu thang gỗ, tay xách vali, còn chiếc ba lô đeo lưng chứa đầy dụng cụ nhiếp ảnh, qua hành lang ra phía cửa dẫn đến chiếc xe tải cỡ nhỏ cũ kỹ của mình hiệu Chevrolet, đang đậu ở chỗ dành riêng cho người sống trong chung cư.

Trong xe, có một ba lô khác, một thùng đựng nước đá cỡ nhỏ, vài bịch Camel, một bình thủy, một giỏ trái cây. Sau “cốp” xe, để một cây đàn ghi-ta. Ông đặt hai xắc vào chỗ ngồi, còn thùng nước đá và giá máy ảnh thì cho nằm trên sàn. Vòng ra phía sau nhét lại cây đàn và chiếc vali, chèn thêm một bánh xe “xơ cua” vào cho khỏi lắc rồi buộc bằng một sợi dây vải. Dưới sợi dây, ông còn phủ một miếng vải dầu cho chắc ăn.

Rồi ông ngồi vào tay lái, đốt một điếu Camel và đưa mắt nhìn đồ đạc đem theo một lần cuối: gần 200 tấm phim các loại, nhất là phim Kodachrome tốc độ chậm; mấy cái giá ba chân, thùng nước đá, ba máy ảnh và năm ống kính; mấy chiếc quần Jean và kaki, sơ mi. Ô kê. Đủ rồi. Nếu có quên gì thì có thể mua dọc đường.

Kincaid mặc một chiếc quần Levi’s bạc màu, ủng đi đường hiệu Red Wing cũ mèm, áo sơ mi kaki, dây đeo quần màu vàng. Nơi chiếc nịt bằng da to bự đeo một con dao loại của quân đội dùng, nằm trong bao.

Ông nhìn đồng hồ: 8 giờ 17. Chiếc xe tải nhỏ nổ máy. Ông phóng nhanh qua những ngõ hẹp dưới ánh mặt trời đang còn bị che khuất. Ông băng qua Bellingham, theo hướng Nam về Đường Washington 11, men đường ở Puget Sound vài ki-lô-mét rồi theo đường quốc lộ hơi chệch về hướng Tây trước khi đến giao lộ để đi vào Đường 20.

Ông chuyển vào con lộ dài và ngoằn ngoèo xuyên qua rừng Cascades dưới ánh mặt trời. Ông thích vùng này và cảm thấy rất tự do, khi ngừng lại chỗ này chỗ kia để ghi chú, đề phòng lần sau có thể ghé lại hoặc để chụp một vài tấm ảnh mà ông gọi là loại ảnh “aide-mémoire”. Sau đó ông có thể xem lại và nếu thấy thích thì có thể nghiên cứu kỹ càng hơn. Cuối chiều, Kincaid đi về phía Bắc đến lộ 2 dẫn tới phía Bắc Hoa kỳ, tới Duluth của bang Minnesota.

Hàng ngàn lần trong đời, ông tự nhủ mình cần có một con chó, chắc là một loại chó săn màu vàng, để đem theo trong những chuyến đi như thế này và làm bạn đồng hành khi về nhà. Nhưng ông thường đi vắng quá, và cuộc sống như thế không phù hợp với súc vật. Dẫu vậy, ông vẫn mãi nghĩ đến điều đó. Một vài năm nữa, ông sẽ quá già, không làm nổi những phóng sự về phong cảnh đất đai như thế này nữa. “Lúc đó có lẽ mình sẽ kiếm một con chó” – ông nói với hàng thông đang vút xa nơi kính chiếu hậu.

Những cuộc đi xa như thế này càng thôi thúc ông ý định đó. Con chó sẽ là bạn đường. Bởi Robert Kincaid là một người cô đơn. Ông là đứa con duy nhất, cha mẹ đều chết, một gia đình xa vời đã mất dấu, như chính ông đã mất dấu về mình, không một người bạn thân. Ông chỉ biết tên của người chủ hiệu bán thực phẩm ở Bellingham và người chủ tạp chí mà ông cung cấp ảnh. Ngoài ra, ông chỉ giữ mối liên lạc nghề nghiệp hoàn toàn hình thức với người chủ biên của tạp chí. Ngoài những người này ra, ông hầu như không biết một ai và cũng chẳng ai biết ông. Những người du mục là những kẻ khó kết bạn nhất với những người bình thường mà ông thì có một ít chất du mục trong người.

Ông nghĩ tới Marian. Bà này đã chia tay chín năm trước đây sau năm năm chung sống. Giờ đây ông 52 tuổi, vậy thì bà ta hẳn phải 40. Marian ước muốn thành nhạc công hoặc ca sĩ dân ca. Bà biết tất cả các bài hát của Weaver và trước đây hát khá hay trong các quán ăn ở Seattle. Vào thời đó, những khi ông ở nhà, ông thường dẫn bà đi nghe nhạc và cố ở lại trong phòng đợi đến phiên bà lên sân khấu.

Những lần vắng mặt dài – có khi hàng hai, ba tháng – đè nặng lên cuộc sống vợ chồng của họ. Ông biết thế. Khi cưới nhau, Marian biết cuộc sống của ông là như thế, nhưng cả hai nghĩ mơ hồ rằng họ có thể hòa hợp với nhau. Hóa ra không thể. Lần nọ, khi ông trở về sau một hành trình làm phóng sự ở Băng Đảo, Marian không còn ở nhà. Bà chỉ nhắn lại vồn vện: “Robert, không thể như thế này mãi được. Em để lại cây ghi-ta. Sẽ liên lạc với nhau”.

Ông không liên lạc. Bà cũng vậy. Khi nhận được giấy tờ ly hôn – một năm sau đó – ông ký rồi ngay ngày hôm sau lên máy bay sang Úc. Bà không đòi hỏi điều gì ngoài sự tự do.

Tại Kalispell, bang Montana, khá khuya, ông dừng lại để nghỉ. Quán trọ giá rẻ, phục vụ cũng tốt. Ông chuyển đồ đạc vào phòng, có hai ngọn đèn giường, một bóng mờ. Ông duỗi trên giường, nhấp một ngụm bia, đọc *Những ngọn đồi xanh ở Châu Phi* rồi ngủ tiếp. Sáng sớm, ông xuống chạy bộ độ hơn nửa giờ, làm mười lăm cái hít đất rồi đi sửa soạn máy ảnh như thể đó là phần cuối của bài thể dục...

Ông đi xuyên qua Montana, tiến vào North-Dakota. Cái vùng đất bát ngát, bằng phẳng và khô khan này cũng quyến rũ ông như là vùng núi hay biển. Nó toát ra một vẻ đẹp khắc khổ và ông phải dừng lại nhiều lần, đặt giá ảnh để chụp mấy tấm ảnh đen trắng các nông trại cũ kỹ. Cái xứ sở khô cằn này hợp với khuynh hướng khắc kỷ, khổ hạnh của ông. Các vùng đất dành riêng cho người da đỏ này mang một vẻ u buồn trầm uất vì nhiều lý do mà người ta có thể biết hoặc không biết.

Sáng 14 tháng 8, ông ở lại hai tiếng ở Duluth, rồi quật về phía Tây Bắc, theo đường đến Hibbing và qua các mỏ sắt. Qua màn bụi đỏ, người ta có thể thấy những chiếc máy khổng lồ và những

đoàn toa xe chở quặng sắt đến tận những chiếc tàu bốc hàng neo ở vùng Thượng Hồ. Ông nghỉ lại suốt chiều, đi dạo ở Hibbin và thấy rằng nơi đây không phải là chốn thích hợp với ông, cho dù Bob Dylan có sinh ra ở đây đi nữa.

Cô gái từ miền phía Bắc là bài hát duy nhất của Dylan mà ông không bao giờ thích, dù ông có thể vừa chơi ghi-ta bài này vừa hát. Ông vừa hát nhắm cho mình nghe vừa rời khỏi cái vùng đầy hang hốc màu đỏ khổng lồ này. Trước đây, Marian đã dạy ông để ông đệm đàn cho bà hát. “Bà ấy để lại cho mình nhiều hơn là mình để lại cho bà”, ngày nọ ông đã nói như thế với một anh hoa tiêu đang chệnh choáng trong quán rượu Mac Elroy, nằm đâu đó ở vùng châu thổ Amazone. Và điều đó đúng.

Rừng vùng này đẹp, thật đẹp. Y như một giấc mơ cho người lữ khách. Từ thuở còn trẻ, ông đã ước chi thời đại của những nhà du hành lớn vẫn còn để mình có thể tham dự. Ông lái xe xuyên qua những cánh đồng xanh mướt, trông thấy ba con tuần lộc, một con chồn lông đỏ và rất nhiều nai. Ông dừng xe trước mặt một cái hồ và chụp mặt nước phản chiếu một cảnh cây có hình dáng lạ.

Chụp xong, ông ngồi xuống nơi bậc xe làm một ngệm cà phê, hút một điếu Camel và lắng nghe tiếng gió lùa qua rặng cây phong.

“Thật dễ chịu nếu bên mình có một ai đó, một người đàn bà chẳng hạn”. Ông vừa nghĩ vừa nhìn làn khói thuốc lan dần trên mặt hồ. “Cứ về già là người ta hay có cái ý tưởng như vậy đó”. Nhưng mà cái kiểu ông cứ văng mặt hoài như vậy thật khó cho bất cứ người phụ nữ nào đợi ông ở nhà. Thì ông đã có kinh nghiệm về chuyện này rồi mà!

Hồi ở Bellingham, thỉnh thoảng ông cũng gặp gỡ một bà làm giám đốc mỹ thuật cho một hãng quảng cáo ở Seattle. Ông gặp bà ta khi thực hiện một số tấm hình cho hãng này. Bốn mươi hai tuổi, khá thông minh. Một phụ nữ khá thú vị, nhưng ông không bao giờ yêu bà này.

Đôi khi họ cũng gặp nhau riêng, đi ăn tối, xem phim, uống vài cốc bia và sau đó, làm tình với nhau. Bà này là một người từng trải – hai đời chồng, từng phục vụ trong quán rượu để kiếm tiền ăn học. Bao giờ cũng vậy, khi họ làm tình với nhau xong, nằm áp người vào nhau, bà bảo ông: “Anh là người tuyệt nhất. Robert ạ, không ai sánh với anh được, cả bằng một phần mười của anh cũng không sánh được”.

Chắc chắn một người đàn ông nào nghe thế cũng rất thỏa dạ, nhưng thật ra ông chẳng có cách nào để biết rõ bà này nói thật hay không. Dẫu sao thì bà ta thú nhận một điều làm ám ảnh ông mãi: “Robert, nơi anh có một sức mạnh mà em không đủ sức để giải phóng nó ra, em cũng không có sức mạnh để đạt tới. Đôi khi em nghĩ rằng anh đã sống từ một thời gian rất xa xưa, dài hơn một đời người, em tưởng như anh đã đi qua những vùng bí ẩn mà những người như em không thể tưởng tượng ra. Anh làm em sợ, mặc dù anh rất dịu dàng với em. Nếu em không hung bạo với chính mình để tự chế ngự, em có cảm giác rằng em sẽ đánh mất mình mãi mãi...”.

Ông mơ hồ biết bà ta muốn nói điều gì, mặc dù chính ông cũng không thể nắm bắt được. Ông từng biết đến cái ý tưởng hỗn độn ấy, một nỗi buồn man mác đi lần đến chỗ bi thảm, kết hợp với sức mạnh thể chất và trí tuệ rất lớn của ông, khi ông còn rất bé, nơi một thị trấn nhỏ ở Ohio. Thời đó, khi những đứa bé trai như ông hay hát “*Row, row your boat*” thì ông thích một

bài ca hát trong quán rượu có nguồn gốc Pháp.

Ông yêu các từ và hình ảnh của bài hát. “*Xanh*” là một trong những từ ông ưa thích nhất. Ông thích thú cái cảm giác có được nơi môi và lưỡi mình khi phát âm ra từ đó. Cái từ không chỉ có nghĩa mà còn có một thực tại vật chất, ông nhớ lại mình thường nghĩ như vậy ngay từ khi còn bé. Ông cũng yêu những từ khác như “*xa*”, “*củi hồng*”, “*con đường*”, “*cổ xưa*”, “*lối đi*”, “*lữ hành*”, “*Ấn Độ*”... vì chính âm hưởng, khẩu vị và hình ảnh mà chúng gợi lên. Trong phòng, ông treo các từ ông ưa thích lên tường:

Quá gần lửa

Tôi từ phương Đông trở về với một nhóm lữ hành

Bùa ơi, bùa ơi, hãy vén màn bí mật

Hoa tiêu, hoa tiêu ơi, hãy chỉ cho ta đường về

...

Trước khi là người, tôi là một mũi tên

Từ rất lâu rồi.

Rồi ông viết những nơi chốn, xứ sở mà tên gọi của chúng ông rất yêu dấu: eo biển Somalia, rặng núi Big Hatchet, eo biển Malacca và biết bao tên khác nữa. Vô số tờ giấy rời viết các từ, câu, tên các xứ được dán cho đến khi tường phòng không còn một chỗ trống.

Chính mẹ ông cũng thấy ông có cái gì khác thường. Ông không nói một tiếng cho đến khi lên ba, rồi thì bắt đầu nói cả câu trọn vẹn, và đọc giỏi từ lúc lên năm.

Ở trường, ông là một cậu học sinh hờ hững thường khiến các thầy giáo nhàm về ông. Khi thấy kết quả trắc nghiệm trí thông minh của ông có chỉ số rất cao, một trong các thầy giáo đã viết vào sổ liên lạc đề nghị trao đổi với gia đình.

Mẹ Robert Kincaid gặp đủ các giáo viên của trường. Khi các ông này nói sự phản kháng thụ động, về khả năng của ông, bà đã trả lời: “Robert sống trong thế giới của nó. Nó là con tôi, nhưng đôi khi tôi sinh ra nó, mà nó phát xuất từ một nơi nào khác và nó luôn luôn muốn trở về”.

Nhưng ông lại rất thích đọc các chuyện phiêu lưu và du lịch tìm được nơi thư viện thị xã. Thì giờ còn lại ông muốn ở một mình. Suốt ngày ông lang thang bên bờ con sông chảy ngang qua thành phố, tránh tất cả buổi khiêu vũ, cuộc chơi bóng của bạn bè. Ông câu cá, bơi lội, đi lang thang hoặc nằm dài trong đám cỏ cao để lắng nghe những tiếng nói từ rất xa mà ông tự bảo chỉ có mình ông nghe thấy. “Nơi kia có rất nhiều linh hồn. Nếu mình yên lặng chăm chú, chúng sẽ nói chuyện với mình” – Ông tự nhủ. Và ông cũng ao ước có một con chó để chia sẻ với mình những lúc như vậy.

Gia đình không đủ tiền để gởi ông vào đại học, vả lại cũng không hề có ý định đó. Cha ông phải làm việc vất vả; ông ta lo lắng cho vợ và cho con trai, nhưng công việc trong nhà máy chỉ cho

phép họ thỏa mãn những nhu cầu hết sức tối thiểu chứ không thể có gì khác hơn, ngay cả sắm một con chó cũng vậy. Robert mười tám tuổi khi cha qua đời, và cuộc sống càng khốn khó, ông phải vào quân đội để có thể giải quyết nhu cầu sinh sống cho mình và cho mẹ. Ông chỉ ở quân ngũ bốn năm, nhưng bốn năm đó đã thay đổi cuộc sống của ông.

Ở quân đội, ông được bổ nhiệm làm phụ tá nhiếp ảnh, mặc dù khi đó Robert Kincaid chưa biết đến cả cách lắp một cuộn phim vào máy ảnh. Thế mà, với công việc mới này, bỗng nhiên ông khám phá ra nghề nghiệp của mình. Chi tiết kỹ thuật đối với ông không có gì khó khăn. Chưa đầy một tháng, ông không những đảm trách được công việc rửa ảnh trong phòng tối mà còn có thể tự mình thực hiện được những đồ án đơn giản nữa.

Một trong các nhiếp ảnh gia là Jim Peterson rất thích ông. Ông ta dành rất nhiều thời gian để dạy cho Robert những điều tinh túy của nghề nghiệp. Robert mượn nhiều sách nhiếp ảnh và sách nghệ thuật tại thư viện địa phương về nghiên cứu ngày đêm. Ngay từ đầu, ông đã đặc biệt yêu thích các họa sĩ ấn tượng Pháp cũng như cách sử dụng ánh sáng nơi tranh của Rembrandt. Dần dà, chính ánh sáng mới là cái mà ông tìm cách nắm bắt, chứ không phải đồ vật. Đồ vật chẳng qua chỉ là cái để nâng đỡ sự phản chiếu của ánh sáng. Nếu sử dụng ánh sáng tốt, người ta có thể chụp bất cứ vật gì. Ngoài cái máy 35 li thời ấy đang được ưa chuộng, ông còn kiếm được một máy Leica tình cờ nơi một cửa hiệu nhỏ. Trong tuần nghỉ phép, ông mang máy này đến Cape May ở New Jersey đi chụp ảnh suốt tuần ở bờ sông.

Một lần khác, ông đáp xe hàng đi Maine, dừng lại ở bờ biển, chụp ảnh cảnh chiếc tàu chở thư đi giữa Stonington và các hòn đảo kế cận. Ông cắm trại luôn tại bờ biển, rồi sau đó dùng phà vượt vịnh Fundy đến Nova-Scotia. Ông bắt đầu ghi chú những cảnh, nơi ông muốn trở lại khi ông giải ngũ. Mới hai mươi hai tuổi, ảnh của ông được đánh giá cao và ông kiếm được một chức phụ tá cho một nhiếp ảnh viên thời trang có tiếng ở New York.

Các cô người mẫu thời trang thì thiếu gì người đẹp, ông quen với một cô và gần như yêu cô này; rồi khi cô ta đi Paris, cô bảo ông: “Robert, em không biết rõ thực sự anh là ai, nhưng nếu anh muốn, hãy đến tìm em ở Paris”. Ông trả lời là ông sẽ đến. Khi đó ông nói thật, nhưng rồi ông chẳng bao giờ đi. Rất nhiều năm sau, khi ông thực hiện một phóng sự ảnh ở bờ biển Normandie, ông tìm thấy tên cô ta trong một cuốn niên giám điện thoại. Ông gọi điện cho cô và hai người gặp nhau nơi sân thượng một quán cà phê ở Paris. Cô đã thành hôn với một nhà làm phim và đã có ba đứa con.

Thời trang chẳng làm ông ưa thích chút nào. Người ta chạy theo kiểu này kiểu nọ, đôn đáo bắt chước theo kiểu váy ngắn, váy dài Âu châu. Ông thấy điều đó thật là ngốc và thấy nhục khi phải chụp những kiểu ảnh như vậy. Cuối cùng ông xin thôi việc.

Mẹ ông qua đời khi ông đã ở New York hơn một năm. Ông về Ohio để chôn cất bà cụ và ngồi trước mặt một luật sư nghe đọc di chúc. Cũng chẳng có điều gì quan trọng lắm. Và ông cũng chẳng chờ đợi gì. Nhưng ông khá ngạc nhiên khi biết là cha mẹ ông đã dành dụm được một số vốn nho nhỏ cùng với ngôi nhà bé tí mà họ ở từ khi lấy nhau. Ông bán ngôi nhà, và cùng với tiền họ để lại, mua một số dụng cụ tốt nhất, nghĩ đến những năm tháng cực nhọc để dành từng đô-la, nghĩ đến cuộc sống khốn khổ mà cha mẹ ông đã sống.

Một số ảnh ông chụp bắt đầu xuất hiện ở các tạp chí nhỏ. Rồi tờ *National Geographic* gọi ông. Họ có xem tấm ảnh đăng trên cuốn lịch ông chụp mũi May. Ông thảo luận với họ, hoàn toàn tự tin về nghề nghiệp. Họ nhận ông.

Nhưng quân đội lại gọi ông một lần nữa năm 1943. Ông theo các thủy quân lục chiến đi suốt những con đường dọc bờ biển Nam Thái Bình Dương, với chiếc máy ảnh lặc lự trên vai hoặc lủng lẳng sau lưng, chụp những khuôn mặt. Ông đã thấy những con người bị một lần liên thanh cắt làm đôi, đã thấy họ kêu Chúa trời hoặc kêu mẹ. Ông chịu đựng tất cả, sống sót và không bao giờ biểu lộ tính chất oai hùng hay lãng mạn trong các phóng sự chiến trường.

Năm 1945, giải ngũ, ông liền gọi cho tờ *National Geographic*. Họ vẫn đợi ông. Ông mua một chiếc mô tô lái xuống Big Sur, bắt tình với một cô nàng nhạc công vĩ cầm rồi đi ngược lên tham quan cảnh bang Washington. Ông yêu thích xứ này và quyết định ở hẳn tại đây...

Giờ đây, tuổi đã năm hai, ông vẫn luôn luôn quan sát ánh sáng như thuở nào. Ông đã đi thăm hầu hết các nơi mà địa danh viết đầy trên tường phòng ông thuở bé. Ông thấy cảm khái tuyệt vời khi đến các nơi đó, khi ngồi nơi quán rượu ở một xứ xa xôi, khi ngược dòng Amazone bằng chiếc xuồng máy, hay khi lặc lự theo nhịp bước của lạc đà xuyên qua sa mạc Rajasthan...

Bờ Thượng Hồ cũng đẹp như sách miêu tả. Ông ghi chú vào địa điểm, chụp vài ảnh rồi đi về Nam, dọc sông Mississippi. Trước đây ông chưa bao giờ ở vùng Iowa này, nhưng những ngọn đồi xanh mướt bao quanh phía Đông Bắc con sông quyến rũ ông vô cùng. Ông dừng xe ở thành phố nhỏ Clayton, ở trong một quán trọ dành cho người câu cá và để hết hai buổi sáng để đi chụp ảnh các tàu kéo, còn buổi chiều thì chụp cảnh một chiếc tàu đáy bằng, theo lời yêu cầu của một thủy thủ tình cờ gặp trong quán rượu. Cắt đường về phía lộ 65, ông lái xe xuyên qua Des Moines vào một buổi sáng sớm ngày thứ Hai, 16 tháng 8 năm 1965, nhắm về phía Tây trên Iowa 92 hướng về quận Madison và những chiếc cầu có mái che chắc phải có ở vùng này, theo lời khẳng định của tờ *National Geographic*. Quả vậy, người ở trạm xăng Texaco xác nhận với ông và còn cho biết có tất cả bảy cây cầu như vậy.

Ông tìm thấy sáu cây cầu dễ dàng, và lên kế hoạch chọn góc độ để chụp. Cây cầu thứ bảy, tên là Roseman, thì không tìm thấy. Trời nóng bức, ông cũng nóng và Harry – tên chiếc xe tải nhỏ của ông – máy cũng nóng sùng sục, mà ông thì như đang ở trên đường qua cõi vô tận.

Khi đến một xứ lạ, ông dùng phương pháp “hỏi ba lần”. Ông khám phá ra rằng với ba câu trả lời, dẫu đều sai, cũng sẽ hướng dẫn ta dần dần về nơi ta định đến. Ở nơi đây thì có lẽ chỉ cần hai lần là đủ.

Ông thoáng thấy một hộp thư, dựng trước một lối đi độ chừng 100 mét. Trên hộp có dòng chữ: “*Richard Johnson, RR2*”. Ông cho xe chậm lại, quẹo vào ngõ để hỏi thăm đường. Khi ông dừng xe trước sân, một người đàn bà đang ngồi trên hiên. Ông thấy trời mát hẳn và người đàn bà này đang uống một cái gì đó còn mát hơn nữa.

Người đàn bà rời hiên và tiến lại phía ông. Ông xuống xe rồi nhìn bà, nhìn gần hơn nữa, gần hơn nữa. Một người đàn bà tuyệt vời, như thể thuộc về một thời đại nào đó của quá khứ. Và tức

khắc ông cảm thấy mình bị tràn ngập bởi cơn choáng váng xa xưa luôn luôn chế ngự ông khi ông đối diện với những phụ nữ mà ông khao khát, dẫu một cách mơ hồ.



FRANCESCA

S

inh nhật của Francesca rơi đúng vào thời điểm đẹp nhất của mùa thu. Những giọt mưa lạnh đập vào vách tường căn nhà gỗ của bà ở vùng quê phía Nam bang Iowa. Bà ngắm nhìn mưa và những ngọn đồi bao quanh sông Middle, nghĩ đến Richard. Ông đã chết cũng vào một ngày thu như thế này, tám năm về trước, bởi một căn bệnh mà bà không muốn nhắc đến tên. Giờ đây bà chỉ nghĩ đến ông, đến tính tình luôn bình dị tử tế của ông, đến cả cuộc sống nặng nhọc mà ông đã trao cho bà.

Con bà có gọi điện thoại lại. Lần này cũng vậy, chúng không đến dự sinh nhật bà được, mặc dù đây là lần sinh nhật thứ sáu mươi bảy của bà. Như mọi lần, bà hiểu. Bà luôn luôn hiểu. Cả hai đứa chúng nó đều bận tíu tít, bù đầu vì công việc, đưa thì điều hành bệnh viện, đưa thì dạy học. Michael đang bắt đầu cuộc hôn nhân thứ hai, Carolyn thì đang cãi vã với chồng. Tự thâm sâu, bà hài lòng vì hai đứa con không đến dự sinh nhật. Trong ngày này, bà có những lễ nghi riêng dành cho chính bà.

Sáng nay, bạn bè ở Winterset đã đến thăm và tặng bà một cái bánh ga-tô. Bà pha cà phê và nói chuyện linh tinh với họ về chuyện cháu nội cháu ngoại, chuyện thành phố, chuyện Lễ Tạ ơn và chuyện chọn quà Noel sắp tới. Những tiếng cười hồn nhiên, những mảnh chuyện rời từ phòng ăn vọng xuống bếp đem lại cho bà một tình cảm quen thuộc, vững bền và làm cho bà hiểu rằng đó là một trong số những lý do nhỏ khiến bà ở lại Winterset sau cái chết của Robert.

Michael thường khoe với bà về nhà cửa của nó ở Florida. Carolyn thì nói về cơ ngơi ở New England. Nhưng bà vẫn quyết ở vùng đồi núi phía Nam Iowa này, vẫn duy trì cái địa chỉ cũ này bởi một lý do chỉ mình bà biết. Và bà sung sướng vì mình đã quyết định như vậy.

Francesca nhìn mấy bà bạn già rời nhà vào lúc gần trưa. Họ đi xuống những con đường hẹp bằng xe Ford hoặc Buick, qua con đường rải đá hướng về Winterset, cần chúi kính xe quay tít trong làn mưa. Mấy bà bạn thật tốt bụng, dẫu họ không hề hiểu gì về cái điều nằm sâu kín trong bà, cái điều mà dẫu bà có kể ra họ chắc cũng không thể hiểu.

Khi Richard, chồng bà, gặp bà ở Napoli sau chiến tranh, ông đã bảo bà rằng ở đây bà sẽ có những người bạn thật sự. Ông thêm: “Thì con người ở Iowa cũng có nhiều khuyết điểm, nhưng

hờ hững, lạnh nhạt thì không”. Điều đó quả đúng, thật đúng.

Bà chỉ mới hai mươi lăm tuổi khi họ gặp nhau. Bà vừa tốt nghiệp sau ba năm đại học, dạy ở một trường nữ tư thục, đang tự hỏi về ý nghĩa cuộc sống. Phần lớn thanh niên Ý lúc đó đã chết, tàn tật, bị tù hay hủy hoại vì chiến tranh. Francesca quan hệ với Niccolo, dạy hội họa ở đại học và vẽ suốt ngày. Anh ta thường dắt bà đi suốt đêm trên những chuyến dạo chơi táo bạo, gần như mê sảng trong những địa đạo từ thời cổ đại ở Napoli. Mỗi quan hệ chấm dứt không lâu do sự phản đối quyết liệt cha mẹ Francesca, vốn là những người khá cổ hủ.

Francesca quan sát Richard trong bộ quân phục lính Mỹ khi họ ngồi cùng nhau trong một quán cà phê dưới ánh mặt trời Địa Trung Hải. Bà thấy nơi ông, nơi cái nhìn của ông sự trung thực, chân tình của cư dân miền Trung Tây nước Mỹ và thế là bà theo Richard về Iowa. Bà đến đây để đẻ ra hai đứa con, để ngắm nhìn Michael chơi đùa và ngắm nhìn những đêm lạnh giá tháng Mười, để dắt Carolyn đến Des Moines chọn mua cho con áo đầm dạ hội... Hàng năm, bà thường trao đổi thư từ với em gái ở Napoli, bà cũng trở về đó hai lần, khi cha mẹ bà mất. Nhưng quận Madison là nơi cư ngụ vĩnh viễn của bà từ đó, và bà không bao giờ có ý muốn trở về sống ở quê nhà.

Giữa chiều, mưa ngừng, rồi mưa tiếp vào buổi tối. Trong ánh chạng vạng, Francesca rót cho mình một cốc brandy và mở ngăn kéo chiếc bàn giấy có bánh xe của Richard, một chiếc bàn bằng gỗ hồ đào đã truyền từ ba thế hệ trong gia đình. Bà lấy ra một phong bì vàng khè và chậm rãi ve vuốt, như bà từng làm thế mỗi năm, ngày này.

Dấu ấn bưu điện ghi “*Seattle, WA, 12 tháng 9-65*”. Khi nào bà cũng nhìn dấu bưu cục trước. Đó là một phần của nghi thức. Rồi nhìn địa chỉ viết bằng tay: “*Francesca Johnson, RR2 Winterset, Iowa*”; sau đó đến địa chỉ người gởi: “*Hộp thư 642, Bellingham, Washington*”. Bà ngồi xuống nơi ghế bành gần cửa sổ, nhìn những dòng địa chỉ và tập trung tinh thần, bởi bàn tay ông ta đã viết lên đó và bà muốn tìm lại cái cảm giác từ đôi bàn tay ông đặt lên thân thể bà, hai mươi hai năm về trước...

Khi đã cảm thấy bàn tay ông sờ lên người mình bà mới mở phong bì, thận trọng lấy ra ba bức thư, một bản thảo ngắn, một số báo *National Geographic* cùng với những bài báo cắt ra từ những số khác cũng của tạp chí này. Rồi, dưới ánh sáng xám mờ trong phòng, bà nhấp một ngụm brandy, qua đôi kính, nhìn tập bản thảo găm lại với nhau. Lá thư thì viết trên giấy bình thường, phía trên chỉ ghi “*Robert Kincaid, nhà văn – nhiếp ảnh*” in bằng chữ nhỏ.

10 tháng 9 năm 1965

Francesca thân yêu,

Tôi gởi đây hai bức ảnh. Một bức tôi chụp em giữa cánh đồng khi mặt trời mọc. Hy vọng em sẽ thích bức này như tôi. Bức thứ hai là ảnh cây cầu Roseman trước khi tôi nhận tờ giấy nhắn của em gần nơi cầu.

Giờ tôi đang ở đây, đang sục sạo mọi góc ngách tối tăm của ký ức để tìm lại từng chi tiết, từng phút giây mà chúng ta đã trải qua. Tôi lặp đi lặp lại mãi: Điều gì đã xảy đến cho mình ở quận Madison, Iowa... Tôi vật lộn với mình để tìm hiểu. Cũng chính vì lý do đó mà tôi viết bài Rời từ

chiều vô tận gửi kèm theo đây, như là một cách thoát ra khỏi mớ hỗn độn của tâm trí mình.

Tôi nhìn vào ống kính, và em ở đó. Tôi bắt đầu viết một bài báo và tôi nói về em. Tôi cũng chẳng biết nổi làm thế nào mà tôi trở lại nhà từ Iowa được. Chắc bằng cách nào đó, cái xe tải già nua đã dẫn dắt tôi về đến nơi đến chốn, dù tôi không nhớ nổi lộ trình. Mấy tuần trước đây, tôi thấy mình vui sướng, hài lòng một cách chùng mịch. Có lẽ không hạnh phúc thâm sâu lắm, chắc chắn là hơi đơn độc, nhưng ít ra thì cũng hài lòng.

Tất cả đều đã thay đổi.

Còn bây giờ thì tôi hiểu rõ rằng tôi đã đến với em, và em đã đến với tôi từ lâu lắm rồi. Cho dầu cả em cũng như tôi đều không hề biết trước khi ta gặp nhau, vẫn luôn luôn có một điều khẳng định như một lời ca vang hòa theo nổi vô tư của chúng ta để xác nhận rằng chúng mình sẽ gặp nhau. Như hai con chim đơn độc bay lượn trên những thảo nguyên mênh mông được nâng đỡ bởi những con đường thần thánh, tất cả năm tháng, tất cả mọi cuộc sống đều đưa chúng ta, người này lại với người kia.

Đi là một điều lạ lùng. Trên đường đi, tôi nhướn mắt lên và thấy em đang bước qua bãi cỏ về phía chiếc xe tải một ngày tháng Tám. Hồi tưởng lại, tôi thấy có vẻ như điều đó là không thể tránh khỏi – nó không thể nào khác đi được – tôi gọi đó là tính khả thể cao của điều bất khả.

Giờ thì tôi đang xoay vần quanh cái con người khác đó nằm bên trong tôi. Dù gì đi nữa thì cái ngày mà chúng ta từ biệt nhau, cả hai chúng ta đã tạo nên một người thứ ba và con người ấy đã đi kèm với tôi từ đó.

Bằng cách nào đi nữa, chúng ta cũng phải gặp nhau. Bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào. Hãy gọi ngay cho tôi khi em cần một điều gì hay chỉ đơn giản là em muốn nhìn tôi. Tôi sẽ đến ngay, tức khắc. Hãy cho tôi biết em có thể đến đây không – bất cứ khi nào. Tôi sẽ lo vé, nếu đó là vấn đề khó khăn cho em. Tuần tới thì tôi sẽ đi Ấn Độ, nhưng tôi sẽ về Mỹ cuối tháng Mười.

Tôi yêu em

Robert

TB: Phóng sự về quận Madison rất khá. Nhớ theo dõi National Geographic số năm tới. Hay nếu em muốn tôi sẽ gửi một tờ khi phát hành.

Francesca Johnson đặt ly rượu xuống bệ cửa sổ, nhìn tấm ảnh bà chụp đen trắng cỡ 8x10. Đôi khi bà cảm thấy buồn khi nhớ lại nhân dáng bà ngày ấy, hai mươi hai năm về trước. Trong chiếc quần Jean bạc màu bó chặt, giày xăng-đan và chiếc sơ mi vải trắng, đứng tựa vào cột hàng rào, tóc tung bay theo chiều gió. Xuyên qua làn mưa, nơi chỗ ngồi cạnh cửa sổ, bà có thể nhìn thấy cái cột đó, nơi mà hàng rào mục nát cũ kỹ bao quanh cánh đồng.

Khi cho thuê thửa đất này sau khi Richard chết, bà đã yêu cầu người ta đừng chạm đến cánh đồng đó, dù giờ đây nó đã thành bãi đất hoang đầy cỏ dại. Trong bức ảnh này, những nếp nhăn đầu tiên đã thoáng hiện trên khuôn mặt bà. Ống kính của Robert đã ghi nhận điều đó. Dầu vậy,

bà vẫn hài lòng về con người trong ảnh. Tóc bà đen mượt, thân thể đầy đặn được tẩm ảnh làm nổi bật lên dưới chiếc quần Jean bó chặt. Dầu sao, đó là một khuôn mặt mà bà tỏ tường, khuôn mặt một người đàn bà yêu đương say đắm cái con người đang ở sau ống kính.

Francesca cũng thấy ông một cách rõ ràng, trong dòng bong bênh của kỷ niệm. Hàng năm, bà đều gọi lại hình ảnh về ông, một cách cẩn trọng, kỹ càng, bà nhớ lại tất cả, không bỏ sót điều gì, như in sâu vào ký ức từng chi tiết một, mãi mãi, như người của bộ lạc thời xưa truyền đi câu chuyện kể từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ông cao lớn, thon thả và lực lưỡng. Ông chuyển mình nhẹ nhàng như cỏ mượt, dễ dàng, thoải mái. Mớ tóc xám bạc hơi dài gần như lúc nào cũng rối bù, như thể ông vừa mới trở về sau một chuyến đi biển dài, tóc bị gió xoắn tung và vừa mới vuốt sơ lại.

Khuôn mặt hẹp với lưỡng quyền nhô cao, với mái tóc xõa lù xù trên trán làm nổi bật cặp mắt xanh lơ như luôn tìm kiếm cái mà ống kính sắp chụp. Ông cười và bảo rằng bà đẹp và gọi cảm biết bao trong ánh sáng ban mai hôm đó. Ông bắt bà dựa vào hàng rào rồi đi quanh bà một vòng, quỳ xuống nhắc máy ảnh lên rồi nằm ngửa lưng ra cỏ, ống kính chĩa thẳng vào bà.

Khi đó bà cũng hơi lo về chất lượng của cuộn phim ông sử dụng, nhưng rồi vui mừng ngay khi thấy ông cầm một cách cẩn thận. Bà cũng hy vọng không có một người hàng xóm nào vào giờ sáng sớm đó lái máy cày ra đồng, dù thật tình bà không còn quan tâm lắm đến những người hàng xóm hay ý kiến của họ.

Ông chụp ảnh bà, thay cuộn phim khác, thay cả ống kính, chụp lại lần nữa và vừa làm vừa dịu dàng nói với bà, lặp đi lặp lại rằng bà đẹp và ông yêu bà. “Francesca, em đẹp đến mức khó tin nổi”. Có khi, ông ngừng công việc và say mê ngắm nhìn bà, cái nhìn xâm nhập, xuyên suốt bà.

Ngực bà hằn rõ, căng đầy dưới làn áo sơ mi vải trắng. Là bà chẳng hề bận tâm đến điều đó. Bà còn vui khi thấy ông có thể nhận ra đôi vú mình trong ống kính. Trước đây bà chưa bao giờ ăn bận như vậy với Richard. Richard không thích bà ăn mặc như thế. Cho nên, trước khi gặp Robert Kincaid, chẳng bao giờ bà để ngực trần như thế này cả.

Robert còn bảo bà hơi ngửa lưng ra trên hàng rào, ông thì thầm: “Thế, thế – tuyệt vời, đừng cử động”. Đó chính là lúc ông chụp bức ảnh mà bây giờ bà đang ngắm nghía. Ánh sáng tuyệt vời – theo cách nói của ông là “sáng một cách mờ ảo” – máy ảnh bấm lách tách nhiều lần khi ông vừa chụp vừa đi vòng quanh bà.

Ông ta nhanh nhẹn, khéo léo. Ở tuổi năm mươi hai, thân thể ông rắn chắc, với các bắp thịt của loại người chuyên làm việc nặng nhọc và biết tập luyện mới có. Ông cũng có kể cho bà nghe là ông đã từng tham chiến ở Thái Bình Dương với tư cách là nhiếp ảnh gia và Francesca có thể hình dung ông chạy qua các bãi biển đầy khói đạn, mắt thì chăm chú nhìn xuống ống kính và máy ảnh nóng lên vì chụp quá nhiều.

Bà lại nhìn tấm ảnh, ngắm nghía. Bà tự nhủ: “Mình quả thật đẹp”, rồi tự chế nhạo về sự khoe khoang của mình. “Mình chưa bao giờ đẹp như thế trước hoặc sau đó. Chính là do anh ấy”. Bà nhấp một ngụm rượu brandy nữa trong khi mưa vẫn tung theo đợt gió bắc vút lên bên ngoài.

Robert Kincaid giống như một nhà phù thủy sống với chính mình trong những miền đất xa lạ

gần như hiếm nghèo. Francesca đã cảm thấy vậy ngay trong cái ngày thứ Hai khô và nóng bức tháng Tám năm 65 đó, khi ông xuất hiện trên ngõ nhà bà và bước xuống chiếc xe tải cũ mèm. Lúc đó Richard và bọn nhỏ đi dự hội chợ ở Illinois, nơi diễn ra cuộc đấu xảo gia súc mà Francesca chẳng thích chút nào. Bà có một tuần hoàn toàn độc thân.

Ngồi trên ghế xích đu nơi mái hiên, nhắm nháp ly trà lạnh, bà thấy một cột bụi tung lên trên đường làng khi một chiếc xe tải chạy qua. Xe tiến chậm chậm, như thể người lái đang dò tìm một cái gì đó, xe dừng ngay trước lối vào nhà bà rồi rẽ vào ngay trước nhà. Bà nghĩ “Ô, không biết ai vậy kìa?”.

Bà đang đi chân trần, mặc một chiếc sơ mi cũ sờn trên chiếc quần Jean bạc màu, mái tóc đen buộc lại bằng cái lược đồi mồi mà cha bà đã tặng từ lúc rời quê đi lấy chồng xa xứ. Chiếc xe tải theo lối rẽ và dừng lại ngay trước hàng rào.

Francesca rời hiên bước nhẹ về phía bãi cỏ đến tận rào và Robert Kincaid bước xuống xe, như một hình ảnh bước ra khỏi một cuốn sách chưa hề được viết ra.

Chiếc áo sơ mi kaki màu be của ông dính chặt vào lưng vì mồ hôi, còn nơi tay áo thì loang thành từng đốm thẫm. Ba cúc áo ngực mở toang và Francesca có thể thấy bắp thịt ngực cuộn cuộn của ông dưới sợi dây chuyền bạc đeo quanh cổ. Ông mang dây đeo quần màu cam, giống như phần lớn những người lứa tuổi ông khi đi ra đồng.

Ông cười: “Xin lỗi đã làm phiền bà, nhưng tôi đang đi kiếm quanh đây một chiếc cầu có mái che mà không thấy. Chắc tôi lạc đường rồi”. Ông lấy khăn chùi mồ hôi trán nhể nhại rồi lại cười. Cặp mắt xanh nhìn thẳng vào mặt Francesca và bà cảm thấy ngay một cái gì đó không tên trôi dạt trong người. Cặp mắt, giọng nói, khuôn mặt, mái tóc đốm bạc, vẻ tự nhiên khi ông bước đi, một vẻ u buồn thu hút như gọi lên một ký ức xa xưa; như thể một lời thì thầm vào một lúc nhất định làm chấn động ta khi sắp đi vào giấc ngủ, khi những rào cản ngã xuống. Đó là cái trạng thái không thể nào khác được để kết hợp những phân tử đực và cái, cho dầu thuộc loài nào đi nữa.

Giống nòi phải tồn tại và phải có những cách thức để cuối cùng thốt lên cái thôi thúc duy nhất đó, chứ không là gì khác. Cái năng lực để diễn đạt thì vô tận, cách diễn đạt thì tuyệt vời. Cách bày tỏ thì có thể bất di bất dịch, mục đích thì rõ ràng. Thật ra đó chỉ là một điều đơn giản, chỉ có điều con người làm cho nó phức tạp mà thôi. Không hề suy tính, Francesca ngay tức khắc cảm thấy điều đó bằng tất cả khí chất của mình. Và ngay khi đó bà đã bắt đầu cái điều sẽ làm bà thay đổi mãi mãi. Một chiếc xe chạy qua ngoài lộ, tung bụi lên và bấm còi inh ỏi. Francesca đưa tay vẫy chào Floyd Clark trên chiếc Chevy rồi quay lại phía người khách lạ. “Thì ông đang ở rất gần cây cầu, chỉ cách đây độ một ki-lô-mét thôi”. Rồi bỗng dừng, sau hai mươi năm dài của một cuộc đời tù hãm, một cuộc đời tuân theo những phong cách chặt chẽ, nơi đó những tình cảm, khát vọng đến đành chịu khuất phục dưới tập tục nông thôn, Francesca ngạc nhiên khi nghe chính mình nói: “Nếu ông muốn, tôi rất vui lòng chỉ đường cho ông”.

Tự thâm sâu, tại sao bà làm vậy, bà cũng không biết. Có lẽ do những cảm xúc thời thanh xuân xưa kia sống dậy, như một bong bóng hơi trên mặt nước, thoát ra sau bao năm tháng giam cầm. Bà không phải là người nhút nhát, cũng không dạn dĩ. Điều duy nhất bà có thể biết là

Robert Kincaid cách nào đó đã cuốn hút bà, dẫu bà chỉ mới nhìn thấy ông ta trong vài giây vừa rồi.

Rõ ràng ông hơi ngạc nhiên trước đề nghị của bà, nhưng trấn tĩnh ngay và bảo ông rất vui lòng. Francesca chạy vào lấy dưới bậc thềm ra đôi ủng bà thường dùng khi làm việc đồng áng, mang vào và bước lại chiếc xe tải, toan bước vào ca bin.

“Bà chờ tôi một phút, trong đó lộn xộn quá”. Ông nói hầu như với chính mình và Francesca để ý thấy ông có vẻ ngượng vì đồ đạc lộn xộn trong xe. Ông cúi húi sắp xếp lại mấy cái xắc, giá ảnh, bình thủy... Trong cốp xe có một chiếc cặp màu be cũ mềm, một bao đàn ghi-ta sờn rách và đầy bụi, cột vào bánh xe “xơ cua”.

Ông leo vào cabin, đóng cửa lại rồi vừa loay hoay vừa cầu nhàu tổng đại cả tách chén với vỏ chuối vào một cái túi giấy. Lấy thùng đá ra và sắp xếp lại mọi thứ trong đó. Bên ngoài, Francesca thấy nơi cửa xe có sơn chữ đỏ bạc màu; *“Kincaid – nhiếp ảnh gia – Bellington – Washington”*.

“Ô-kê. Bây giờ bà vào được rồi”. Ông giữ cửa cho bà ngồi vào rồi đóng cửa lại, vòng sang phía bên kia và ngồi vào tay lái. Ông nhìn bà một lúc, mỉm cười, hỏi: “Phía nào đây?”. “Bên phải”. Francesca trả lời vừa đưa tay chỉ. Ông mở công tắc, chiếc xe cũ kỹ nổ máy như một tràng liên thanh. Họ xuống theo đường hẹp queo ra lại con lộ. Chiếc chân dài dè lên cần số, ống quần Jean cũ kỹ phủ lên đôi ủng da nâu mòn vẹt vì đã đi qua hàng ngàn dặm đường dài.

Ông chồm người về phía phải, vói tay lấy chiếc hộp, cánh tay chạm nhẹ vào đùi Francesca. Một mắt nhìn phía trước, mắt tìm chiếc hộp, ông rút ra một tấm thiệp đưa Francesca, thiệp ghi “Robert Kincaid – nhà văn – nhiếp ảnh gia”, bên dưới in địa chỉ, số điện thoại.

“Tôi làm phóng sự cho tờ National Geographic. Bà biết tờ đó không?”.

“Biết”. Francesca gật đầu, nghĩ “ai mà chẳng biết”.

“Họ muốn làm một thiên phóng sự về các cây cầu mái che, mà ở quận Madison thì rõ là có những cây cầu loại này. Tôi tìm ra được sáu chiếc, nhưng tôi nghĩ ít ra cũng còn một chiếc nữa và phải ở gần đâu đây”.

“Họ gọi là cầu Roseman”. Giọng Francesca bị át đi bởi tiếng gió và tiếng động cơ. Giọng bà nghe là lạ, như thể bà thuộc người nào khác, cái người thiếu nữ xứ Napoli tựa bên khung cửa sổ, đưa mắt nhìn tí về sân ga hay hải cảng mơ màng đợi những tình nhân xa xôi đến với mình. Vừa nói chuyện, Francesca vừa quan sát bắt thệt trên cánh tay Robert căng lại khi tăng dần tốc độ.

Phía sau bà là hai chiếc ba lô. Nơi chiếc miệng mở, bà có thể thấy chiếc máy ảnh đen ngòm và một gói mấy cuộn phim Kodachrome, loại 25 – 35 “pô”, nhét phía sau ba lô. Phủ lên trên mấy cái xắc là một chiếc áo ngoài nhiều túi màu be.

Ngay dưới chân bà là hai cái giá ảnh ba chân coi bộ đã hư hỏng nhiều, nhưng còn đọc thấy chữ “gitzo” mờ trên nhãn. Khi này ông mở cái hộp đựng bao tay, bà đã chú ý thấy có rất nhiều cuốn sổ tay, bản đồ đi đường, bút máy, phim, tiền lẻ và một bịch thuốc Camel.

“Ngã tư sắp tới, rẽ phải”, bà bảo. Đó là một cái cớ cho bà nhìn Robert Kincaid. Nước da nâu đồng, bóng loáng mồ hôi. Miệng ông đẹp, khi nãy bà đã nhận thấy ngay. Mũi ông giống mũi một số người da đỏ mà bà đã gặp trong những dịp đi nghỉ hè về miền Tây, hồi bọn nhỏ còn bé xíu.

Ông không đẹp theo tiêu chuẩn cổ điển, mà cũng chẳng xấu. Nhưng từ đó thật ra không thích hợp để nói về ông. Có một cái gì, một cái gì đó nơi ông. Không phải nơi đáng dấp mà nơi cặp mắt, có một cái gì đó rất cũ xưa, một cái gì đó đã nhẹ nhàng lụi tàn theo năm tháng.

Ở cổ tay trái, ông mang một cái đồng hồ kiểu cách coi bộ phức tạp, dây bằng da nâu, loang vết mồ hôi. Còn tay phải thì đeo một dây bằng bạc có khắc hoa văn. “Xem ra cái ông này cần phải tắm rửa một trận”. – Bà tự nhủ, dường như bà vẫn còn muốn là tù nhân của thành kiến tỉnh lẻ mà bà bao năm âm thầm khước từ.

Robert Kincaid rút từ áo sơ mi ra một gói Camel, lấy đưa cho bà một điếu. Lần thứ hai trong vòng năm phút, Francesca lại ngạc nhiên về mình, bà nhận điếu thuốc. “Mình sao vậy nhỉ?”, bà nghĩ. Trước đây nhiều năm bà hay hút thuốc nhưng sau đó phải bỏ vì Richard cứ phê bình liên tục. Robert rút một điếu khác, bập vào môi rồi rút cái Zippo mạ vàng đưa về phía Francesca trong khi mắt vẫn chăm chăm nhìn con đường trước mặt.

Bà khum tay quanh bật lửa che gió và chạm vào tay ông vì chiếc xe nhồi liên tiếp. Ông bật mãi cho bà thấp không được, nhưng đủ để ông cảm thấy hơi nóng và làn lông măng mượt nơi tay bà. Francesca hơi nhích lui và Robert phải đưa bật lửa thấp thuốc cho chính mình. Khéo léo che gió, ông chỉ buông tay khỏi vô lăng một tích tắc là thấp được ngay.

Francesca Johnson, vợ một trại chủ, thu mình trên chiếc ghế bụi bặm trong chiếc xe tải, hít một hơi thuốc rồi đưa tay chỉ: “Đó, ngay sau chỗ queo đó”. Cây cầu cũ kỹ, màu sơn đỏ rạn nứt, oằn đi vì năm tháng, bắc qua một dòng sông nhỏ.

Robert Kincaid lại cười. Ông ngắt cây cầu một lúc, nói: “Tuyệt vời... Một tấm ảnh chụp mặt trời mọc”. Ông dừng cách cây cầu độ năm mét, xuống xe và khoác chiếc ba lô lên vai. “Tôi phải đi quanh để xem cho quen mắt một chút, bà không phiền chứ?”. Bà gật đầu và đáp trả ông bằng một nụ cười.

Francesca nhìn theo ông đi lên con đường quê, lấy máy ảnh ra khỏi xách rồi lại khoác xách vào vai. Chắc ông ta làm động tác này hàng ngàn vạn lần trong đời. Cử chỉ thành thạo của ông cho bà biết như vậy. Đang bước đi, ông vẫn quay đầu sang trái sang phải mà không phải dừng lại, nhìn cây cầu, nhìn đám cây sau cầu. Một lúc, ông quay lại xe, vẻ mặt nghiêm trang.

Cứ so với những người xứ này ngày ba bữa ăn khoai tây nghiền với thịt, Robert Kincaid có vẻ như chỉ ăn trái cây và rau thôi chứ không hề đụng đến thịt. Nhưng thể chất ông rắn chắc – bà nghĩ. Bà cũng chú ý thấy đùi ông căng cứng sau lớp quần Jean chật – bà có thể thấy nơi túi quần ông nổi rõ đường hằn của tấm vé và chiếc khăn bên túi kia, thấy ông bước đi ung dung, không hề có một chuyển động thừa nào.

Tất cả đều yên tĩnh, chỉ có con chào mào đậu trên hàng rào đưa mắt nhìn Francesca, và chú chiền chiện rúc lên trong đám cỏ ven đường. Không có gì khác cử động dưới bầu trời tháng Tám trắng toát.

Robert Kincaid dừng lại ngay trước cầu. Ông đứng yên một lúc rồi ngồi xổm xuống quan sát cây cầu qua máy ảnh. Ông băng ngang đường và cũng làm những động tác y như vậy. Xong, ông đi vào trong cây cầu mái che và nghiên cứu tỉ mỉ từng cây xà, từng tấm ván, rồi quan sát dòng sông qua khe nứt trên cầu. Francesca dụi tắt điều thuốc vào cái gạt tàn, mở cửa xe và chạm ủng xuống lớp sỏi trên mặt đất. Bà đưa mắt nhìn quanh để biết chắc không có một chiếc xe nào của các người hàng xóm lai vãng quanh đây rồi bước về phía cây cầu. Ánh mặt trời chiếu gay gắt vào cuối buổi chiều tháng Tám này và ở trong cầu chắc mát hơn. Bà nhận ra cái bóng của Robert Kincaid đầu bên kia cầu khi ông biến mất dọc theo lối dốc dẫn xuống dòng sông.

Bà nghe tiếng bồ câu rúc rúc trên mái cầu và đặt tay lên nhịp cầu, cảm thấy sức nóng từ đó tỏa ra. Những dòng chữ viết nguệch ngoạc lên ván cầu “Jimbo – Denison – Iowa”, “Sherry + Dubby”... Tiếng bồ câu vẫn rúc rúc dịu dàng. Qua kẽ hở giữa hai tấm ván, Francesca đưa mắt nhìn dòng sông nơi Robert Kincaid vừa khuất. Bà thấy ông đang đứng trên một tảng đá ngay giữa dòng sông. Bà ngạc nhiên thấy ông vẫy tay về phía bà. Ông nhảy ra khỏi dòng nước và leo lên bờ dốc một cách dễ dàng. Francesca vẫn nhìn đắm đắm về phía mặt nước cho đến khi nghe tiếng ủng của ông nện trên sàn gỗ.

Tiếng ông dội lên trong cây cầu mái che: “Đây quả là tuyệt vời, thật đẹp”.

Francesca gạt đầu: “Thật thế, đối với chúng tôi ở đây, những cây cầu này là một phần trong bức tranh chung, đến nỗi chúng tôi thấy là quan trọng nữa”.

Ông tiến lại phía bà và đưa cho bà một bó hoa dại, những bông cúc màu vàng. “Cám ơn bà về cuộc hướng dẫn”. Ông cười dịu dàng: “Một hai hôm nữa tôi sẽ trở lại đây lúc bình minh để thực hiện mấy bức ảnh”. Lần này nữa, bà cảm thấy một cái gì khác lạ dâng lên trong bà. Bông hoa. Xưa nay chẳng ai tặng hoa cho bà cả, dù trong những dịp lễ lớn.

“Tôi chưa biết tên bà”, ông nói. Francesca nhớ ra là mình không hề nghĩ đến điều đó và bà thấy mình thật ngốc. Khi bà nói tên mình, ông gạt đầu: “Tôi đã để ý thấy giọng bà khang khác. Bà là người Ý?”.

“Vâng. Lâu rồi”.

Trở về chiếc xe tải. Con đường trải đá dưới ánh chiều tà. Họ gặp hai xe hơi, nhưng không có người nào Francesca quen biết. Trong vài phút trước khi về trang trại, Francesca như rơi vào cơn mơ, bà cảm thấy bối rối, hỗn loạn. Bà cần biết hơn nữa, biết hơn nữa về Robert Kincaid – nhà văn – nhiếp ảnh gia. Bà muốn biết ông rõ hơn nữa. Bà xiết chặt bó hoa giữa hai đầu gối, ngồi thẳng băng, như một cô nữ sinh ra về sau buổi đi chơi lần đầu.

Má bà bừng đỏ đến nỗi chính bà cũng cảm thấy. Thật ra bà chẳng nói gì, chẳng làm gì, nhưng cũng thế thôi. Tiếng radio, gần như không nghe rõ vì tiếng xe, tiếng gió, phát ra một bài hát đệm đàn ghi-ta, theo sau bản tin lúc năm giờ chiều.

Ông lái chiếc xe tải vào ngõ. “Richard là chồng bà?”. Hồi nãy ông đã thấy nơi hộp thư.

“Vâng”, Francesca trả lời như một tiếng thở ngắn nhẹ. Rồi một khi bà đã quyết phóng mình, các tiếng tuôn ra dễ dàng: “Nóng quá nhỉ? Ông muốn vào dùng một ly trà lạnh không?”.

Ông đưa mắt nhìn bà: “Nếu điều đó không phiền bà thì thật tôi không muốn gì hơn!”.

“Có phiền gì đâu”, bà đáp.

Bà chỉ cho ông chỗ đậu xe sau nhà bằng một vẻ thản nhiên hờ hững, ít ra thì bà cũng hy vọng như vậy. Điều bà không muốn chút nào khi Richard về, có một người hàng xóm nào đó bảo: “Này, Dick, thế cậu có thuê công nhân trong nhà đấy à? Tuần rồi mình thấy có một chiếc cam không màu xanh lá cây. Biết có Francesca ở nhà nên mình cũng chẳng lo ngại chuyện mất trộm này nọ...”.

Họ bước lên những bậc xi măng vỡ dẫn đến cửa sau nhà. Ông giữ cửa cho bà, chiếc ba lô mang ở tay kia. “Trời nóng quá nên nếu để máy ảnh trong xe có thể bị hư”.

Trong bếp không khí dịu hơn một chút, nhưng còn nóng. Con chó lông xù ngửi ngửi đôi ủng của Kincaid, rồi quay ra hiên nằm ngủ. Trong khi lấy bình trong tủ đá ra rót trà vào ly, bà biết rằng khi ấy, ngồi bên bàn ăn trong bếp, đôi chân dài gấp lại, tay vuốt mái tóc xù, Robert đang quan sát mình.

“Thêm chanh nhé?”.

“Vâng, xin bà. Không, bà đừng cho đường”.

Giọt chanh chảy chậm chậm dọc thành ly, và ông lại quan sát bà. Ít điều gì lọt khỏi mắt Robert Kincaid.

Francesca đặt ly chanh trước mặt ông. Bà đặt ly mình cạnh bàn mica và cắm bó hoa vào một chiếc lọ cũ đựng mứt có vẽ hình vịt Đô-nan. Vừa cắm bà vừa nghiêng người trên một chân, còn chân kia tuột ủng ra.

Ông nhấp một ngụm trà lạnh và nhìn bà. Bà này hẳn cao một mét sáu bảy, khoảng bốn mươi hơn một chút, khuôn mặt đẹp và thân hình rất đáng yêu, gợi cảm. Nhưng mà đàn bà đẹp thì đâu chẳng có. Nếu đẹp thể chất thì tất nhiên là quý rồi, tuy thế trí thông minh, lòng đam mê cuộc sống khả năng làm xúc động người khác và biết xúc động trước một tâm hồn khác mới là điều đáng kể dưới mắt ông. Đó chính là lý do ông thấy phần lớn các cô gái trẻ đều đáng chán, mặc dầu họ rất đẹp. Họ chưa đủ từng trải để có được những tính cách mà ông thích. Nhưng ở Francesca thì có một cái gì đó ông thích thú thực sự. Ông thấy nơi bà có trí thông minh và có một niềm đam mê. Chỉ có điều ông không rõ được niềm đam mê đó hướng về đâu mà thôi.

Sau này, ông nói với bà rằng, tuy không thể định nghĩa được, nhưng cái lúc ông nhìn bà vẩy đôi ủng ra khỏi chân là cái phút giây kích thích nhất trong cuộc đời ông. Tại sao? Điều đó không quan trọng. Hỏi “Tại sao” không phải là cách để ông tiếp cận cuộc sống. Ông bảo bà: “Phân tích làm hủy hoại tính thống nhất. Một số điều, những điều huyền diệu chẳng hạn, phải được nhìn như một tổng thể. Nếu ta tháo ra từng mảnh, chúng sẽ biến mất”.

Bà ngồi cạnh bàn, một chân gấp lại, đưa tay kéo những sợi tóc phủ trên mặt và buộc tóc lại bằng cái lược đồi mồi. Rồi đột nhiên như nhớ ra, bà bước qua tủ lấy gạt tàn thuốc đặt lên bàn gần tầm tay. Thấy thế, ông lấy gói Camel ra đưa bà. Bà lấy một điếu và thấy thuốc hơi ẩm do mồ hôi nơi tay bà. Rồi vẫn như nghi thức cũ: Ông đưa cái zippo mạ vàng về phía bà, bà chạm

vào tay ông để giữ nhẹ, hơi lùi người một chút. Vị thuốc dịu ngọt và bà mỉm cười.

“Chính xác thì ông làm gì, tôi muốn hỏi là với những bức ảnh đó?”.

Ông nhìn điều thuốc nơi bà và nói bằng một giọng trầm lặng: “Tôi là phóng viên, ơ, nhiếp ảnh gia làm hợp đồng với tờ *National Geographic*, làm bán thời gian thôi. Khi tôi có một dự định nào đó, tôi nói với họ và đi thực hiện phóng sự. Hoặc là, họ có một dự định và họ liên hệ với tôi. Theo cách thứ hai này thì không được sáng tạo lắm, bởi tạp chí này hơi bảo thủ. Nhưng lương tiền thì khá. Cũng không lớn lắm đâu, nhưng đủ sống và đều đặn. Thời gian còn lại thì tôi viết và chụp những cảnh tôi thích và gửi cho các tạp chí khác. Những lúc khó khăn về kinh tế, tôi cũng làm theo đơn đặt hàng của các hãng quảng cáo, dù rằng làm việc này thì chán lắm.

Đôi khi tôi cũng làm thơ, cho chính tôi. Thỉnh thoảng, tôi cũng viết một cuốn tiểu thuyết nhỏ, nhưng xem ra tôi không có mấy tài năng trong lãnh vực này. Tôi hiện sống ở phía Bắc Seattle và làm việc nhiều tại bang này. Tôi thích chụp những chiếc thuyền câu, những khu người da đỏ và phong cảnh thiên nhiên.

Công việc cho tờ *National Geographic* khiến tôi thường phải ở lại những vùng xa trong nhiều tháng, nhất là khi làm một phóng sự lớn, chẳng hạn ở vùng Amazone hoặc sa mạc Sahara. Thường thì khi làm một phóng sự như cái tôi hiện làm, tôi đáp máy bay rồi thuê một chiếc xe hơi tại chỗ. Nhưng tôi muốn đi ngang qua một số vùng để có dịp chuẩn bị cho một vài phóng sự tương lai, nên tôi đến đây bằng cách lái xe qua vùng Thượng Hồ và sẽ trở về qua ngã Hắc Sơn. Thế, còn bà?”.

Francesca không chờ đợi câu hỏi này. Bà ngần ngừ một lát: “Ồ, thật ra chẳng có gì đáng nói cả. Tôi có đậu bằng văn chương. Khi tôi về đây năm 1946, Winterset đang thiếu giáo viên. Với lại, tôi là vợ cựu chiến binh sống ở đây, nên người ta dễ dàng nhận tôi ngay. Thế là tôi qua khóa tu nghiệp và dạy ở trường trung học thị xã vài năm. Nhưng Richard không thích tôi phải đi làm việc. Anh ấy bảo anh kiếm đủ sống nên tôi không cần phải đi dạy, nhất là còn hai đứa nhỏ. Vì thế tôi thôi dạy và trở thành nữ trại chủ chuyên nghiệp. Có thể thôi”.

Ông uống gần hết ly trà lạnh, bà rót thêm.

“Cám ơn bà. Và bà thích vùng này chứ?”.

Câu hỏi mở ra một khoảnh khắc của sự thật. Câu trả lời tiêu chuẩn thì phải là: Hoàn toàn. Nơi đây yên tĩnh. Người dân ở đây thật tốt.

Nhưng bà không trả lời ngay. “Cho tôi một điều thuốc nữa nhé?”. Lại gói Camel, lại chiếc bật lửa, lại chạm nhẹ tay nhau. Ánh mặt trời chiếu xuyên qua hiên nhà, rọi lên trên con chó xù đang ngóc dậy và lững thững lùi mất. Lần đầu tiên Francesca nhìn thẳng vào đôi mắt xanh của Robert Kincaid.

“Tôi muốn trả lời: “Thích hoàn toàn. Nơi đây yên tĩnh. Người ở đây thật tốt”. Và điều đó cũng đúng thôi. Nơi đây yên tĩnh thật. Và người dân quả thật tốt, theo cách nào đó. Tất cả chúng tôi đều quen biết nhau. Nếu một người bệnh hay bị tai nạn gì, hàng xóm láng giềng sang giúp đỡ ngay, như hái bắp hay gặt lúa hoặc những việc khác cần làm. Đi lên phố, ông cũng chẳng cần

đóng cửa xe và để cho tụi nhỏ chạy chơi mà cũng chẳng phải lo ngại gì hết.

Họ có nhiều tính chất tốt và tôi rất kính mến họ. Có điều...”. Bà ngần ngừ, hít một hơi thuốc và nhìn Robert Kincaid bên kia bà, “có điều... đó không phải là những gì tôi mơ ước lúc còn trẻ”. Cuối cùng thì là lời thú nhận. Thật ra lời nói đó đã có sẵn nơi bà từ nhiều năm rồi, chỉ khác là bà không thốt lên thôi. Và bây giờ bà nói điều đó với một người đàn ông sống ở Bellingham, người lái một chiếc xe tải màu xanh lá cây.

Ông trầm ngâm một lúc rồi nói: “Hôm trước đây tôi có ghi vội vài dòng trong sổ tay, dành sau này có xem lại. Khi tôi lái xe, thường có ý tưởng này ý tưởng nọ. Đại để như thế này: Những giấc mộng cũ xưa là giấc mộng đẹp. Chúng không có thực, nhưng ta hài lòng là đã có những giấc mộng đó. Thật tình tôi cũng không rõ chính xác điều đó có nghĩa gì, nhưng cách này hay cách khác tôi sống với nó. Tôi nghĩ rằng tôi hiểu một phần điều bà nói”.

Francesca cười với ông. Lần đầu tiên, nụ cười bà rạng rỡ và sâu thẳm. Và cái bản năng phụ nữ giúp bà về với thực tại: “Ông có muốn ở lại ăn tối không? Gia đình tôi đi vắng cả, nên không có thức ăn gì nhiều, nhưng tôi có thể chế biến”.

“Chắc rồi, nếu điều đó không quá phiền cho bà. Tôi hết sức vui lòng”.

“Ông có thích sườn heo không? Để tôi nấu thịt heo với rau cải trồng trong vườn nhé?”.

“Chỉ rau thôi, tôi không ăn thịt, nhiều năm rồi. Đó cũng chẳng phải là chủ trương đường lối gì đâu, nhưng tôi thấy ăn rau thì sức khỏe tôi tốt hơn”.

Francesca lại cười: “Quan điểm đó của ông ở đây người ta không tán đồng đâu. Richard và các bạn của anh ấy sẽ nói rằng ông cố làm cho họ thất nghiệp đấy nhé. Thật ra thì tôi cũng không ăn nhiều thịt đâu. Tôi cũng chẳng rõ tại sao, nhưng xưa nay vẫn vậy. Ở đây cứ mỗi khi tôi thử dọn một bữa ăn toàn rau là cả nhà cứ kêu thét lên. Tôi phải vậy thôi. Bây giờ có dịp thay đổi cách ăn một tí cũng vui”.

– “Được rồi, nhưng bà đừng quá nhọc lòng vì tôi đấy nhé. À, tôi còn sắp xếp mấy cuộn phim và sửa soạn đồ đạc một tí. Tôi phải ra ngoài một lúc.” Ông nhồm dậy và nhấp ngụm trà cuối.

Francesca nhìn ông ra khỏi nhà bếp, đi ngang qua hiên và bước ra ngoài cánh đồng. Ông không kéo sập cửa như nhiều người thường làm mà đóng lại một cách nhẹ nhàng. Ngay trước khi ra sân, ông còn cúi xuống vuốt ve con chó lông xù và nó đáp lễ bằng cách liếm tay ông.

Francesca lên lầu tắm vội một cái cho đỡ bức, và trong khi lau mình, bà nhìn xuống sân qua tấm màn nâu và thấy ông đang rửa ráy bằng vòi nước từ một cái bơm tay. Bà đã định bảo ông vào trong nhà mà tắm nhưng rồi lại thôi, nói như thế sợ tỏ ra thân mật quá. Bà triển miên trong những ý tưởng mâu thuẫn, và quên băng mất.

Nhưng mà Robert Kincaid thì đã tắm rửa trong những điều kiện tồi tệ hơn thế này nhiều. Ông đã từng tắm giặt bằng những thùng nước hôi rình mùi dầu ở vùng sông Tigre, hoặc với một bi-đông nhỏ xíu giữa sa mạc. Bây giờ, trong sân của trang trại này, ông đang xoay tròn ra và lấy một cái sơ mi bẩn vừa dùng làm bao tay để kỳ cọ vừa dùng làm khăn lau. Bà tự nhủ: “Khăn, ít ra thì mình cũng phải lấy cho ông ta một cái khăn chứ”.

Dao cạo râu thì ông để đại bên cạnh bơm. Francesca nhìn ông xoa xà phòng lên mặt và cạo râu. Bà nghĩ: “Ông ta... rắn chắc. Ông không cao lớn lắm, chắc chỉ hơn một mét bảy lăm, khá thon, nhưng có đôi vai cuồn cuộn và bụng mảnh như một lưỡi dao. Ông ta có vẻ trẻ hơn tuổi, mà thật ra mình cũng chẳng biết ông bao nhiêu tuổi nữa và chắc chắn ông ta chẳng giống một chút gì với dân xứ này – những người chỉ ăn uống toàn xi-rô với thịt, mỡ hàng ngày”.

Lần đến Des Moines vừa rồi, bà có mua một lọ nước hoa. Bà xúc một tí, chút xíu thôi. Mình mặc gì đây? Bà nghĩ không nên mặc gì sang quá bởi ông ta đang mặc đồ làm việc kia mà. Bà lấy ra một chiếc sơ mi trắng tay dài, một cái quần Jean sạch và mang xăng-đan. Một đôi bông tai mạ vàng mà Richard không thích, bảo rằng bà đeo vào trông lảng quá – và một vòng đeo tay bằng vàng. Bà kéo tóc ngược ra sau, buộc bằng một chiếc kẹp. Thế được rồi.

Khi bà xuống bếp, ông đang loay hoay với mấy chiếc ba lô và cái thùng đá, ông mặc một cái áo kaki sạch dưới dây treo màu cam. Trên bàn là ba cái máy ảnh, năm ống kính và một bịch Camel. Tất cả máy ảnh của ông đều hiệu Nikon. Các ống kính đủ cỡ, lớn, trung bình, nhỏ. Đồ đạc của ông xem ra hơi cũ, chột, méo mó. Tuy vậy ông sờ mó một cách thận trọng. Ông lau chùi, thổi bụi bám trên dụng cụ.

Ông ngược mắt nhìn bà, vẻ nghiêm trang, hơi bẽn lễn nữa: “Tôi có bia trong thùng đá. Bà muốn dùng một chai chứ?”.

“Vâng, tốt quá”.

Ông lấy ra hai chai Budweiser. Khi ông mở nắp thùng, có những chai nhựa trong suốt đựng đầy phim, cùng với bốn chai bia.

Francesca mở ngăn kéo định tìm đồ mở bia nhưng ông nói: “Tôi có đủ đồ cần dùng”, rồi rút con dao trong bao dắt bên hông ra và mở nắp bia một cách thành thạo. Ông đưa bà một chai và đưa chai của mình lên có vẻ như chúc mừng: “Cho những chiếc cầu mái che cuối buổi chiều, hay, tốt hơn nữa, cho những buổi sáng đỏ hồng và nóng nực”. Ông cười.

Francesca không đáp lời ông, bà chỉ dịu dàng mỉm cười và đưa nhẹ chai lên, ngáp ngừng, vụng về. Một người lạ, bông hoa, mùi hương, bia trong một ngày thứ Hai nóng nực cuối mùa hạ. Chùng đó như hơi quá nhiều.

“Lâu lắm rồi, vào một buổi chiều tháng Tám có một người khát nước quá. Người đó tên là gì thầy kệ, đã nghiên cứu cơn khát và dùng xảo thuật để sáng chế ra bia. Chuyện xảy ra như thế đó và vấn đề được giải quyết”. Ông sờ mó máy ảnh, như nói với nó, vừa vặn chắc một chiếc vít nhỏ xíu.

“Tôi phải đi ra vườn đã, sẽ trở lại ngay”.

Ông nhướng mắt: “Bà có cần giúp một tay không?”. Francesca ra dấu không và bước qua trước mặt ông, cảm thấy cặp mắt ông dán chặt lên hông mình. Bà tự hỏi ông có nhìn theo mình khi mình bước ra hiên không. Bà đoán chắc ông phải làm vậy.

Bà đoán đúng. Ông nhìn theo bà. Ông cúi đầu xuống rồi lại ngẩng lên nhìn theo. Ông nhìn thân hình bà, nghĩ đến trí thông minh của bà và tất cả mọi điều khác mà ông nghĩ có nơi bà. Ông bị

cuốn hút và ông cố thử cưỡng lại.

Vườn lúc này đã tối, Robert Kincaid đang sắp xếp lại mớ ba lô, một cách cẩn trọng và chính xác. Mỗi thứ đều đúng chỗ. Ông đã uống hết chai bia và mở hai chai khác, mặc dầu Francesca chưa uống hết chai của mình. Bà bèn ngửa đầu, nốc hết chút bia còn lại và đưa cho ông chai không.

“Tôi có thể giúp bà được gì không”. Ông hỏi.

“Ông lấy giùm trái dưa dưới hiên và một ít khoai để trong thùng gỗ ấy”.

Ông chuyển mình đứng dậy một cách nhẹ nhàng. Bà ngạc nhiên thấy trong chớp mắt ông đã trở lại, nách kẹp trái dưa, tay cầm bốn củ khoai. “Đủ chưa?”.

Bà gật đầu, tự hỏi ông ta có thật không. Ông đặt dưa và khoai lên bàn bếp bên cạnh chậu rửa bát, nơi bà đang dầm rau, rồi về ngồi lại chỗ cũ, châm một điếu Camel. Bà hỏi, mắt vẫn nhìn xuống mớ rau: “Ông sẽ ở lại vùng này bao lâu?”.

“Tôi cũng chưa biết rõ. Giai đoạn này tôi khá nhàn, ba tuần nữa tôi mới phải đưa bài phóng sự cho báo. Đủ thời gian cần thiết. Chắc tôi ở đây một tuần”.

“Ông ở tại đâu? Trên phố à?”.

“Vâng. Nơi có nhiều phòng cho thuê. Gọi là Motor Court gì đó. Sáng nay tôi vừa đăng ký. Tôi thậm chí cũng chưa kịp mở cửa phòng nữa”.

“Đó là chỗ duy nhất để trọ ở nơi này, ngoại trừ nơi bà Carlson là chỗ cho thuê dài hạn. Còn quán ăn thì chém dữ lắm, tôi muốn nói, nhất là với một người ăn chay như ông”.

“Tôi biết. Nhưng tôi xoay xở được. Vào giai đoạn này trong năm thì không khó khăn lắm. Tôi có thể mua đồ tươi nơi các tiệm thực phẩm dọc đường. Bánh mì với một hai thứ khác, thế là đủ. Nhưng được mời kiểu thế này thì thật thích. Tôi thú vị lắm”.

Bà chum hum lên bàn bếp và đưa tay vặn chiếc máy thu thanh nhỏ chỉ có hai nút. Từ máy vọng ra tiếng hát có đệm đàn ghi-ta *“với thời gian trong túi và thời tiết bên cạnh...”*. Francesca vặn nút cho âm thanh nhỏ lại.

Ông đề nghị: “Tôi cũng khá khéo tay để xắt rau đấy”.

“Được thôi, thớt kia kìa và có một con dao trong ngăn ngay phía dưới đấy. Còn tôi thì hầm rau quả, rồi sẽ xắt nhỏ”.

Ông tiến lại gần, nhìn xuống, cắt, thái cà rốt và củ cải, hành. Francesca gọt khoai, cảm thấy lần đầu tiên bà ở sát một người lạ đến như vậy.

“Ông có chơi đàn ghi-ta à? Tôi thấy cây đàn trong thùng xe”.

“Sơ sơ thôi. Chỉ biết đệm, không hơn. Vợ tôi trước đây là một trong những ca sĩ dân ca hạng nhất, trước khi nó trở thành thời trang. Chính bà ta đã khuyến khích tôi chơi ghi-ta”.

Francesca cảm thấy hơi cứng người khi nghe thấy tiếng “vợ tôi”. Tại sao, bà cũng chả biết. Thì ông ta có quyền lập gia đình chứ. Nhưng điều đó xem ra không giống phong cách ông. Bà không

muốn ông có gia đình.

“Bà ta không chịu nổi những năm tháng dài tôi vắng nhà biệt. Chính tôi cũng không muốn bà phải chịu như vậy. Cách đây chín năm bà bỏ đi. Một năm sau thì ly dị. Chúng tôi không có con, cho nên cũng không phức tạp lắm. Bà để cây đàn lại cho tôi”.

“Từ đó ông có tin tức gì về bà ta không?”.

“Không, không bao giờ”.

Ông không nói thêm, Francesca cũng không nài. Tự nhiên bà cảm thấy dễ chịu hơn và một lần nữa bà tự hỏi mình tại sao lại như vậy.

“Tôi cũng có đến Ý hai lần. Trước đây bà ở đâu?”.

“Napoli”.

“Tôi không biết thành phố đó. Một lần tôi đến miền Bắc để làm phóng sự về cảnh dọc sông Pô. Rồi lần thứ hai thì đến Sicily”.

Francesca tiếp tục gọt khoai. Trong khoảnh khắc bà chợt nghĩ đến nước Ý. Đồng thời bà cũng thấy rất rõ sự hiện diện của Robert Kincaid sau lưng mình.

Mây phủ trắng khắp phía Tây, tỏa những tia sáng cuối cùng của mặt trời ra khắp mọi hướng. Ông quan sát qua khung cửa sổ phía trên bồn rửa chén, nói: “Ánh sáng rất đẹp. Mấy người in lịch hẳn thích lắm. Cả các tạp chí tôn giáo nữa”.

“Công việc ông có vẻ thích nhỉ?”.

Bà muốn cho cuộc đối thoại của họ ở trạng thái vô thưởng vô phạt.

“Quả vậy. Tôi yêu thích nghề này vô cùng. Tôi thích đi và thực hiện các tấm ảnh”.

Bà để ý thấy ông dùng từ “thực hiện” tấm ảnh.

“Ông thực hiện các tấm ảnh, chứ ông không chụp sao?”.

“Đúng vậy. Tôi nhìn vấn đề như thế này đây: Có sự khác biệt rất lớn giữa những nhà nhiếp ảnh nghiệp dư và người làm việc này như là một nghề nghiệp. Khi tôi hoàn tất ảnh về cây cầu mà bà thấy hồi chiều, sẽ hoàn toàn không có vẻ gì như điều bà có thể nghĩ. Tôi tạo ra một cái gì đó cho tôi, bằng cách chọn ống kính, bằng góc nhìn hay bằng bố cục của bức ảnh, hay có lẽ bằng sự kết hợp của tất cả các yếu tố đó lại. Tôi không nghĩ rằng chủ đề chỉ là một dữ kiện có sẵn, cho nên tôi cố gắng tạo ra một cái gì phản ánh chính ý tưởng tôi, tâm hồn tôi. Tôi cố tìm tính chất thơ trong hình ảnh. Cái tạp chí mà tôi cộng tác thì có phong cách cũng như yêu cầu của họ, mà tôi thì không phải luôn luôn đồng ý với quan niệm và sở thích của ông tổng biên tập; nói thật thì chúng tôi thường bất đồng ý kiến với nhau. Điều đó làm khó cho họ, cả khi chính họ là kẻ quyết định việc chọn ảnh. Tôi cho là họ hiểu công chúng của họ hơn tôi, thế nhưng tôi thích họ đôi khi cũng phải liều một chút. Tôi nói thế với họ và họ rất bực.

Và đó chính là vấn đề của một kẻ chọn nghệ thuật làm nghề sinh nhai. Bà phải phụ thuộc vào

thị trường, vào đám đông, mà thị trường nhằm thỏa mãn sở thích bằng phương tiện công cộng. Và ở đó có vấn đề tiền bạc. Đó là một thực tế. Nhưng, như tôi nói với bà, điều đó có thể làm mình ngột ngạt.

May mà tôi có quyền giữ lại những bức ảnh họ không sử dụng, cho nên ít ra thì tôi cũng giữ được một kho tư liệu riêng về những điều mà tôi yêu thích.

Rồi, dần dà, có tạp chí chọn một hai bức ảnh trong số đó, hoặc có khi tôi viết bài về vùng nọ và minh họa bằng những bức ảnh táo bạo hơn những thứ mà tờ *National Geographic* đã chọn.

Có lẽ một ngày nào đó, tôi sẽ viết một tiểu luận có tên là “Đạo đức của những người nghiệp dư” cho tất cả những ai thích kiếm sống bằng cách làm nghệ thuật. Hơn tất cả, thị trường giết chết niềm đam mê nghệ thuật. Phần lớn con người sống trong một thế giới an toàn, đó là điều họ muốn. Các tạp chí và các hãng quảng cáo cho họ sự an toàn, một cảm giác đồng điệu, những thói quen và sự tiện nghi, và họ không còn đặt chúng thành vấn đề nữa.

Lợi nhuận, tên tuổi, những thứ đó đang ngự trị thế giới nghệ thuật. Và tất cả chúng ta đều bị ép khuôn bởi cái bánh xe vĩ đại của sự đồng nhất.

Các chuyên viên tiếp thị luôn luôn mở mồm về cái mà họ gọi là “người tiêu thụ”. Tôi muốn vẽ ra hình ảnh một con người nhỏ con bụng bự, đội mũ rơm rộng vành, áo sơ mi chim cò, quần sọt rộng thùng thình, tay nắm một nắm đô-la”.

Francesca mỉm cười dịu dàng và nghĩ đến sự an toàn, sự tiện nghi.

“Nói thế không phải là tôi phàn nàn về nghề mình lắm đâu. Tôi thích du lịch và đùa với máy ảnh của mình, thích ở ngoài trời. Dẫu sao thế cũng dễ chịu lắm”. Francesca nghĩ rằng, đối với Kincaid, cuộc nói chuyện này nhằm chán. Đối với bà, đó là văn học. Người ở quận này thì không nói kiểu như thế này đâu. Họ nói về thời tiết, về giá cả, về những đứa trẻ vừa sinh, về đám tang, về kế hoạch của chính phủ và về các đội bóng, chứ không về nghệ thuật hay giấc mơ. Không nói về cái thực tại làm nghẹn tắc âm nhạc và làm tù hãm những giấc mơ.

Ông đã thái xong mớ rau quả. “Tôi cần làm gì khác nữa không?”

Bà lắc đầu: “Không, để tôi lo được rồi”.

Ông lại ngồi nơi bàn, hút thuốc và nhắm nháp bia. Bà lo làm bếp và chốc chốc cũng nhấp một ngụm. Bà có thể cảm thấy ảnh hưởng chất bia trong người, mặc dầu bà chỉ uống một vài ly bia với Richard, ngoài ra hầu như không bao giờ. Trong nhà ít khi có rượu, ngoại trừ một chai brandy bà mua ngày nọ với hy vọng mơ hồ là tạo một sinh khí cho cuộc sống đơn điệu của họ ở nông thôn. Chai rượu chưa bao giờ khai.

Trộn dầu. Thêm rau. Nấu chín. Đánh xốt rồi trộn dầu. Thêm nửa lít nước. Trộn lại rau và nếm. Cho lửa riu riu chừng 40 phút.

Bà qua bàn ngồi đối diện với Robert Kincaid. Ở hai người đã có vẻ thân mật ngấm ngấm do việc chuẩn bị bữa ăn. Bởi khi nấu ăn đôi một người xa lạ, mà người xa lạ đó ngồi sát bên cạnh mình thái rau giúp, thì sự xa lạ đã mất đi một phần. Vẻ xa lạ, mất đi, nhường chỗ cho một

không khí thân mật gần gũi.

Ông đẩy gói thuốc và bật lửa về phía Francesca. Bà lấy một điếu, vụng về bật quẹt mãi không được. Ông mỉm cười, nhẹ lấy bật lửa nơi tay bà, đưa tay đề viên đá hai ba lần rồi mới bật và đưa cho bà châm.

Mặt trời trắng biến thành đỏ thẫm đang khuất dần xuống ruộng ngô. Từ cửa sổ nhà bếp nhìn ra, Francesca có thể thấy một cánh diều lướt theo gió trong ánh hoàng hôn. Đài phát thanh đưa bản tin bảy giờ. Qua chiếc bàn mica vàng, Francesca đưa mắt nhìn Robert Kincaid, người vừa vượt qua một cuộc hành trình dài gần xuyên ngang nước Mỹ để đến ngồi trong bếp nhà bà. Biết bao dặm đường.

Ông đưa tay chỉ bếp lò: “Xem ra được rồi đấy. Bốc lên mùi... yên tĩnh”. Ông nói và nhìn bà.

“Yên tĩnh? Cái gì có mùi yên tĩnh?” Francesca tự hỏi. Ông nói đúng. Sau bao năm tháng nấu nướng thịt sườn, thịt bít-tết, rô-ti... lần này quả thật là một lần nấu ăn... trầm lặng. Nơi những món thực phẩm này không thể hàm chứa một ý nghĩa sát sanh nào. Món ăn chín sôi một cách thanh bình và bốc lên mùi thanh bình, trong bếp ăn thanh bình.

Ông hơi dựa lui vào ghế, bắc tréo chân. “Nếu bà không thấy chán, bà hãy kể cho tôi nghe ít điều về cuộc sống ngày trước ở bên Ý”.

Thế là bà nói, cũng bởi sự im lặng làm bà bối rối. Bà kể thời thơ ấu, các trường tư thục, các bà xơ, cha mẹ bà – một người đàn bà nội trợ và một ông giám đốc nhà băng – về những buổi bà đứng ngẩn ngơ trước biển ở tuổi dậy thì, nhìn những con tàu đến từ khắp nơi trên thế giới. Những chàng lính Mỹ đến Ý sau đó. Việc bà gặp gỡ Richard trong một quán nước khi bà đang cùng bạn bè uống cà phê, đang bàn về tương lai, về cuộc sống bị đảo lộn do chiến tranh. Bà không nhắc đến Niccolo.

Ông lặng lẽ nghe, thỉnh thoảng gật đầu đồng tình. Khi bà ngừng kể, ông thêm:

“Bà nói bà có mấy đứa con?”.

“Vâng. Michael thì mười bảy, Carolyn mười sáu. Cả hai đều học phổ thông ở Winterset. Chúng có tham gia vào một câu lạc bộ, vì thế vừa rồi chúng đi dự hội chợ ở Illinois. Họ đấu xảo chú bò con của Carolyn.

Đó cũng là một điều tôi không bao giờ làm, cũng không bao giờ hiểu nổi là người ta hết sức yêu thương, hết sức chăm sóc gia súc để rồi đem bán cho lò mổ. Tôi không hề nói ra ý kiến này đâu. Bởi nếu tôi nói ra, Richard cũng như những người chung quanh sẽ gạt đi tức khắc. Nhưng tôi cảm thấy như có một cái gì mâu thuẫn, lạnh lùng, tàn nhẫn trong đó”.

Bà cảm thấy có tội khi nhắc đến tên Richard.

Bà cũng chẳng nói gì, làm gì xúc phạm. Có điều bà vẫn cảm thấy tội lỗi, một mặc cảm tội lỗi phát sinh từ những lý do mơ hồ. Bà tự hỏi làm thế nào mà bà hướng cuộc nói chuyện về điểm đó, hay có lẽ chính bà lao vào cái điểm mà bà cũng hiểu rõ. Robert Kincaid vẫn điềm nhiên, lặng lẽ, có vẻ dè dặt nữa.

Trong lúc họ nói chuyện, chiều chuyển thành xanh biếc và sương mù phủ nhẹ xuống cánh đồng bên ngoài. Ông mở thêm hai chai bia trong khi món ăn của Francesca đang sôi lạng lẽ. Bà đứng dậy, bỏ thêm vào nồi một vài thứ gia vị rồi quay người tựa vào bếp nhìn lại ông. Lòng bà dâng lên một mối đồng cảm với Robert Kincaid, ở Bellingham trong Washington. Hy vọng ông không bỏ đi quá sớm.

Ông tự múc thức ăn hai lần một cách thích thú và lặp lại hai lần rằng thức ăn tuyệt ngon. Bia thì mát lạnh. Buổi chiều thì xanh biếc. Francesca bốn mươi lăm tuổi và Hank Snow hát một bài hát đường trường trên đài phát thanh Iowa.



NHỮNG CHIỀU XƯA TIẾNG NHẠC XA VỜI

B

ây giờ thì sao nhỉ?”. Francesca thầm nghĩ, khi bữa ăn chấm dứt.

Ông đề nghị: “Chúng ta ra ngoài đồng đi dạo một lát nhé? Ngoài đó chắc trời mát hơn”. Khi bà đồng ý, ông mở ba lô lấy chiếc máy ảnh ra khoác quai vào vai.

Kincaid đẩy cửa và giữ cho Francesca bước ra rồi theo sau, khép cửa lại nhẹ nhàng. Họ bước xuống bậc thềm loang lổ, qua sân rải đá rồi giẫm lên cỏ, về phía Đông của xưởng để máy móc. Xưởng bốc lên mùi dầu.

Họ tiến đến hàng rào, Francesca đưa một tay kéo dây kẽm gai rồi bước qua, thấy sương ướt đầm chân qua đôi xăng-đan. Ông cũng làm theo, nhẹ nhàng bước qua hàng kẽm gai.

Mặt trăng gần tròn đầy nhô lên phía Đông bầu trời đang chuyển màu xanh thẫm, mặt trời lặn xuống ngang với đường chân trời. Nơi con đường phía dưới họ, một chiếc xe chạy qua, bóp còi chát tai. Cậu con trai Clark ở Winterset, bồ của Judy Levenson.

Từ lâu rồi, bà không hề đi dạo như thế này. Thường sau bữa ăn tối, luôn luôn vào lúc năm giờ chiều, có bản tin trên ti vi rồi chương trình buổi tối mà Richard xem, đôi khi với hai đứa con khi chúng xong bài tập. Francesca thì đọc sách trong nhà bếp – mượn của thư viện hoặc câu lạc bộ bà tham gia – sách lịch sử, thi ca hoặc tiểu thuyết. Đôi khi trời tốt, bà ra đọc sách dưới hiên. Bà ghét xem ti-vi. Có khi Richard từ trong nhà gọi vọng ra: “Frannie, vào xem này, hay lắm!” thì bà mới ra ngồi cạnh chồng một lúc. Elvis bao giờ cũng trình diễn một kiểu ồn ào như nhau. Nhóm Beatles cũng vậy, khi họ xuất hiện lần đầu trên chương trình của Ed Sullivan – Richard nhìn mái tóc dài bù xù của họ, lúc lắc ra vẻ không tán đồng và thiếu tin cậy.

Trong một thoáng những đường đỏ ối của ánh hoàng hôn vạch trên bầu trời. Robert Kincaid vừa đưa tay chỉ vừa bảo: “Tôi thường gọi đó là “phản quang”. Phần lớn người ta giờ ngay máy ảnh lên chụp, thường lúc đó màu và ánh sáng rất đẹp, khi mặt trời vừa lặn xuống sau chân trời và ánh sáng còn phản chiếu lên bầu trời”.

Francesca không trả lời, bà tự hỏi về con người say sưa với màu sắc của bầu trời, người có làm thơ chút ít và viết tiểu thuyết chút ít. Người chơi đàn ghi-ta tài tử, người kiếm sống bằng chụp

ảnh và mang dụng cụ nghề nghiệp nơi ba lơ đeo lưng, đi khắp các ngõ đường. Người giống như gió. Lưng lay như gió. Và có lẽ sẽ trở về với gió.

Ông thọc tay vào túi quần, mắt hướng về bầu trời, máy ảnh lắc lư bên hông trái. “Mặt trăng như những trái táo bạc, mặt trời như những trái táo vàng”. Giọng ông trầm, đọc ra những lời trên như một diễn viên chuyên nghiệp.

Francesca nhướn mắt nhìn ông: “W. B. Yeats. Bài ca về Aengus, kẻ lạc loài”.

“Đúng. Một thi sĩ tuyệt vời, Yeats ấy. Hiện thực, tiết kiệm nhục cảm, cái đẹp quý thuật. Tất cả cái đó nói lên nguồn gốc Ái Nhĩ Lan của tôi”.

Ông đã nói lên tất cả, chỉ trong năm từ. Francesca đã từng tốn công vô ích khi đem thơ Yeats cố giải thích cho học trò mình ở Winterset hiểu, nhưng không bao giờ thuyết phục được họ. Bà chọn Yeats cũng vì những lý do mà Robert Kincaid vừa chỉ ra. Học sinh xứ này có thành kiến nặng nề với thi ca và ngay cả Yeats cũng không vượt qua được. Bà còn nhớ khi bà đọc câu thơ “Mặt trời như những quả táo vàng” thì cái cậu Mathew Clark đưa mắt liếc qua cậu bạn bên cạnh, đưa tay vạch một đường cong chỉ đôi vú đàn bà. Cả bọn con trai cười ồ còn bọn con gái thì đỏ mặt.

Người ở đây sống bằng một thái độ thực dụng như vậy. Bà thấy điều đó và bà nản lòng vì cảm thấy mình tổn thương và cô độc, mặc dầu rõ ràng họ biểu lộ một tình bạn rõ rệt với bà. Ở đây người ta không ưa thích thi ca. Để chống lại cái mặc cảm tự ti về văn hóa, người dân ở đây thường nói: “Đây là một nơi rất tốt để giáo dục con cái”. Những lúc đó bà rất muốn đáp lời họ: “Nhưng đây có phải là nơi thích hợp để giáo dục người trưởng thành không?”.

Họ đi dọc theo cánh đồng hàng trăm mét mà không hay, rồi đi vòng lững thững hướng về nhà. Bóng tối đã phủ kín đầy khi họ đến hàng rào. Lần này, ông kéo dây kềm gai cho bà bước qua. Bà chợt nhớ tới chai brandy: “Tôi còn chai rượu. Hay là ông muốn uống cà phê?”.

“Thế muốn cả hai được không?”.

Lời ông thốt ra trong bóng tối. Bà biết ông đang mỉm cười.

Bà trả lời: “Được quá đi chứ”, khi họ bước vào vùng ánh sáng từ hiên chiếu xuống bãi cỏ và sân rải đá. Bà nghe thấy trong tiếng nói của chính mình có có một cái gì đó làm bà bồn chồn. Đó là âm hưởng của tiếng cười dòn tan trong các quán cà phê ở Napoli thuở nào.

Tìm cho ra hai chiếc tách nguyên lành không phải dễ. Và bà biết rằng cuộc đời của Robert Kincaid gắn liền với ly tách sứ mẻ, nứt rạn, nên bà muốn dịp này phải uống cho đàn hoàng. Bà có hai cái ly để uống rượu brandy, để trên chót tủ, chưa hề dùng đến bao giờ. Bà nhón gót với lấy và thấy đôi dép ướt đầm dưới chân mình, ống quần Jean xiết chặt lấy đùi.

Ông ngồi lại nơi chiếc ghế ngồi nãy giờ và lặng lẽ ngắm bà. Phong cách của tổ tông. Phong cách của tổ tông cũng hiện hình nơi ông. Ông thầm hỏi mình sẽ cảm thấy thế nào khi chạm vào tóc bà, khi vuốt ve cái lưng thon thả của bà, khi thân thể bà nằm duỗi cạnh ông.

Phong cách tổ tông trỗi dậy chống lại tất cả những gì con người được dạy bảo, những điều in

sâu vào trí óc qua nhiều thế kỷ văn hóa, nhiều quy luật chặt chẽ dành cho con người văn minh. Ông cố gắng cưỡng lại bằng cách nghĩ đến điều khác, về các tấm ảnh, về chuyến đi, về chiếc cầu có mái che. Nghĩ đến tất cả ngoại trừ người đàn bà mà ông đang ngắm nhìn. Nhưng không gạt bỏ được, và lại tự hỏi thăm mình sẽ cảm thấy gì khi chạm vào làn da bà, khi áp bụng bà vào bụng mình. Những câu hỏi của muôn đời. Bản năng quý quái của tổ tông đang tìm cách trỗi dậy, đang vùng dậy.

Ông cố đẩy ra xa, gạt bỏ, châm một điếu Camel và thở mạnh.

Bà cảm thấy đôi mắt ông luôn dán vào bà tuy rằng ông nhìn một cách kín đáo, không lộ liễu. Bà cũng biết ông hiểu rằng trước đây bà chưa hề rót chai brandy ra ly. Và bà thấy nơi ông, ngoài cái chất buồn rất Ái Nhĩ Lan, còn có một thoáng xúc cảm, không phải thương hại. Loại tình cảm đó không thích hợp với ông. Có lẽ u hoài thì đúng hơn. Bà gần như nghe thấy những từ ông sắp lại thành lời:

Chai rượu đầy,

nhưng ly rỗng,

Nàng với tay lấy những chiếc ly rỗng không.

Đâu đó nơi phía Bắc dòng sông Middle ở Iowa

Tôi lặng ngắm nàng bằng cặp mắt

của những người đã từng thấy vùng Amazone của những Jivaros

Và con đường tơ lụa

Bụi của đoàn lữ hành quấn lấy chân tôi

Chạm vào không gian trinh nguyên

nơi bầu trời châu Á.

Khi lật nhãn ghi dấu Iowa trên nút chai rượu brandy, Francesca nhìn ngón tay mình và ước chi ngón tay mình dài, thon và được chăm sóc tử tế hơn. Cuộc sống nông trại đâu có cho phép bà để móng tay dài. Và thật ra, điều này từ trước đến tối nay, không có gì quan trọng đối với bà.

Rượu brandy, hai chiếc ly đặt trên bàn. Trong khi bà pha cà phê, ông mở nút chai và rót một lượng chính xác vào ly. Ông thường có thói quen uống brandy sau bữa ăn tối.

Francesca tự hỏi người đàn ông xa lạ này đã từng sống ở bao nhiêu bếp, bao nhiêu quán ăn, bao nhiêu phòng ăn dưới ánh sáng mờ. Bao nhiêu ngón tay phụ nữ thon dài cầm ly đưa lên trước mặt ông, bao nhiêu cặp mắt xanh biếc hoặc đen láy như hột hồ đào ông đã nhìn từ các buổi dạ tiệc ở các xứ lạ, khi những chiếc tàu đánh cá lắc lư theo sóng biển, khi sóng đập vào bờ đá mốc thiu nơi hải cảng già nua?

Ánh sáng ngọn đèn trần quá chói không thích hợp để uống cà phê và brandy. Francesca Johnson, vợ của Richard Johnson, người vừa đi dạo một vòng trên cỏ ướt lúc chạng vạng, người

lần giở lại giấc mộng của một thời con gái, vẫn để nguyên ánh đèn. Thắp một cây nến thì lý tưởng đấy, nhưng bà sợ là thế thì đi quá xa, có thể làm ông hiểu lầm. Bà đành bật ngọn đèn trên bếp bếp rồi tắt ngọn đèn trần. Tuy chưa thật hoàn hảo, nhưng thế này cũng đã hơn nhiều.

Ông đưa ly rượu lên trước mặt Francesca, hơi chạm nhẹ vào ly bà: “Chúc cho những buổi chiều xưa, cho những tiếng nhạc xa vời”, bà chỉ mỉm cười.

Cả hai lặng lẽ hút thuốc, không nói một lời, lặng lẽ nhấp cà phê, nhấp rượu brandy. Tiếng một con chim từ ngoài đồng. Jack, chú chó xù, sủa lên hai lần. Đàn muỗi lùa vào từ cửa sổ và một con bướm đêm đơn độc bằng bản năng chính xác, cũng bay vào dự cuộc chơi dưới làn ánh sáng của ngọn đèn bếp.

Trời vẫn nóng, không một làn gió nhẹ, hơi ẩm ướt nữa. Robert Kincaid nhẹ toát mồ hôi, ông đã mở hết cúc trên áo sơ mi. Ông không quan sát Francesca, nhưng bà vẫn cảm thấy đang ở trong tầm nhìn của ông, kể cả khi ông ngó ra cửa sổ. Bà nhìn thấy ngực ông qua làn áo sơ mi, bà thấy cả những giọt mồ hôi loang lổ trên làn da ông.

Francesca đắm mình trong một cảm giác dễ chịu, những cảm giác của thi ca và âm nhạc. Dầu vậy, cũng đã đến giờ ông ta phải về rồi, bà tự nhủ. Chín giờ năm hai phút, chiếc đồng hồ treo phía trên tủ lạnh đã nhắc nhở. Faron Young đang hát trong radio. Một bài hát cũ đã nhiều năm, bài “Di tích của Thánh Cécile”. Đó là người nữ tu tuần giáo ở thế kỷ thứ ba, Francesca thầm nhớ. Bà thánh bảo trợ của âm nhạc và kẻ mù lòa.

Ly của ông đã cạn. Lúc ông quay nhìn ra cửa sổ, Francesca cầm cổ chai brandy định rót thêm cho ông. Ông lắc đầu ra dấu thôi. “Chiếc cầu Roseman đang đợi tôi sáng sớm mai. Tôi phải về thôi”.

Bà cảm thấy nhẹ nhõm. Cùng một lúc thất vọng. Bà vẫy vù trong một mớ tình cảm mâu thuẫn. Ừ thì về, nếu ông muốn. Uống thêm ly brandy nữa đi. Hãy ở lại. Mặc cho bà đang bối rối, Faron Young vẫn cứ tiếp tục hát. Con bướm đêm lạc loài cũng không còn đậu nơi chạn rửa bát. Bà không biết chắc Robert Kincaid đang nghĩ gì nữa.

Ông đứng dậy, khoác ba lô lên vai trái, chiếc ba lô thứ hai thì đặt lên trên thùng đá. Bà đi vòng qua bàn. Ông bắt tay bà, bà xiết chặt. “Cám ơn bà về buổi tối, về bữa ăn, về cuộc đi dạo. Tất cả đều hoàn hảo. Bà là một người tuyệt vời, Francesca. Nên cất chai brandy vào tủ đi. Có lẽ chừng đó là cũng đủ say rồi đó”.

Vậy là, ông ta hiểu. Nhưng bà không thấy tổn thương vì lời nói đó. Ông nói một cách thơ mộng, đầy thiện chí. Về điệu dàng trong giọng nói, cách ông cất lời chứng tỏ điều đó. Điều mà bà không hề biết, chính là ông đang muốn gào lên với bốn bức tường của nhà bếp: “Trời đất ơi, Richard Johnson, mày ngốc đến thế à?”.

Bà theo ra đứng cạnh ông khi ông thu xếp đồ đạc lên xe. Chú chó xù băng qua sân, chạy đến người người. “Jack, lại đây”. Bà gọi nhỏ, nhưng giọng cương quyết khiến Jack chạy ngay lại nằm xuống dưới chân, lưỡi thè dài.

“Tạm biệt. Giữ gìn sức khỏe”. Ông nói, dừng lại một lúc trước chiếc xe, nhìn thẳng vào mắt bà.

Rồi ông leo lên xe và đóng cửa. Ông mở khóa cái động cơ già cỗi, đề cần số và nổ máy một cách khó khăn. Ông chồm ra cửa xe cười: “Xem ra chiếc xe này cần phải tân trang lại mới được”.

Ông chuyển cần số, cho xe lùi vài mét rồi tăng ga chạy qua sân nhà đầy ánh sáng để đi vào bóng tối của ngõ hẹp. Đúng lúc xe ông sắp khuất vào bóng tối, ông đưa bàn tay trái ra khỏi cửa vẫy chào Francesca. Bà vẫy lại, dầu biết chắc là ông không thể thấy bà.

Khi chiếc xe tải bắt đầu đổ xuống lối dốc, bà chạy vụt theo xe một khoảng, rồi, đứng lại trong bóng tối, nhìn theo ánh đèn sau cửa xe nhấp nhô lên xuống trên con đường gồ ghề. Robert Kincaid rẽ trái vào lộ chính hướng về Winterset, trong khi một ánh chớp đỏ lóe lên xé rách bầu trời mùa hạ và chú chó xồm Jack nằm ngủ lại dưới hiên nhà.

Sau khi ông ra về, Francesca vào đứng trước tấm gương nơi phòng giấy, trần truồng. Hông bà hơi lớn một tí vì sinh nở, nhưng ngực bà vẫn luôn luôn đẹp và săn, không lớn lắm mà cũng không quá nhỏ. Bụng bà đầy đặn. Bà không thể thấy cặp chân mình trong gương nhưng bà biết chân mình còn được lắm. Đúng ra phải xoa bóp chân thường xuyên, nhưng xưa nay đâu có lý do gì để lo việc đó. Richard ít khi lưu tâm đến vấn đề tính dục, đôi ba tháng ông mới gần bà một lần. Ông làm tình một cách vội vã, sơ sài, cho xong bốn phận. Ông cũng chẳng hề quan tâm đến mùi hương, đến chân cẳng bà hay những gì đại loại như vậy.

Đối với ông, bà như chỉ là một người cộng sự trong công việc đồng áng. Một phần nơi con người bà cũng chấp nhận điều ấy. Nhưng tận cùng, còn có một con người khác, một con người muốn tắm, muốn xúc nước hoa... một con người muốn được yêu, muốn được bông bế, muốn được xiết chặt bởi một sức mạnh mà bà cảm thấy, dầu bà không hề nói ra, cả vào những lúc thích hợp nhất.

Francesca mặc quần áo vào và ngồi xuống bàn, lấy bút viết lên một tờ giấy trắng nhỏ. Jack theo bà ra chiếc xe Ford, nhảy lên phía sau khi bà mở cửa xe. Nó leo ra hàng ghế trước, Chuối đầu ra ngoài cửa xe khi bà de xe ra khỏi nhà xe, vừa lái vừa ngoái đầu lui. Rồi, dăm dăm nhìn qua kính chắn gió, bà cho xe xuống ngõ và rẽ phải về đường lớn. Cây cầu Roseman chìm trong bóng tối. Jack chạy sục sạo đánh hơi trong khi bà lấy ra cây đèn bấm. Bà móc tờ giấy nhả lên phía trái lối vào cầu rồi lên xe trở về nhà.



NHỮNG CHIẾC CẦU CỦA NHỮNG NGÀY THỨ BA

gồi nơi tay lái chiếc xe tải con, Robert Kincaid đi ngang qua hộp thư trước nhà Richard Johnson một giờ trước khi mặt trời mọc. Ông kẹp ly cà phê giữa hai đùi cho khỏi đổ. Ông đưa mắt nhìn ngôi nhà trắng dưới ánh sáng nhạt của mặt trăng sắp tàn và gật gù nghĩ đến sự ngu xuẩn của con người, của một số người, của phần lớn con người. Ít ra họ cũng có thể uống brandy và đừng đóng sầm cửa lại khi đi ra chứ.

Francesca nghe thấy tiếng máy xe. Bà đang nằm duỗi trên giường. Bà tưởng tượng Robert Kincaid, tóc bay theo gió, tay nắm vô lăng, tay kia kẹp điếu Camel.

Bà lắng nghe tiếng máy xe trên con đường đá về phía cầu Roseman.

Ông đậu xe khá xa cầu Roseman để tránh chiếc xe khỏi vướng vào tấm chụp. Ông lấy sau xe ra một đôi ủng cao bằng cao su dùng cho người đi câu, tháo đôi ủng thường ra và mang đôi bằng cao su vào. Đeo ba lô vào lưng, giá ảnh có dây móc vào vai trái, tay phải thì cầm chiếc ba lô thứ hai, ông theo lối dốc gồ ghề xuống dòng sông.

Chiến thuật của ông là chụp cây cầu từ một góc độ thế nào để tạo ra tính chặt chẽ của bố cục, bằng cách lấy thêm một phần con sông và tránh lấy những hình vẽ bậy trên tường nơi lối vào cầu. Những sợi dây điện thoại phía sau cũng là một vấn đề, nhưng ông vẫn có thể giải quyết được nếu khéo xử lý.

Ông lấy chiếc máy Nikon ra, lắp một cuộn phim Kodachrome rồi gắn máy ảnh lên giá. Ông thay ống kính 24 li bằng ống kính 105 li ông ưa chuộng hơn. Phía Đông, một làn ánh sáng xám dâng lên, ông bắt đầu tìm bố cục. Dịch chân giá ảnh một mét về phía trái, giữ thẳng bằng cho cái giá nặng cắm trên đất bùn. Giữ dây treo máy ảnh cuộn nơi cổ tay trái, đó là một thói quen ông luôn làm khi chụp ảnh gần bờ nước, nhằm đề phòng giá có đổ thì cũng không hư máy ảnh.

Vàng đỏ ối đã xuất hiện, bầu trời sáng ra. Hạ thấp máy ảnh xuống 10 phân, điều chỉnh lại giá. Chưa được. Năm mươi phân nữa về phía trái. Lại điều chỉnh giá. Xoay máy ảnh trên giá. Vặn ống kính vào cỡ f/8. Ước lượng chiều sâu của cánh đồng, lấy cự ly, gắn chốt mềm lên nút tháo.

Mặt trời lên 40 phần trăm so với đường chân trời, màu sơn cũ của chiếc cầu chuyển thành màu nâu thẫm, đúng như ý ông muốn.

Vào lúc ông sắp sửa bấm nút, một vật gì đó thu hút sự chú ý của ông. Ông nhìn kỹ qua ống ngắm. “Có cái gì móc nơi thành cầu vậy nhỉ?” – Ông lẩm bẩm – “Hôm qua mình đâu có thấy”.

Canh lại giá đỡ. Chạy dọc theo bờ sông, trong khi mặt trời mọc lên sáng rực sau lưng. Một mảnh giấy găm cẩn thận nơi thành cầu. Nhấc mảnh giấy ra, bỏ cả giấy lẫn đinh ghim vào túi. Trở lại bờ sông, xuống dốc, lại đến sau máy ảnh. Mặt trời đã lên 60 phần trăm.

Hỗn hà hỗn hển vì chạy một quãng dài. Chụp một tấm khác. Lặp lại hai lần cho chắc. Không một ngọn gió. Cỏ bất động. Chụp ba tấm độ dài ba giây và hai tấm một giây rưỡi cho chắc ăn.

Vặn ống kính vào cỡ f/16. Lặp lại toàn bộ tiến trình. Xách giá ảnh ra giữa sông. Cắm giá xuống, bèn quậy lên đục ngẫu. Chụp lại toàn cảnh. Lắp một cuộn phim khác. Thay ống kính. Gắn ống 24 li, nhét ống 105 vào túi. Lội ngược nước, tiến lại gần cầu. Lấy lại tầm ngắm, chỉnh lại ánh sáng. Lại bấm máy.

Để máy nằm dọc, làm lại bố cục. Ảnh mới nhưng vẫn phương pháp cũ. Không có một điều gì lệch lạc trong từng cử động. Mọi cử động đều đã từng lặp lại hàng trăm lần, mọi cử động đều có lý do. Tất cả đều được tính toán một cách hiệu quả và chuyên nghiệp. Lại bước lên bờ, qua cầu, mang dụng cụ chạy đua với mặt trời. Nhắm vào những phần khó nuốt nhất. Lấy máy thứ hai với cuộn phim chụp nhanh ra, quàng cả hai máy vào cổ, leo lên ngọn cây phía sau chiếc cầu. Tay bám vào cành cây, càu nhàu luôn miệng. Lên đến ngọn rồi, chọn một góc độ để chụp cả chiếc cầu, nơi mà dòng sông và ánh sáng đan vào nhau. Chụp riêng mái cầu, chụp toàn cây cầu... chụp luôn chín “pô”. Thay máy. Chụp tốc độ nhanh. Thêm mười hai tấm nữa.

Leo xuống cây. Xuống bờ sông. Lại cắm giá, lắp phim, lấy cảnh nhưng lần này ở phía bên kia cây cầu. Lấy máy thứ ba ra, một máy SP cũ. Bây giờ chụp đen trắng. Ánh sáng trên cầu thay đổi từng giây.

Sau hai mươi phút làm việc bằng sự tập trung cao độ mà chỉ người lính, người y sĩ giải phẫu hoặc nhiếp ảnh gia mới hiểu được, Robert Kincaid mới bỏ các ba lô vào xe, lái xe ngược lại con đường đi đến cầu Roseman. Cầu Hogback còn cách độ 15 phút và ông có thể đến đó chụp một số ảnh. Bụi bay mù. Ông châm một điếu thuốc. Xe chạy qua ngôi nhà bằng gỗ quay về phía Bắc, qua trước hộp thư của Richard Johnson. Chẳng có dấu hiệu gì có Francesca trong đó. Nhưng mà mình hy vọng cái gì mới được chứ? Bà ta có chồng, có cuộc sống của bà, còn mình có cuộc sống của mình. Cái loại tình cảm phức tạp này có ích gì? Buổi tối quấy rầy, bữa ăn quấy rầy, người đàn bà quấy rầy. Thôi dừng lại ở đó được rồi. Nhưng mà, trời ơi, bà ấy đẹp quá chừng và nơi bà ấy có một cái gì rất lạ.

Francesca đang làm việc trong chuồng gia súc khi ông lái xe qua. Tiếng kêu của bầy gia súc át cả tiếng động cơ. Robert Kincaid phóng như bay về phía cầu Hogback, chạy đua với ánh sáng ban mai.

Nơi cây cầu thứ hai này, công việc diễn ra tốt đẹp. Cây cầu nằm giữa một thung lũng và sương mù phủ kín khi ông đến đó. Ống kính 300 li cho phép ông lấy khung hình cả mặt trời chói lọi từ

một góc cao phía trái, cả con đường lát đá trắng đâm sương dẫn lên cầu và cả cây cầu.

Rồi qua ống ngắm, xuất hiện một nhà nông điều khiển hai con ngựa phủ khăn nâu thẫm, kéo một chiếc xe dọc con đường sỏi trắng. Một trong những người cuối cùng còn lưu giữ truyền thống, Robert Kincaid mỉm cười tự nhủ. Ông biết ông sẽ có một bức ảnh quý và chưa gì đã nghĩ đến nó nằm trên tạp chí, bên cạnh một nền xanh trên đó in tiêu đề của bài phóng sự.

Khi ông xong việc vào lúc 8h35, ông cảm thấy rất hài lòng. Công việc buổi sáng có kết quả. Những bức ảnh điền dã, cổ điển nhưng đẹp và chặt chẽ. Bức ảnh người nông phu và hai con ngựa có thể dùng để in trang bìa cũng được lắm. Ông đã chụp thừa một khoảng trống trên để có thể ghi chữ hoặc tiêu đề trên đó. Các biên tập viên tờ tạp chí vốn thích những bức ảnh nặng tính chuyên nghiệp như vậy. Chính vì thế mà họ rất tin vào ảnh phóng sự của Robert Kincaid.

Ông đã dùng đến hết bảy cuộn phim. Ông tháo phim ra khỏi ba máy ảnh và thọc tay vào túi định lấy thêm ra ba cuộn nữa để lắp vào máy. “Khỉ thật!”, ngón tay trở ông chích vào cây kim găm. Ông không nhớ hồi nãy đã dứt tờ giấy găm trên cầu Roseman vào túi. Quả thật ông quên băng đi. Ông móc tờ giấy, mở ra và đọc: “Nếu ông muốn một bữa ăn tối khác vào giờ khi “các con bướm đêm cất cánh”, tối nay hãy đến sau khi xong công việc, bất cứ lúc nào ông muốn”.

Ông không ngăn được mình mỉm cười khi tưởng tượng ra cảnh Francesca Johnson lái xe phóng về cây cầu Roseman trong đêm tối với mảnh giấy và chiếc đinh ghim. Năm phút sau, ông đã về tới thành phố. Trong khi cái anh ở trạm xăng Texaco bơm xăng vào xe và đo mức dầu (“voi một nửa”), Kincaid vào phòng điện thoại. Cuốn niên giám mỏng đen sì vì những bàn tay đầy dầu nhờn. Có tất cả hai “R. Johnson”, nhưng một người thì sống ngay tại thị xã. Ông quay số điện thoại theo địa chỉ kia và đợi. Francesca đang cho chú chó xù ăn dưới mái hiên khi điện thoại réo trong nhà bếp. Bà nhắc điện thoại khi chuông reo lần thứ hai:

“Alô”.

“Xin chào, Robert Kincaid đây”.

Bụng Francesca thắt lại, y như những ngày xa xưa. Một cơn nhói bắt đầu từ ngực đi lần xuống bụng.

“Tôi đã nhận được lời nhắn của bà. Thư với lời thơ của W. B Yeats... Tôi sẵn lòng nhưng sợ là chắc phải đến muộn. Trời hôm nay khá đẹp nên tôi dự định sẽ chụp cây cầu – tên nó là gì nhỉ – cây cầu Cedar chiều này. Chắc không thể xong trước 9 giờ đâu, mặc dù tôi rất muốn xong cho sớm. Chắc phải 9 rưỡi hoặc 10 giờ tôi mới đến được. Như thế có phiền bà không?”

Không, bà không muốn vậy. Bà không hề muốn chờ lâu đến như vậy nhưng bà chỉ nói: “Ô, được chứ, ông cứ làm cho xong việc đi, đó là điều quan trọng nhất. Tôi sẽ chuẩn bị vài món, khi ông đến sẽ hâm lại”.

Rồi ông thêm: “Còn nếu bà muốn cùng đi với tôi thực hiện các bức ảnh thì cũng chẳng có vấn đề gì đâu. Chẳng làm gì trở ngại công việc của tôi đâu. Tôi sẽ ghé lại đón bà chừng lúc 5 giờ rưỡi”.

Francesca cân nhắc vấn đề. Bà rất muốn đi. Nhưng nếu ai thấy thì sao? Bà sẽ trả lời sao nếu

như Richard biết được?

Cầu Roseman nằm phía trên của xa lộ mới xây cách chừng 50 mét. Chắc chẳng ai thấy mình đâu. Nhưng mà nếu có thì sao? Trong chưa đầy hai giây, bà quyết định: “Vâng, tôi rất vui lòng. Nhưng ông khỏi đón. Tôi sẽ lái chiếc xe tải nhỏ và gặp ông tại đó. Vào khoảng mấy giờ?”.

“Chừng 6 giờ nhé, được không? Thôi tạm biệt”.

Phần còn lại của ngày, ông ở trong thư viện của thị xã tham khảo các số liệu cũ. Đây là một thành phố nhỏ, đẹp với một quảng trường xinh xắn đối diện với tòa án. Ông đến quảng trường ngồi ăn trưa trong bóng mát với một giỏ trái cây, một tí bánh mì kèm một chai coca mua trong quán ăn phía bên kia đường.

Hồi nãy khi ông bước vào quán cà phê để mua coca, lúc đó hơi quá trưa một tí. Giống như cảnh một chàng cao bồi bước vào quán rượu trong phim *Western*, quán đang ồn ào bỗng ngưng bật lại khi thấy người lạ bước vào. Ông ghét điều đó. Ông cảm thấy khó chịu nhưng biết sao được, đây là một thành phố nhỏ. Một người xứ khác, một kẻ lạ mặt! Ai vậy? Hắn làm gì ở đây nhỉ?

Có người bảo lão ta là phó nhòm đấy. Hồi sáng sớm người ta thấy lão nơi cầu Hogback với một lô máy ảnh.

“Bảng số xe lão cho thấy lão từ bang Washington, tí phía Tây lại”.

“Cả buổi sáng lão ngồi trong phòng đọc báo. Jimmy bảo hắn thấy lão đọc báo tìm thông tin về các cây cầu có mái che”.

“Ừ, đúng vậy. Cậu Fisher ở trạm xăng Texaco, kể hôm qua lão ghé trạm và hỏi đường đến các cây cầu có mái che”.

“Tại sao lão lại quan tâm đến các cây cầu đó nhỉ?”.

“Và tại sao lại chụp ảnh nữa?”.

“Chẳng biết, nhưng dẫu sao thì tóc lão cũng để dài trông kỳ cục quá. Trông như một tên Beatles, hay người ta gọi là gì nhỉ? À, bọn *hip-pi*, phải không nhỉ?”.

Tiếng cười vang lên từ các bàn trong quán.

Kincaid lấy coca rồi đi ra, mọi cặp mắt đều dán theo ông khi ông đẩy cửa. Có lẽ ông đã phạm sai lầm khi mời Francesca, xét theo lợi ích của bà, chứ không phải cho ông. Nếu có một ai đó thấy bà ở cầu Cedar, tin tức ấy sẽ được lan truyền ngay sáng hôm sau ở quán, lại được cái cậu Fisher nhiệt tình lặp lại cho các khách đổ xăng nghe lặp tức. Hoặc có lẽ còn nhanh hơn thế nữa.

Ông đã biết là không nên coi thường tầm quan trọng của những chuyện ngồi lê đôi mách nơi tỉnh lẻ. Nếu như hai triệu đứa trẻ ở Sudan sắp chết đói không hề làm cho họ bận tâm thì chuyện vợ của Richard Johnson đi chơi với một gã lạ mặt tóc dài là một tin tức rất quan trọng. Đó là một loại tin tức mà người ta có thể rao truyền mồm xẻ, thêm thắt, loại tin tức giật gân đối với người nghe, loại xúc cảm duy nhất mà hạng người này có được trong cuộc đời.

Ăn xong, ông tiến lại phòng điện thoại bên kia quảng trường. Ông quay số của Francesca. Bà

nhắc máy, thở mạnh khi nghe tiếng chuông thứ ba: “Alô, vẫn là Robert Kincaid đây”.

Bụng bà thắt lại tức khắc. Bà nghĩ: Ông ấy không đến được, cho nên mới gọi mình.

“Tôi muốn thẳng thắn. Nếu việc chiều nay bà đi với tôi gây nên một vấn đề gì phiền phức, về chuyện người ta tò mò bàn tán ấy mà, tôi nghĩ bà không nên miễn cưỡng. Thật tình, tôi chẳng để ý gì điều mà người ta nói về tôi, và thế nào tôi cũng ghé lại bà. Điều tôi muốn nói với bà là có lẽ tôi đã phạm một sai lầm khi mời bà, vì thế bà cứ tự nhiên từ chối nếu thấy không tiện. Mặc dầu tôi sẽ rất sung sướng nếu được đi cùng bà”.

Francesca đã nghĩ vấn đề này sau lần trao đổi trước nhưng bà đã quyết định. “Không, tôi rất thích xem ông làm việc. Tôi không bận tâm về chuyện người ta bàn ra tán vào đâu”. Thật ra bà có bận tâm, nhưng có một cái gì đó vượt lên, có một cái gì đó khiến bà quyết liều. Giá nào đi nữa bà cũng sẽ đi đến cầu Cedar.

“Thế thì tốt. Tôi chỉ muốn hỏi lại cho chắc thôi. Lát nữa nhé”.

“Đồng ý”. Ông ấy thật tế nhị, nhưng điều này bà đã biết trước.

Vào lúc bốn giờ, ông ghé vào quán trọ và giặt áo quần nơi lavabô. Ông mặc một chiếc áo sơ mi sạch, lục sau xe lôi ra một chiếc quần kaki và đôi dép màu nâu đậm mà ông mua được ở Ấn Độ vào năm 1962, khi ông thực hiện một phóng sự về việc thiết lập con đường đất dẫn tới Darjeeling. Ông ghé vào quán mua hai thùng Budweiser. Tám chai ông để trong thùng lạnh, phía trên nhét mấy cuốn phim. Trời vẫn còn nóng, hết sức nóng. Ánh mặt trời cuối buổi chiều ở Iowa như thiêu cháy gạch xi măng và mặt đất vốn đã bị nung nóng suốt ngày. Sức nóng từ phương Tây lại như muốn đốt cháy tất cả.

Trong quán thì tối nhưng hơi mát hơn nhờ cửa rộng, nhờ những chiếc quạt máy gắn trên tường và bên cạnh cửa ra vào, kêu vù vù như tiếng máy bay. Cho nên, tiếng động của quạt máy, mùi bia trộn với khói thuốc lá, tiếng gào thét của máy hát và những khuôn mặt đầy ác cảm nhìn ông từ sau quầy khiến ông có cảm tưởng ở trong này còn nóng hơn ở bên ngoài.

Trên đường đến cầu Cedar, ánh sáng mặt trời làm nhức mắt và ông nghĩ đến rừng núi Cascades, đến những rừng cây màu xám bạc và những cơn gió nhẹ suốt dọc vịnh San Jaun de Fuca, gần mũi Kydaka.

Nhưng Francesca Johnson thì vẫn đầy vẻ tươi mát. Bà đang đứng dựa vào thành chiếc xe Ford mà bà đậu sau bụi cây gần cầu. Bà vẫn mặc chiếc quần Jean rất phù hợp với bà, đi dép và một chiếc sơ mi bằng vải trắng làm tôn thêm vẻ đẹp của thân hình bà. Ông đưa một tay chào và đỗ xe cạnh chiếc xe của Francesca.

“Chào. Tôi rất vui lòng khi thấy bà đến” – Ông bảo. Một câu nói thông thường băng quơ.

Một lần nữa, ông lại vụng về như xưa trước mặt một người đàn bà mà ông quan tâm. Ông không biết phải nói điều gì trừ những câu chuyện nghiêm chỉnh. Mặc dù ông rất có khiếu hài hước. Từ thâm sâu, ông lại thực sự là một người nghiêm nghị. Mẹ ông thường luôn luôn nói rằng ông bắt đầu trưởng thành từ lúc lên bốn. Về mặt nghề nghiệp thì điều này có lợi cho ông, nhưng theo ông, điều này chẳng giúp gì được cho ông khi ông đứng trước những người phụ nữ

như Francesca Johnson.

“Tôi muốn xem ông chụp ảnh, “kết hợp” như ông thường nói”.

“Bà sẽ thấy là công việc này khá nhàm chán đấy. Ít ra thì phần đông mọi người nghĩ như vậy. Nó không giống như khi ta nghe một người chơi đàn piano, khi đó người ta có thể cảm xúc để tham dự và hoạt động với người kia. Trong việc chụp ảnh thì việc sản xuất và trình diễn bị tách biệt nhau bởi một khoảng thời gian dài. Ngày hôm nay thì tôi sản xuất ra ảnh. Khi những ảnh này đăng trên báo thì lúc đó mới là trình diễn. Còn tất cả những gì bà thấy ngày hôm nay, chẳng qua chỉ là sự khéo tay. Nhưng rất mừng bà đến. Quả thật tôi rất hài lòng thấy bà có mặt ở đây”.

Francesca bám lấy lời cuối cùng đó. Đúng ra ông không cần phải nói những lời này, ông có thể ngừng ở câu trước nhưng ông đã nói. Quả thật, ông chân thành muốn gặp lại bà, điều đó rõ ràng. Francesca hy vọng rằng sự có mặt của bà nơi đây cũng đủ để cho ông có một ấn tượng vậy.

“Tôi có thể giúp ông được gì nào?”. Bà hỏi trong khi ông đang mang đôi ủng cao su vào chân.

“Bà mang giùm cái ba lô màu xanh. Còn tôi xách cái màu nâu và giá”.

Thế là Francesca trở thành phụ tá nhiếp ảnh. Ông ta nói sai, có quá nhiều điều để xem. Quả thật là một màn trình diễn, mặc dù ông không hề ý thức điều đó. Đây cũng chính là một điều làm ông cuốn hút bà. Về điệu dáng, cái nhìn dăm dăm, những chuyển động nhịp nhàng của bắp thịt nơi cánh tay. Nhất là cách ông chuyển động. So sánh với ông thì tất cả đàn ông mà bà biết đều có vẻ nặng nề, chậm chạp.

Không phải vì ông vội. Thật ra ông chẳng vội vã chút nào. Nơi ông như có một cái gì giống như một con hoẵng khiến bà cảm thấy sức mạnh ẩn giấu dưới sự mềm mại của ông. Có lẽ ông gần giống một con báo hơn là một con hoẵng. Đúng rồi, một con báo. Bởi ông đâu phải là con mèo, ngược lại thì đúng hơn, bà tự bảo.

“Francesca, đưa giùm tôi cái máy ảnh có quai màu xanh”. Bà mở ba lô, thận trọng lấy ra chiếc máy ảnh mà ông thường nâng niu. Nhãn hiệu Nikon khắc trên nắp ống nhắm và bên trái phía trên là một chữ F.

Ông quỳ gối nơi phía Đông Bắc cây cầu, áp mình sát chiếc giá ảnh mà ông đã hạ thấp. Tay trái ông đưa ra, mắt vẫn không rời ống nhắm, bà đưa chiếc máy Nikon cho ông, nhìn bàn tay ông sửa lại ống kính khi ông chạm chiếc máy. Ông đặt nút tháo vào đầu sợi dây mà ngày hôm trước bà đã thấy để thò ra nơi túi áo lông.

Ông kéo tấm che lên khỏi ống kính. Lắp vào rồi lại tháo ra. Một tay giữ đầu giá ảnh, ông tháo chiếc máy ảnh trước ra và thay vào bằng máy Nikon mà bà vừa đưa. Vừa làm, ông vừa quay đầu về phía Francesca và cười. “Cám ơn, bà là một phụ tá hạng nhất đó”. Bà hơi đỏ mặt.

“Chúa ơi, sao ông ta lại nói thế. Tại sao mình không trả lời đơn giản: Có gì đâu!”, bà tự hỏi. “Mình cảm thấy chậm chạp bên cạnh ông ấy, mặc dầu đó không phải là lỗi tại ông. Chính là do mình, không phải do ông ấy. Mình vốn quen sống với những người không có tinh thần nhanh nhẹn như ông ấy”.

Ông băng qua sông, leo lên bờ kia. Francesca thì đi qua cầu, mang theo chiếc ba lô xanh, tiến lại phía sau Kincaid. Bà sung sướng, sung sướng một cách lạ lùng. Ông ta có một sức mạnh, một năng lực trong phong cách làm việc. Ông không bằng lòng với việc chờ đợi thiên nhiên, ông tìm cách tự thích nghi với thiên nhiên bằng sự dịu dàng, bằng cách chuyển thiên nhiên theo cách nhìn sự vật của mình, bằng cách đo lường thiên nhiên bằng chính ý tưởng của mình.

Ông đã đặt ý chí của mình lên thiên nhiên, chuyển dịch ánh sáng bằng cách dùng những ống kính khác nhau, những phim khác nhau, đôi khi cả kính lọc màu nữa. Ông không đối kháng, ông chỉ chế ngự thiên nhiên bằng khả năng và trí thông minh của mình. Chính những người nhà nông cũng chế ngự thiên nhiên bằng hóa chất và bằng máy cày, máy kéo. Nhưng Robert Kincaid có một cách để điều chỉnh thiên nhiên rất nhẹ nhàng và sau khi xong việc, trả lại thiên nhiên nguyên vẹn.

Bà nhìn chiếc quần Jean siết chặt lấy hai đùi ông khi ông quỳ gối xuống, chiếc sơ mi vải thô sòn căng trên lưng, mái tóc xám xòa trên cổ áo. Bà nhìn ông ngời chụp thêm một bức và bỗng nhiên, lần đầu tiên sau nhiều năm dài, bà thấy trong người dâng lên một ham muốn, chỉ do từ việc nhìn một người khác. Rồi bà đưa mắt về bầu trời chiều, thở một hơi dài, nghe thấy tiếng ông rửa nhẹ khi tháo tấm lọc màu ra khỏi ống kính không được.

Ông lại lội sang bên kia bờ, phía xe đậu, đôi ủng cao su rẽ làn nước. Francesca cũng về lại bên kia bằng lối chiếc cầu và khi bước ra bên kia cầu, bà thấy ông đang quỳ gối, máy ảnh chìa thẳng về phía bà. Ông chụp một tấm, lên máy rồi chụp tấm thứ hai, thứ ba khi bà đang tiến về phía mình. Bà cười gượng, hơi bối rối.

Ông cười, “Bà đừng ngại. Tôi không sử dụng mấy bức ảnh này đâu trừ phi bà cho phép. Xong việc rồi, tôi nghĩ chắc phải tắt về chỗ trọ tắm táp qua loa một tí trước khi đến chỗ bà”.

“Nhưng nếu ông muốn thì cứ đến chỗ tôi, tôi sẽ dành cho ông một chiếc khăn tắm, một vòi nước, đại loại các thứ” – Bà nói bằng một giọng nghiêm chỉnh, dịu dàng.

“Được, thế thì ta đi. Tôi thu xếp đồ đạc trong chiếc Harry của tôi rồi tôi sẽ đến liền”.

Francesca lái chiếc xe Ford mới tinh của Richard ra khỏi lùm cây, theo lộ chính rời cầu Cedar, rẽ phải theo đường đến Winterset rồi rẽ hướng Đông Nam về nhà. Sau lưng bụi mù đến nỗi bà không biết ông có theo liền sau không, cho đến một lúc, khi qua khúc cua, bà thoáng thấy ánh đèn phía sau chùng trộm thước. Chắc là ông ấy rồi, và bà nghe cả tiếng xe rú khi họ lên lối rẽ vào nhà bà. Jack đứng sẵn trước sân chờ sửa, nhưng im ngay lập tức như muốn nói:

“Đây là cái ông ngày hôm qua mà, không có gì lạ”. Kincaid ngừng lại một lúc vỗ về chú chó.

Francesca đứng lại trước hiên: “Tắm chứ?”.

“Nhất rồi. Bà dẫn đường cho tôi”.

Bà dẫn Robert vào phòng tắm ở lầu một. Cái phòng tắm mà bà đòi dùng riêng khi bọn trẻ đã lớn. Đó là một trong số rất ít điều bà nói riêng cho mình. Bà thường muốn tắm lâu buổi chiều, và bà không muốn bọn nhỏ giành phòng tắm riêng của bà. Richard thì dùng phòng tắm khác. “Ở đây nhiều đồ đàn bà lung tung quá”. Ông bảo vậy.

Để đi vào phòng tắm, Robert phải đi ngang qua phòng ngủ. Francesca mở cửa, lấy từ phía trên bồn rửa ra nhiều khăn tắm, găng chà lưng...

“Ông muốn lấy gì tùy thích”. Bà cười và hơi cắn nhẹ môi dưới.

“Bà cho tôi mượn chai gội đầu, nếu không phiền lắm. Chai của tôi để lại chỗ trọ rồi”.

“Tất nhiên, ông chọn đi”. Bà lấy ra ba chai đặt trên bàn nhỏ, tất cả đều còn mới.

“Cảm ơn”. Ông ném áo quần mới lên giường, Francesca để ý thấy chiếc quần kaki, áo sơ mi trắng và đôi xăng-đan. Đàn ông vùng này không mang xăng-đan. Cũng có một số bắt đầu mặc quần đùi chơi gôn, nhưng xăng-đan... không bao giờ.

Bà đi xuống dưới nhà và nghe tiếng vòi... nước chảy. “Ông ta bây giờ đang tắm”, bà nghĩ, và thấy một cảm giác lạ ở phía dưới bụng.

Hồi sáng, sau khi ông gọi điện thoại, bà đã lái xe hai chục ki-lô-mét đến Des Moines mua rượu. Không có kinh nghiệm, bà nhờ người bán chọn giùm. Hóa ra ông ta cũng như bà, nghĩa là chẳng rành gì ráo. Thế là bà loay hoay chọn một lúc rồi tình cờ thấy chai mang nhãn “*Valpolicella*”. Cái tên này gợi cho bà những kỷ niệm xa xưa. Một loại rượu vang đỏ của Ý. Bà mua luôn hai chai và thêm một chai brandy nữa. Rồi bà ghé một cửa hiệu cuối phố để mua ít chiếc áo dài mùa hạ. Bà chọn một chiếc màu hồng nhạt có dây treo, hở lưng và một chiếc khác hở ngực, hồng, buộc bằng một dây nịt nhỏ. Bà cũng mua vài đôi xăng-đan trắng, kiểu khá đắt, gót bằng, có quai da may bằng tay khéo léo.

Chiều, bà chuẩn bị món ớt nhồi, sốt cà chua với gạo đỏ, phô mai ngò băm nhỏ. Rồi món xà lách, rau mồng tơi, bánh làm bằng bắp và táo chiên phồng làm món tráng miệng. Bà để tất cả, trừ táo chiên, vào tủ lạnh.

Bà vội vã tháo ngắn chiếc áo cho ngang với đầu gối. Một bài báo ở Des Moines ra hồi đầu mùa hè có viết rằng đó là kiểu thời trang của năm nay. Xưa nay thật ra bà vẫn thường cho chuyện chạy theo thời trang này nọ là điều kỳ quặc. Nhưng bà thấy chiều dài của váy như vậy hợp với mình, làm nổi bật dáng người bà.

Còn rượu thì là cả một vấn đề. Ở đây người ta để rượu vào tủ lạnh, còn bên Ý thì lại không làm vậy. Nhưng hôm nay trời quá nóng, không thể để ngoài bàn được. Rồi bà nhớ đến cái lều bên cạnh hồ nước. Ở đó mùa hè cũng chỉ độ 16 độ, tiếng vòi sen trên lầu ngừng lại đúng lúc bà nghe chuông điện thoại reo. Đó là Richard từ Illinois gọi về.

“Ở nhà ổn cả chứ em?”.

“Ừ ổn cả”.

“Con bé của Carolyn đến thứ Tư mới dự thi. Ngày mai tại anh có vô số thứ để xem. Ba cha con anh sẽ về tối thứ Sáu.”

“Được rồi vui vẻ nhé. Nhớ lái xe cẩn thận”.

“Francesca, em có chắc là mọi chuyện ổn cả không? Giọng em hơi là lạ đấy”.

“Không, em khỏe mà. Chỉ hơi nóng thôi. Tắm một cái là dễ chịu ngay”.

“Tốt. Vuốt ve con Jack giùm anh nhé”.

“Nghe rồi.” Bà đưa mắt nhìn con chó đang nằm thượt trên nền bê tông dưới mái hiên.

Robert Kincaid bước xuống cầu thang và vào nhà bếp. Chiếc áo sơ mi trắng cổ có nút, tay áo xắn lên cùi. Dép nâu thẫm, vòng bạc ở cổ tay, hai nút áo trên mở để lộ ra chiếc dây chuyền bạc. Tóc còn ướt và được chải cẩn thận rẽ giữa. Bà thú vị nhìn đôi dép dưới chân ông.

“Tôi phải ném bộ quần áo làm việc vào xe và ngâm rửa mấy cuốn phim một chút”.

“Ông cứ đi, tôi cũng phải tắm một cái”.

“Bà có muốn uống bia trong lúc tắm không?”.

“Nếu ông có thừa một chai”.

Thùng lạnh ông đã đem vào nhà hồi nãy, ông lấy ra một chai bia và mở trong khi bà lấy hai cái ly lớn. Khi ông đi ra ngoài sửa soạn dụng cụ, bà cầm chai bia lên lầu, chú ý thấy ông đã đổ đầy nước vào bồn. Bà dội sơ người, đặt chai bia xuống đất rồi xát xà phòng khắp người. Chỉ vài phút trước thôi, ông ta ở đây, bà nằm xuống ở nơi mà nước vừa mới bao phủ khắp người ông. Ý tưởng đó làm bà hết sức bị kích thích. Hầu như mọi thứ liên hệ đến Robert Kincaid đều mang vẻ kích thích dục tình. Cả một điều đơn giản như một ly bia lạnh trong lúc tắm đối với bà cũng thật tuyệt vời. Tại sao Richard và bà không sống kiểu như vậy? Bà biết, điều đó một phần do thói quen, do quán tính. Cuộc sống vợ chồng thường hay gặp phải nguy cơ này. Thói quen khuyến khích cái tầm thường và cái tầm thường cũng có điều dễ chịu của nó, bà biết điều đó.

Với lại, còn trang trại nữa. Như một đứa con dại, nó đòi hỏi người ta phải chăm sóc thường xuyên, mặc dù bây giờ máy móc tân tiến đã làm cho công việc không còn nặng nhọc nhiều như trước nữa. Nhưng vẫn còn có một điều gì khác nữa. Sự tầm thường, tẻ nhạt là một chuyện, lòng sợ hãi, sự thay đổi lại là một việc khác. Và Richard sợ hãi sự thay đổi trong cuộc đời vợ chồng của họ, dầu thay đổi như thế nào đi nữa. Nói chung, ông không bao giờ muốn nói về chuyện dục tình. Tình dục là một chuyện nguy hiểm xa lạ với nếp nghĩ của ông.

Nhưng không phải chỉ một mình ông như vậy và cũng không phải ông thật sự chịu trách nhiệm về chuyện này. Vậy thì cái rào cản nào đã chắn ngang giữa họ và tự do? Không phải chỉ trong đời sống của họ ở trang trại, mà trong sinh hoạt nông thôn? Tại sao lại làm trở ngại họ trong những quan hệ đơn giản, tự nhiên giữa đàn ông và đàn bà? Tại sao lại mất đi sự gần gũi, tại sao có sự thiếu vắng dục tình?

Các tạp chí phụ nữ đã nói về những vấn đề như vậy, và phụ nữ càng ngày càng mong muốn đóng một vai trò khác trong trật tự xã hội, cũng như trong phòng ngủ. Những người như Richard – chắc là phần lớn đàn ông, bà đoán thế – lo sợ những mong muốn như vậy. Theo một cách nào đó, phụ nữ luôn luôn đòi hỏi đàn ông là một thi sĩ đồng thời là một người tình đam mê, mạnh mẽ.

Và phụ nữ không hề thấy đó là một mâu thuẫn, nhưng các ông thì thấy. Những cuộc hội họp,

những buổi chơi bi-da, những sinh hoạt thuần nam giới như bao gồm những tính chất chung, trong đó thi ca, hay những gì tinh tế khác không có chỗ đứng. Vậy thì, vì rằng tình dục là một cái gì tinh tế, một hình thức nghệ thuật, nó không thể có chỗ đứng trong cuộc sống của họ. Và thế là đàn ông vẫn tiếp tục những trò chơi, những hoạt động càng lúc càng dẫn họ đi xa khỏi cái tinh tế của đời sống vợ chồng, trong khi ở quận Madison, những người vợ vẫn thờ dài quay mặt vào tường trần trọc suốt đêm.

Hình như có một cái gì đó trong người Robert Kincaid khiến ông ngẫm hiểu tất cả điều đó. Francesca chắc chắn như vậy.

Bà vừa lau người vừa đi qua phòng ngủ và thấy đã hơn mười giờ. Trời vẫn nóng nực, nhưng tắm xong làm bà thấy mát cả người. Bà với tay lấy chiếc áo dài mới trong tủ.

Bà vuốt mái tóc đen ra sau rồi buộc bằng một cái kẹp tóc bằng bạc. Đôi bông tai cũng bằng bạc, đôi vòng bạc và một chiếc xuyến bạc bà mới mua sáng nay ở Des Moines.

Nước hoa hiệu Chant de Vent. Một tí phấn hồng trên đôi gò má, màu còn nhạt hơn cả màu áo. Làn da đẹp. Đôi chân thon hoàn hảo dưới chiều dài của váy. Bà quay mình sang bên này rồi bên kia, quan sát mình trong gương. “Trông cũng được rồi nhỉ”. Bà tự nhủ. Và rồi, hài lòng bà nói thầm: “Mình khá đẹp đấy chứ”. Dưới nhà, Robert Kincaid uống chai bia thứ hai và sắp xếp các máy ảnh. Bà bước xuống, vào bếp. Ông nhướn mắt lên ngắm bà.

“Chúa ơi!”. Ông thốt dịu dàng. Tất cả cảm xúc, suy tư và tìm kiếm của ông, một cuộc sống đầy cảm xúc, suy tư và tìm kiếm đều hội tụ lại ở giây phút ấy. Và ông bỗng yêu Francesca, vợ của một trại chủ ở quận Madison, bang Iowa, từ thành phố Napoli đến đây từ nhiều, rất nhiều năm về trước.

“Tôi muốn nói...” – Giọng ông hơi run, hơi khàn – “xin lỗi vì tôi bạo gan... nhưng mà bà đẹp tuyệt vời. Tuyệt vời đến nỗi dục vọng con người phải kêu thét lên. Tôi nói nghiêm chỉnh đấy, Francesca ạ, bà đẹp tuyệt, theo nghĩa thuần khiết nhất của từ này”.

Bà biết, ông ngưỡng mộ thật tình, chân thành. Bằng tất cả những phân tử của thân thể mình, bà đã tắm, đã vùng vẫy, đã lặn xuống như từ chất dầu thơm dịu dàng từ bàn tay của một vị thần đã bỏ quên bà từ bao lâu nay và giờ đây đang quay trở về. Và, vào chính lúc đó, bà yêu Robert Kincaid, nhà văn, nhiếp ảnh gia ở Bellingham, bang Washington, người lái chiếc xe tải cũ kỹ màu xanh nước biển.



MỘT KHÔNG GIAN NƠI ĐÓ NGƯỜI TA LẠI NHẢY MÚA

T

Thứ Ba, tháng Tám 1965, Robert Kincaid đắm đắm nhìn Francesca Johnson. Bà nhìn trả lại ông. Cách nhau ba mét qua chiếc bàn mica trong nhà bếp, họ đã ràng buộc với nhau một cách thâm sâu toàn vẹn và mãi mãi. Điện thoại reo. Francesca vẫn nhìn ông và không hề cử động khi nghe tiếng chuông thứ nhất rồi thứ hai. Cả một khoảng im lặng dài rồi trước khi tiếng chuông thứ ba reo, mắt ông rời bà nhìn về phía mấy chiếc ba lô đựng máy ảnh. Điều đó cho phép Francesca đi ngang qua nhà bếp đến máy điện thoại đặt gần tường ở lối ra vào, ngay đằng sau ghế ông ngồi.

“Alô chào Marge. Ừ mình khỏe. Tối thứ Năm hả?”. Bà tính nhanh: “Ông có nói ông định ở lại một tuần, ông đến ngày hôm qua và hôm nay là thứ Ba”. Bà quyết định nói dối không do dự.

Đến gần cửa ra hiệu, điện thoại nơi tay, bà thấy đằng sau lưng ông ngồi rất sát mình. Bà nhẹ nhàng đặt bàn tay không cầm điện thoại lên vai ông một cách tự nhiên như những người đàn bà khác vẫn làm với những người đàn ông thuộc về mình, chỉ sau 24 giờ quen biết.

“Ồ, Marge, chắc không được đâu. Mình có việc phải đi Des Moines. Bởi Richard và bọn nhỏ vắng nhà, mình lợi dụng thời gian rảnh để làm vài việc mà ngày thường bạn quá không làm được”.

Tay bà vẫn đặt nhẹ nhàng lên vai của Robert Kincaid. Bà có thể cảm thấy bắp thịt cổ và vai ông căng lại ngay ở chỗ xương quai xanh. Bà nhìn mớ tóc xám dày được chải cẩn thận. Tóc ông dài phủ cả cổ áo, Marge thì nói huyền thuyên.

“Ờ, Richard có gọi về cách đây vài phút... Không, thứ Tư, ngày mai ấy giải thưởng mới trao. Richard có bảo mình đến tối thứ Sáu ba cha con mới về nhà được. Ngày thứ Năm họ còn khối việc để xem. Đường thì xa mà chiếc xe tải chở gia súc ấy thì... ơ không, việc huấn luyện chỉ bắt đầu vào tuần sau. Ấy là mình nghe Michael nói vậy”.

Qua làn áo sơ mi, bà cảm thấy sức nóng toát ra từ người ông. Sức nóng ấy lần theo bàn tay bà đi dọc cánh tay và nhẹ nhàng tỏa ra khắp người bà. Robert Kincaid vẫn ngồi bất động, cố không

gây một tiếng động gì gọi ra sự nghi ngờ của Marge. Francesca đoán vậy.

“À có, đó là một người ghé hỏi thăm đường ấy mà”. Đúng như bà đoán, Floyd Clark, hôm qua về nhà đã kể liền cho bà vợ nghe là anh ta có thấy một số chiếc xe tải nhỏ màu xanh nước biển trong sân nhà Johnson.

“Một tay phó nhòm à? Chúa ơi mình cũng không biết nữa. Mình cũng không chú ý kỹ. Chắc vậy”. Bà nói dối càng lúc càng dễ dàng.

“Ông ta tìm cây cầu Roseman hả? Chụp ảnh mấy cây cầu cũ à? Ờ thế thì cũng chẳng hại gì”.

“Một chàng hip-pi hả?”.

Francesca phá lên cười và đưa mắt nhìn Robert Kincaid đang chậm rãi lắc đầu. “Này, mà thật ra mình cũng không hề biết một gã hip-pi như thế nào. Còn cái ông này thì lẽ phép lắm. Ông ta chỉ dừng lại hỏi thăm đường một hai phút rồi đi... mình cũng chả biết ở Ý có bọn hip-pi không Marge ạ. Từ tám năm rồi mình có đặt chân về bên ấy đâu. Và như mình đã nói với bạn đó, mình không chắc là mình còn nhận được ai bên ấy không nếu mình có gặp đi nữa”.

Marge kể cho Francesca nghe điều bà ta đã đọc đâu đó trên báo về tình yêu tự do, về đời sống cộng đồng và ma túy.

“Marge, mình đang sửa soạn tắm thì bạn gọi. Mình phải vội không thì nước nguội mất... được rồi mình sẽ gọi lại sớm”.

Bà không muốn rời tay khỏi vai ông nhưng vì chẳng còn có lý do gì để làm như vậy. Bà bước qua bên bếp và vặn radio. Vẫn còn mục trồng trọt. Bà vặn qua đài khác cho đến khi máy vang lên một bản hòa tấu.

“*Tangerine*”, ông nói.

“Sao?”.

“Bài hát ấy mà. Bài *Tangerine*. Câu chuyện về một người phụ nữ Argentina”.

Một lần nữa, ông lại nói chuyện chung chung, vô thưởng vô phạt. Nói bất cứ điều gì cho có và để tìm lại cái lý do – dường như để nghe từ cái phần nào đó trong tâm hồn ông tiếng động không thể nhận ra nơi cánh cửa đang khép lại trên hai con người, trong một ăn phòng bếp ở Iowa.

Bà mỉm cười dịu dàng nhìn ông.

“Ông đói chưa? Bữa ăn đã sẵn rồi đó”.

“Hôm nay là cả một ngày dài tốt đẹp. Tôi muốn uống một chai bia trước khi ăn. Bà có muốn uống với tôi không?”.

Bà đồng ý. Ông đứng dậy, lấy thẳng bằng rồi mở hai chai bia, đặt một chai trên bàn.

Francesca hài lòng vì dáng vẻ của mình và hài lòng về điều bà cảm thấy. Bà thấy mình đầy nữ tính. Dịu dàng, say đắm và nữ tính. Bà ngồi xuống ghế, tréo chân và vuốt làn váy. Kincaid đứng

dựa vào tủ lạnh, khoanh tay, cầm chai Budweiser. Francesca hài lòng vì đứng như thế, ông có thể thấy đôi chân đẹp của bà, và quả thật ông đang ngắm nhìn đôi chân ấy.

Ông thấy tất cả. Lẽ ra ông nên đi thì hơn, vẫn còn thì giờ để ra đi. Lý trí ông gào lên. “Bỏ đi Kincaid, lên đường của mày đi. Hãy đi chụp những chiếc cầu của mày, hãy đi Ấn Độ đi. Rồi mày dừng lại trên đường ở Bangkok và gặp một cô gái bán tơ lụa rất rành những phương pháp ái ân của tổ tiên truyền lại để làm mày lên đến đỉnh điểm của khoái lạc. Rồi lúc bình minh, mày có thể trần truồng bơi lội với cô ta trong những con sông chảy qua các cánh rừng nhiệt đới, và rồi khi mày đi vào cô ta, nghe tiếng cô ta kêu thét vang động cả hoàng hôn. Hãy bỏ đi – tiếng nói trở nên thúc bách – sự tình đã vượt xa khỏi mày rồi đó?!”

Nhưng từ xa, đâu đó, đã vọng lên một bản tango chậm buồn. Ông nghe tiếng một cây đàn phong cầm cũ kỹ. Từ xa hay ngay trước nhà, ông cũng không biết rõ nữa. Dẫu sao thì tiếng nhạc đã đến gần ông, dứt khoát. Tiếng nhạc làm ông bối rối và dần dần đưa ông trở về với một tình cảm đồng nhất rõ rệt. Một cách nghiêm khắc, tiếng nhạc khiến ông không còn một nơi nào để tiến đến, ngoại trừ về phía Francesca Johnson.

“Nếu bà muốn, chúng ta có thể nhảy. Bản nhạc này rất thích hợp để khiêu vũ”. Ông nói giọng nghiêm trang và bền lẫm. “Tôi cũng chẳng phải nhảy giỏi gì đâu, nhưng cũng có thể xoay xở trong phòng bếp này được”.

Jack cào cào cửa tỏ ý muốn vào. Không được, lúc này thì chú mày phải đứng ngoài thôi.

Francesca thoáng đỏ mặt. “Đồng ý. Nhưng chính tôi cũng rất ít nhảy... sau này. Vâng, hồi trước ở Ý, lúc tôi còn trẻ, còn ở đây tôi chỉ có dịp khiêu vũ vào ngày Tết thôi, mà cũng không nhảy lâu”.

Ông mỉm cười và đặt ly bia xuống bàn bếp bên cạnh. Francesca đứng và bước lại bên cạnh ông. “Bạn đang trải qua buổi dạ tiệc khiêu vũ ở Chicago” – Một giọng trầm cất lên. – “Chúng tôi ngưng một lát rồi sẽ trở lại ngay sau phần quảng cáo”.

Họ phá lên cười. Điện thoại, quảng cáo. Những thứ như cứ ngoan cố chen vào giữa hai người. Họ biết mà không hề nói ra.

Nhưng ông đã đưa tay ra nắm lấy bàn tay Francesca. Ông vẫn còn đứng dựa lưng hờ hững vào bàn bếp, tréo chân. Francesa thì đứng cạnh ông, tựa vào bồn rửa chén, nhìn ra cửa sổ bên ngoài, cảm thấy những ngón tay thon dài của ông xiết chặt tay mình.

Bên ngoài không một làn gió nhẹ. Cánh đồng bắp đứng im sững.

“Ồ khoan, một tí đã”. Bà miễn cưỡng rút tay khỏi ông, mở ngăn kéo tủ, lấy ra hai cây đèn cây trắng mua hồi sáng ở Des Moines cùng với hai giá nến bằng đồng. Bà đặt lên bàn. Ông tiến lại, chỉnh cây nến rồi thắp lửa trong khi bà tắt ngọn đèn trần. Căn phòng bây giờ chìm trong bóng tối, ngoại trừ ánh lửa của hai cây bạch lập tỏa trắng, không hề dao động trong một đêm hè lạnh gió. Căn phòng bếp tầm thường như sang trọng hẳn lên.

Nhạc lại trôi. Rất may, lần này là bản *Lá úa*, chơi chậm.

Francesca hơi lúng túng. Ông cũng vậy. Nhưng ông đã cầm lấy tay bà, tay kia ôm qua người, bà bước tới sát một bước và sự lúng túng mất đi. Mọi thứ tự nhiên đầu vào đấy. Ông ôm bà chặt hơn vào người mình.

Francesca cảm nhận mùi nơi ông, mùi của áo sạch, mùi xà phòng và sức nóng. Mùi thơm đơn giản của một người văn minh, đồng thời một phần nơi con người đó vẫn có một cái gì của một con người nguyên thủy.

“Tôi thích mùi thơm của bà”. Ông nói, tay đặt nhẹ lên ngực bà, chỗ gần vai.

“Cám ơn”.

Họ nhảy thật chậm, gần như bất động. Bà cảm thấy chân mình chạm chân ông và bụng họ thỉnh thoảng sát vào nhau.

Bài hát đã chấm dứt, nhưng ông vẫn giữ lấy người bà, vẫn lăm nhăm điệu buồn của bài hát mà ông vừa nghe và họ vẫn giữ nguyên cho đến khi bắt đầu bài hát tiếp.

Ông bước một cách máy móc và cuộc khiêu vũ tiếp tục trong khi bên ngoài, tiếng dế kêu vang báo hiệu cho tháng Chín sắp tới.

Bà cảm thấy rõ bắp thịt ở vai ông qua làn vải áo sơ mi. Ông có thật, có thật hơn hết thấy những gì bà từng biết. Ông hơi chồm người tới trước để áp má bà vào má mình.

Sau này, trong một lần hai người cùng đi dạo chơi, ông từng nói rằng ông là một trong những người cao bồi cuối cùng. Khi đó họ đang ngồi trên bãi cỏ, gần chiếc máy bơm phía sau nhà. Bà không hiểu và hỏi ông muốn nói gì.

“Có một loài nào đó trong nhân loại không còn lý do để tồn tại. Hay gần như không còn”. – Ông trả lời. – “Thế giới đã có tổ chức và tổ chức quá chặt chẽ đối với những người như tôi. Mọi thứ đều có chỗ của nó. Được, tôi cũng thích thế. Em thấy đấy, đồ đạc của tôi sắp đặt ngăn nắp. Nhưng điều đó đã đi quá xa. Các quy tắc, luật lệ và những quy ước xã hội... Hệ thống thứ bậc, sự điều khiển, sự tiên đoán, ngân sách. Quyền lực của các xí nghiệp, vị Thượng đế trong kinh doanh. Một thế giới của y phục đồng loạt và của những tên tuổi có nhãn hiệu rõ ràng.

Con người ta không giống nhau. Một số cố gắng để thích nghi với cái thế giới sắp đến, một số khác, có thể ngay trong số chúng ta thì không thể. Người ta quan tâm đến máy tính, rô-bốt và ý nghĩa của chúng. Trong các nền văn minh trước đây, chúng ta có những nhiệm vụ phải làm tròn, những nhiệm vụ cần thiết mà không ai dùng máy móc để thay thế được. Chúng ta chạy nhanh, chúng ta có sức mạnh, hung hãn và bền lâu. Can đảm. Chúng ta ném lao và chiến đấu bằng đôi chân tay trần.

Cùng với thời gian, máy tính và rô-bốt chiếm lấy quyền hành. Con người quan tâm đến máy móc của mình, nhưng điều đó không đòi hỏi một sự can đảm, một sức mạnh, một tính chất nào cả. Thực ra, con người tồn tại bằng tính đồng nhất. Các ngân hàng tinh trùng giúp bảo đảm sự tồn tại của giống nòi, hiện giờ đã bắt đầu phát triển. Phần lớn người ta đều là những tình nhân tồi, phụ nữ nói như vậy, cho nên người ta không mất mát nhiều lắm khi thay thế dục tính bằng khoa học.

Chúng ta đã khước từ tự do hành động, chúng ta được tổ chức, chúng ta đã chìm chết cảm xúc của chúng ta. Thế giới đầy sự sản xuất, sự hữu hiệu và những khái niệm nhân tạo khác. Và anh cao bồi cuối cùng cũng như sự tự do hành động đã biến mất, cùng lúc với sự biến mất của loài báo núi và sói xám. Bởi đâu còn nhiều chỗ để di chuyển nữa.

Tôi là một trong những gã cao bồi cuối cùng đó. Công việc của tôi cho tôi một ít tự do. Trong giới hạn mà xã hội cho phép. Tôi không phàn nàn gì. Tôi chỉ là điều cần thiết, đó là cách duy nhất để bảo vệ chúng ta khỏi sự hủy hoại. Theo tôi, chính những hoóc-môn nam là nguyên nhân chính của những nhiễu loạn của hành tinh chúng ta. Đó chính là cái khiến người ta đi chinh phục một bộ lạc khác, một xứ khác. Đó là cái khiến người ta chế tạo tên lửa, hay hủy hoại thiên nhiên như người ta đã làm. Rachel Carson có lý. John Muir và Aldo Leopold cũng thế.

Lời nguyện rửa lên nền văn minh hiện đại của chúng ta, chính là cái ưu thế của hoóc-môn nam khiến nó có thể tạo ra những tàn phá vô phương cứu chữa. Chưa nói đến chiến tranh giữa các quốc gia hay sự phá hoại thiên nhiên, luôn luôn có sự xâm lược làm chia rẽ con người, gây nên những xung đột phải giải quyết. Chúng ta phải tìm cách thế nào để làm cao cả cái chất kích thích tố nam ấy, hoặc là, trong mọi trường hợp, chế ngự nó.

Có lẽ đến lúc chúng ta phải khước từ những ảo tưởng trẻ con để lớn lên. Thì tôi biết thế, tôi chấp nhận: Tôi chỉ chụp những bức ảnh đẹp của cuộc sống trước khi nó mất lý do tồn tại hoặc bị tàn phá nghiêm trọng vô phương cứu chữa!”.

Cùng với năm tháng sau này, bà thường suy nghĩ về điều ông nói. Một mặt nào đó, rõ ràng ông nói đúng. Tuy rằng quan niệm của ông mâu thuẫn với con người ông. Nơi ông tiềm tàng một sức mạnh xâm lược, có điều ông có vẻ như điều khiển được nó, sử dụng hoặc vất bỏ nó theo ý muốn. Và đó là lý do tại sao nơi ông luôn luôn có một cái khiến người ta bối rối hoặc bị thu hút – chính là cái sức mạnh không ngờ, nhưng là một sức mạnh được chế ngự, đo lường và căng thẳng như một mũi tên, tuy nồng nhiệt nhưng không hề dữ tợn.

Tối hôm đó, một cách dần dần và không ý thức, họ đã tiến lại gần nhau khi khiêu vũ trong nhà bếp. Francesca áp sát vào người ông, tự hỏi ông có cảm thấy đôi vú mình qua làn áo mỏng không, và bà chắc là có.

Bà thích áp sát người ông như thế này. Bà muốn cái giây phút này không bao giờ ngừng lại, muốn nghe những bài hát cũ, muốn nhảy, muốn cảm thấy thân thể mình chạm thân thể ông, muốn nữa và muốn mãi mãi. Bà lại trở thành người phụ nữ đích thực. Vẫn còn không gian để người ta khiêu vũ một lần nữa. Chậm rãi, vĩnh viễn, bà đã trở lại nơi chốn đích thực của bà, nơi mà bà chưa bao giờ rời bỏ. Trời vẫn nóng. Hơi ẩm ướt bốc lên và có tiếng sấm xa xa về phía Tây Nam. Loài bướm đêm bị ánh nến thu hút, lao vào đốm lửa.

Ông đã trở thành một với bà. Và bà thành một với ông. Bà xích má mình khỏi má ông và nhìn ông bằng cặp mắt đen láy. Ông hôn bà. Bà hôn trả lại, một cái hôn dài, dịu dàng, như một dòng sông vô tận.

Họ như không còn khiêu vũ nữa và cánh tay Francesca quàng chặt qua cổ ông. Bàn tay trái của Kincaid ôm lấy hông bà, tay kia ông ve vuốt cổ, gò má, làn tóc đen của bà. Thomas Wolfe đã gọi đó là “bóng ma cổ xưa của dục vọng”. Cái bóng ma đó đã thức dậy nơi Francesca Johnson, nơi

cả hai người.

Ngồi cạnh cửa sổ vào ngày sinh nhật lần thứ 67 trong đời, Francesca ngẩng nhìn cơn mưa và nhớ lại. Bà đã mang theo chai brandy từ nhà bếp lên và dừng lại một lúc để ngẩng nhìn đúng cái nơi ngày xưa họ đã yêu nhau. Như bao giờ, một cảm giác tràn ngập khắp người bà, không cưỡng lại được. Qua bao năm tháng, cái cảm giác ấy vẫn mạnh mẽ đến nỗi bà không thể gọi ra được từng chi tiết một lần bởi thần trí của bà bị chế ngự dưới sức mạnh của một xúc cảm tinh thuần.

Làm sống lại những kỷ niệm là một cách của bà để tồn tại. Những năm sau này, các chi tiết càng trỗi dậy trong tâm trí bà thường xuyên hơn. Bà không còn cố xua đuổi hình ảnh Robert Kincaid trở lại với bà nữa. Hình ảnh càng lúc càng chính xác, càng lúc càng thật trong hiện tại, nhưng những hình ảnh đó lại đến từ một nơi thật xa vời. Đã 22 năm rồi nhưng dần dần chúng trở thành thực tại của bà, cái thực tại duy nhất mà bà sống.

Bà biết rằng bà đã 67 tuổi và chấp nhận điều đó, nhưng bà không thể hình dung được rằng lúc này Robert Kincaid hẳn cũng xấp xỉ 75. Bà không thể nghĩ tới hoặc tưởng tượng ra điều đó. Ông ấy vẫn ở đây thật sát gần bà trong chiếc sơ mi trắng, mớ tóc xám dài, cái quần kaki, đôi dép màu nâu thẫm, chiếc vòng đeo tay và sợi dây chuyền bạc quanh cổ. Ông vẫn ở nơi đây, ôm bà trong vòng tay. Cuối cùng bà lách khỏi ông, khỏi nơi họ đang đứng trong phòng bếp và cầm tay ông dẫn về phía cầu thang, bước lên những bậc thang, xuyên qua phòng Carolyn rồi phòng Michael trước khi đến phòng bà. Bà bật ngọn đèn nhỏ nơi đầu giường.

Ngày hôm nay, sau ngần ấy năm trời, Francesca cầm ly brandy ở tay, vẫn chậm rãi bước lên cầu thang, đưa tay phải ra phía sau như để hướng dẫn cái kỷ niệm mà bà có được với ông khi bước lên bậc thang, bước dọc hành lang và bước vào phòng.

Những hình ảnh đó in trong ký ức bà rõ rệt đến nỗi chúng như là những bức ảnh chụp sắc nét của Robert Kincaid. Bà nhớ lại cái lúc như trong một giấc mơ, họ cởi bỏ áo xống và nằm dài trên giường. Bà nhớ lại ông nằm trên người bà và chậm rãi vuốt nhẹ trên ngực, trên bụng bà. Ông vuốt đi vuốt lại mãi, như thể thực hiện một nghi thức gợi tình mà con đực dành cho con cái tự ngàn xưa. Đề chặt lên bà, ông đưa miệng hôn lên môi, lên tai hay dùng lưỡi lướt dọc cổ Francesca, liếm bà như một con báo đực thường làm như thế trong đồng cỏ Phi châu. Thì ông cũng là một con thú. Một con thú đực khỏe mạnh và uyển chuyển không làm gì rõ rệt để chế ngự bà, thế mà đã chế ngự bà hoàn toàn, đúng như lúc đó bà muốn.

Điều đó như vượt ra khỏi mối dây thể xác, mặc dầu chính cái khả năng làm tình kéo dài và không mệt mỏi của ông là một phần quan trọng. Việc làm tình đối với bà hiện nay chỉ có nghĩa như một cái gì tầm thường, khi mà những năm sau này người ta nói rất nhiều về chuyện đó, nhưng làm tình với ông là cả một hành động tinh thần. Đó là một hành vi tâm linh, chẳng tầm thường chút nào cả.

Ngay khi mới gặp ông, bà đã chờ đợi một cảm giác dễ chịu, phá bỏ sự tầm thường, đơn điệu trong đời sống của bà. Bà không ngờ rằng nó có một sức mạnh kỳ lạ đến như vậy.

Bởi gần như ông chiếm đoạt mọi hướng, mọi phần của đời sống bà. Điều đó làm bà sợ hãi. Bà vẫn luôn luôn tưởng rằng yêu ông, một phần nơi con người bà vẫn còn giữ lại. Đó là phần thuộc

về gia đình bà, về cuộc sống của bà ở cái quận Madison này.

Áp mặt vào cổ ông, da chạm vào da ông, Francesca mơ thấy những dòng sông, những bếp than hồng, nghe thấy tiếng đầu máy xe hỏa rời nhà ga từ mùa đông của những đêm khao khát, bà thấy những người lữ hành trang phục đen vội vã đi dọc những bờ sông mượt cỏ hay băng ngang qua cánh đồng mùa hạ, theo đuổi con đường mình để đi đến nơi tận cùng thế giới.

Đêm trôi đi, và cuộc khiêu vũ lớn lao vẫn tiếp tục. Robert Kincaid thường từ khước những suy tư duy lý và ông thường chìm đắm vào hình thể, âm thanh và bóng tối. Ông theo những lối đi quanh co trong vương quốc của tiềm thức xa xưa để tự dẫn mình lần về phía sáng của làn sương phản chiếu ánh mặt trời, nơi lớp cỏ mùa hạ hay nơi những chiếc lá úa đỏ rực của mùa thu.

Và ông nghe thấy tiếng nói của Francesca rót vào tai ông, lạ như giọng của một ai khác. Những lời trong một bài thơ của Rilke. *“Dọc theo tầng tháp xưa... Tôi đã lạc lối nghìn năm”*. Lời một bài thơ ca tụng mặt trời ở Navaho. Và ông thì thảo thốt ra hình ảnh mà Francesca lúc này gọi lên – những làn cát xoáy, những ngọn gió nguyên sơ, những con chim bồ nông cỡi trên mình cá heo lướt sóng về phương Bắc dọc bờ biển Phi châu. Và như một người thợ săn lớn, sau nhiều năm dài băng qua những con đường xa vắng, đột nhiên thấy ánh lửa trại nơi ngôi làng quê mình, niềm cô đơn bao lâu chợt rời bỏ ông. Cuối cùng, cuối cùng ông đã đến nơi. Đã đến từ một nơi xa, rất xa. Thế là ông nằm nghỉ bên cạnh Francesca, trong một sự độc nhất vô nhị của tình yêu ông dành cho bà.

Sáng sớm, ông sửa soạn y phục và nhìn vào mắt Francesca, nói: “Đó chính là lý do tại sao anh ở trên hành tinh này, Francesca. Không phải để đi du lịch hay đi thực hiện các bức ảnh, mà để yêu em. Ngay hôm nay anh đã biết rõ, anh rơi xuống từ một nơi chốn rất cao, rất lớn rộng từ rất lâu rồi, rất nhiều năm trước khi sống cuộc sống này. Và trong suốt những năm dài đó, là anh rơi về phía em”.

Họ bước xuống nhà, hóa ra máy phát thanh vẫn còn mở, từ hồi đêm. Bình minh đã hiện nhưng mặt trời vẫn còn ẩn mình sau những lớp mây dày.

“Francesca, anh muốn xin em một đặc ân”, ông nói khi bà đang pha cà phê.

“Sao?”. Bà ngược mắt lên. Rồi bà nghĩ: “Ôi, trời ơi, sao em yêu anh thế không biết”, bà run rẩy, muốn ông nhiều hơn nữa, muốn rằng không bao giờ ngừng lại.

“Em mặc chiếc quần Jean và chiếc áo sơ mi trắng hôm qua vào, mang đôi xăng-đan. Không có gì khác. Anh muốn chụp em một bức ảnh. Một bức ảnh cho chỉ hai chúng ta”.

Francesca bước lên thang lầu. Bà mặc áo quần và đi ra đồng với ông. Chính lúc đó ông chụp bà bức ảnh mà bà vẫn ngắm nhìn hàng năm sau này.



CON ĐƯỜNG VÀ NGƯỜI LỮ HÀNH

N

hững ngày sau đó, Robert Kincaid bỏ luôn chuyện đi chụp ảnh. Phần Francesca, bà cũng bỏ luôn công việc trang trại, ngoại trừ những công việc tối thiểu bà phải làm. Họ dùng tất cả thời gian để ở bên nhau, nói chuyện và làm tình. Hai lần, theo yêu cầu của Francesca, ông dạo đàn ghi-ta và hát cho bà nghe. Giọng hát khá hơn mức trung bình, nhưng ông hơi bối rối bảo rằng bà là thánh giả đầu tiên của ông trong đời. Nghe thế bà bật cười và ôm hôn ông rồi cố nén tình cảm lại, bà lắng nghe ông hát những bài hát của dân đánh cá voi và về gió trong sa mạc.

Bà leo lên chiếc xe Harry cùng đi với ông đến phi trường Des Moines để ông gửi những cuốn phim về New York. Khi nào có thể được, ông đều gửi phim về trước để Ban biên tập có thể biết về công việc ông đang làm và để các chuyên viên kỹ thuật biết được dụng cụ nhiếp ảnh của ông có hoạt động tốt không.

Sau khi gửi xong, ông thường dẫn bà đi ăn ở trong một hiệu ăn sang trọng. Ông nắm tay bà và nhìn nét mặt chăm chú của bà. Còn anh phục vụ thì mỉm cười khi thấy động tác của họ với hy vọng rằng một ngày nào đó anh ta cũng có thể làm như vậy.

Bà sung sướng thấy bà hiểu về điều mà Robert Kincaid nói về sự biến mất sắp tới của những phong cách tồn tại như là ý tưởng của chính bà. Ông đã có thể dễ dàng gọi lên hình ảnh của những chàng cao bồi cuối cùng và những loại tương tự trong đó có ông. Và bà bắt đầu hiểu điều ông muốn nói khi ông giải thích rằng ông đang ở tại điểm tối hậu của một nhánh của dòng tiến hóa và rằng đó là một con đường không kết quả. Có lúc, khi đang nói về cái mà ông gọi là “những điều cuối cùng”, ông đã thăm thì: “Không bao giờ nữa, đó là tiếng kêu của Đấng Tối cao trong sa mạc. Không bao giờ, không bao giờ nữa”. Ông không thấy ai ở trước mặt nơi đầu nhánh tiến hóa đó. Giống loài ông không còn lý do để tồn tại nữa. Đến ngày thứ Năm, hai người có một cuộc tranh luận với nhau sau khi đã ân ái suốt buổi chiều.

Cả hai đều biết rằng cuộc đối thoại này thế nào cũng xảy ra, nhưng cả hai đều cố tình né cho đến lúc đó.

“Chúng ta phải làm gì bây giờ?”.

Bà im lặng, một sự im lặng nát lòng. Rồi bà nói dịu dàng: “Em không biết”.

“Em nghe đây, anh có thể ở lại đây nếu em muốn hoặc tại thành phố, hoặc bất cứ đâu. Khi gia đình em trở về, anh sẽ nói chuyện với chồng em và anh sẽ giải thích cho ông ấy hiểu hoàn cảnh của chúng mình. Thật không dễ dàng gì đâu nhưng anh sẽ làm”.

Francesca lắc đầu: “Richard không bao giờ hiểu được đâu, anh ấy không suy tính theo cách suy nghĩ của mình. Anh ấy không thể thấy được điều huyền ảo cũng như niềm đam mê và tất cả những điều mà chúng ta đã nói chuyện với nhau cũng như chúng ta đã sống qua. Anh ấy cũng không bao giờ chấp nhận, không phải vì anh ấy là một người thấp hèn đâu. Đơn giản chỉ là vì tất cả những điều đó quá xa vời những gì anh ấy cảm thấy hoặc suy nghĩ. Anh ấy không có cách gì để tiếp cận với vấn đề cả”.

“Thế thì chúng ta đành phải bỏ cuộc sao?”.

Ông nói nghiêm trang không cười nữa.

“Em cũng không biết nữa. Em thuộc về anh, Robert ạ. Trước đây em không hề muốn ai chiếm đoạt em, em không cần điều đó và em biết rằng anh cũng không hề có ý định, nhưng điều này đã xảy ra. Bây giờ em không còn ngồi trên cỏ ở cạnh anh nữa. Em ở trong anh, người tù nhân hạnh phúc của anh”.

Ông trả lời: “Anh không thể biết có phải em ở trong anh hay anh ở nơi em, hoặc em có thuộc về anh không. Nhưng một điều chắc chắn, anh không hề muốn chiếm đoạt em. Anh nghĩ rằng chúng ta là hai người nằm bên trong một thực thể khác do chúng ta tạo ra và tên nó là “chúng mình”.

Thật ra chúng ta không ở bên trong của thực thể đó. Chúng ta *chính là* thực thể đó. Cả hai chúng ta đều đã mất đi và chúng ta tạo ra một cái khác, một sự sống chỉ hiện hữu với tư cách là một hợp chất của hai chúng ta. Chúng ta yêu nhau, yêu say đắm, yêu đến tận cùng như con người có thể yêu nhau.

Hãy đi với anh Francesca. Điều này không gây ra nhiều vấn đề lắm đâu. Chúng ta sẽ yêu nhau trên cát sa mạc, chúng ta sẽ uống brandy trên những mái hiên nhà ở Mombasa để ngắm nhìn những con diều vùng sa mạc Ả Rập lướt cánh trong ngọn gió đầu tiên của buổi ban mai. Anh sẽ chỉ cho em xem chỗ trú ngụ của sư tử, ta sẽ đến một thành phố kiểu Pháp xưa cũ nằm trong vịnh Bengal với một quán ăn tuyệt vời đặt trên nóc nhà, những đoàn tàu hỏa dẫn đến những con đường khuất nẻo trên núi cũng như những quán ăn nhỏ vùng Pyresnees. Còn nữa, ở phía Nam Ấn Độ có một hòn đảo nằm giữa một cái hồ mênh mông, nơi đó người ta dành để nuôi cọp... Còn nếu em không muốn đi du lịch, anh sẽ mở một cửa tiệm dâu đỏ và anh sẽ trở thành thợ chụp ảnh địa phương, anh sẽ chụp chân dung hay bất cứ cái gì để chúng ta sống”.

“Robert, tối hôm qua khi chúng ta ân ái với nhau, anh đã nói một điều làm em nhớ mãi. Em nói với anh về năng lực của anh và anh đã trả lời: “Anh chính là con đường, là kẻ lữ hành và là những cánh buồm dẫn về biển cả”. Anh nói đúng. Đó chính là điều anh cảm thấy, anh cảm thấy cuộc du hành trong anh. Không, còn hơn thế nữa, điều mà em không chắc là có thể giải thích được, nhưng anh chính là cuộc hành trình. Anh là kẻ ở nơi lằn ranh chỗ ảo ảnh gặp gỡ thực tại, ở nơi con đường và anh chính là con đường.

Anh chính là chiếc ba lô cũ kỹ anh mang sau lưng, chính là chiếc xe tải Harry cà tàng, chính là những chuyến phản lực bay đến Á châu. Và đó chính là điều em muốn về anh. Nếu như nhánh dòng tiến hóa của anh không còn hậu quả, như anh từng nói, thì em muốn anh sống mạnh mẽ cho hết cái đích cuối cùng đó. Em không chắc là anh có thể làm điều đó khi em bên cạnh. Chắc anh không hiểu đâu, em yêu anh vô cùng, đến nỗi em không thể làm hạn chế đời sống của anh. Bởi nếu em làm thế, em sẽ giết chết cái con thú hoang dã phi thường nơi anh, và cả cái sức mạnh kia cũng cùng chết với anh”.

Ông muốn nói, nhưng Francesca đã chặn lời.

“Robert, em chưa nói hết. Nếu anh ôm em trong tay, mang em ra xe và bắt em đi theo anh, em sẽ không nói gì hết. Và anh cũng không cần làm thế, anh chỉ bảo em đi theo thì em cũng đi. Nhưng em nghĩ rằng anh sẽ không làm như vậy. Anh quá nhạy cảm, quá ý thức về tình cảm của em. Và em có một tình cảm về trách nhiệm của em ở đây.

Vâng, về một mặt nào đó, cuộc sống của em ở đây nhàm chán. Cuộc sống thiếu lãng mạn, thiếu dục tình, thiếu cuộc khiêu vũ trong căn phòng bếp được ánh nến soi sáng, thiếu cái cảm giác tuyệt vời được gần người đàn ông biết cách yêu một người đàn bà. Và nhất là, anh cũng thiếu. Nhưng em còn có những tình cảm thiêng liêng về trách nhiệm. Đối với Richard, đối với con em. Nếu em ra đi, nếu em vắng mặt thì đó sẽ là một điều khó chịu đựng nổi cho Richard. Chừng đó đủ để hủy hoại anh ấy.

Ngoài ra, còn tệ hơn nữa, anh ấy phải sống cuộc đời còn lại để nghe những lời đàm tiếu của người ở đây. “Richard Johnson đó. Cái con vợ người Ý bốc lửa của lão đã bỏ đi với một tay nhiếp ảnh tóc dài vài năm trước đây”. Richard phải chịu đựng điều đó và con cái em phải nghe những lời ngòi lê đôi mách chừng nào chúng còn sống. Tất cả chúng cũng phải chịu đựng. Và chúng sẽ ghét em vì điều ấy.

Ngay cả khi em muốn ở với anh, muốn là một phần của anh, em cũng không thể tách rời khỏi bốn phận. Nếu anh ép em, dẫu bằng thể chất hay tinh thần, để đi với anh, thì như em đã nói, em sẽ không kháng cự lại đâu. Em không có cái sức mạnh như sức mạnh mà em cảm thấy nơi anh. Em đã nói là em không muốn lấy đi cuộc hành trình của anh, nhưng em rất muốn đi theo anh chỉ bởi để thỏa mãn nhu cầu vị kỷ của em là được ở bên anh.

Cho nên, em van anh, đừng ép buộc em. Đừng ép buộc em từ bỏ trách nhiệm. Em không thể làm vậy để rồi sống với cái ý tưởng đó. Nếu hôm nay em ra đi với anh, ý tưởng đó sẽ biến em thành con người khác với người đàn bà mà anh đã yêu dẫu”.

Robert Kincaid im lặng. Ông hiểu điều bà nói về con đường, về trách nhiệm và về cái mặc cảm tội lỗi có thể làm thay đổi con người bà. Ông biết bà có lý, về một mặt nào đó. Ông ngó ra cửa sổ và tự tranh đấu với mình, tranh đấu với mình để hiểu những tình cảm của Francesca. Bà bật khóc.

Rồi họ ôm lấy nhau im lặng một lúc lâu. Và ông thì thầm vào tai bà: “Anh có một điều muốn nói, chỉ một điều thôi, anh chưa hề nói điều này cho ai bao giờ, và anh muốn em nhớ lấy: Trong một vũ trụ hàm hồ, loại xác tín như thế này chỉ đến với em một lần, không bao giờ có lại, cho dù ta có trải qua bao nhiêu cuộc đời đi nữa”.

Đêm đó, đêm thứ Năm, họ lại ân ái với nhau, rồi nằm dài áp sát vào nhau, vuốt ve và thủ thỉ với nhau cho đến rạng sáng. Francesca ngủ thiếp đi một lúc và khi thức dậy, nghe mặt trời đã lên cao và nóng bức. Bà nghe tiếng cửa xe tải dập và vội vã dậy mặc quần áo.

Ông đã pha cà phê và ngồi nơi ghế hút thuốc khi bà xuống nhà bếp. Ông mỉm cười với bà. Bà bước ngang qua phòng đến úp mặt vào cổ ông, luồn tay vào mái tóc ông. Ông ôm lấy hông bà, kéo sát lại gần, đặt ngồi trên đầu gối và vuốt ve bà.

Cuối cùng, ông đứng dậy. Ông mặc chiếc quần Jean, có dây treo, áo sơ mi kaki giặt sạch, mang đôi ủng hiệu Red Wing và con dao quân đội bên hông. Chiếc áo phông viên mặc ngoài thì còn móc nơi lưng ghế, tấm che ống kính thò ra trên túi áo. Chàng cao bồi đã sẵn sàng lên yên.

“Đến lúc anh phải đi”.

Francesca lắc đầu và bật khóc. Bà thấy dòng nước mắt lăn trên má ông nhưng ông vẫn cố cười, nụ cười nhếch mép của ông.

“Thỉnh thoảng anh viết cho em ít chữ có được không? Anh muốn ít ra cũng gửi cho em một hai bức ảnh”.

“Được”. Francesca vừa nói vừa lấy cái khăn móc nơi tủ bếp chùi mặt. “Em sẽ kiếm một cơ nào đó để nhận của một anh nhiếp ảnh hip-pi, với điều kiện là không thường xuyên lắm”.

“Em có địa chỉ và số điện thoại của tôi ở Washington rồi chứ?”. Bà lắc đầu. “Còn nếu tôi không có ở đó, cứ gọi cho văn phòng của tờ *National Geographic*. Tôi sẽ ghi cho em số điện thoại”. Ông viết lên cuốn sổ để gần máy điện thoại, xé rồi đưa cho bà.

“Hoặc em có thể tìm trên tờ tạp chí cũng được. Cứ hỏi phòng biên tập. Phần lớn thời gian họ biết anh ở đâu. Đừng do dự nếu em muốn gặp anh hoặc chỉ để nói với anh. Hãy gọi bên tổng đài P.C.V, như thế việc liên lạc với anh sẽ không có trong bảng liệt kê lần gọi điện thoại của em. Anh cũng còn ở lại nơi đây vài ngày nữa, hãy nghĩ về những điều anh đã nói. Anh cũng có thể trở lại đây và thu xếp nhanh chóng để chúng ta có thể cùng nhau đi về Tây Bắc”.

Francesca không trả lời. Bà biết quả thật ông có thể thu xếp mọi sự một cách nhanh chóng. Richard trẻ hơn ông năm tuổi, nhưng Richard không có sức mạnh về mặt thể chất và tinh thần như Robert Kincaid.

Ông mặc áo ngoài vào. Tâm hồn Francesca giờ đây thần thờ, trống rỗng, xa vắng. “Đừng đi Robert Kincaid”, bà nói và nghe tiếng mình khóc trong lòng. Nắm tay bà, ông bước qua cửa và tiến lại gần chiếc xe tải. Ông mở cửa xe phía tay lái, đặt một chân lên bục xe rồi quay lại và ôm lấy bà vài phút. Chẳng ai mở miệng nói một lời, họ chỉ đứng đó, yên lặng đón nhận, ghi sâu trong lòng mình cảm xúc của người kia, những cảm xúc không bao giờ xóa được. Họ tái xác nhận sự hiện hữu của cái thực thể đồng nhất mà ông đã nói, rồi cuối cùng ông buông bà ra, bước lên xe tải, ngồi xuống nhưng vẫn để cửa mở, dòng nước mắt chảy dọc theo gò má Francesca. Chậm rãi, ông đóng cửa xe. Bản lề kêu rít. Như thường lệ, chiếc xe tải Harry chùng như không muốn mở máy, nhưng rồi Francesca nghe thấy tiếng Robert ấn trên bộ gia tốc và chiếc xe tải cuối cùng cũng chịu khuất phục. Ông cho xe lùi và dừng tay một lúc trên cần số.

Nghiêm trang rồi mỉm miệng cười, ông đưa ngón tay chỉ con đường hẹp. “Em biết đó, con đường thẳng sau anh đi sang phía Nam Ấn Độ. Em có muốn anh gửi một tấm thiệp không?”. Francesca không thể thốt nổi ra một lời mà chỉ lúc lắc đầu. Bà không thể liệu để cho Richard có thể tìm thấy tấm thiệp trong hộp thư. Bà biết rằng Robert Kincaid hiểu được. Ông nhè nhẹ lắc đầu. Chiếc xe tải lùi ngang qua sân nghiêng lao xào trên lớp sỏi làm đàn gà chạy nháo nhác. Chú chó Jack đang đuổi theo một con gà trong kho chứa máy.

Qua cửa xe, Robert Kincaid ra dấu chào tạm biệt. Bà có thể thấy ánh mặt trời phản chiếu nơi chiếc vòng bạc trong tay ông cũng như thấy hai chiếc cúc trên chiếc áo sơ mi mở rộng.

Ông lái xe ra ngõ và xuống đường. Francesca dụi mắt, cố gắng nhìn theo ông. Ánh sáng mặt trời phản chiếu qua làn nước mắt tạo thành những lăng kính lạ lùng. Cũng giống như bà đã làm lần đầu tiên khi họ gặp nhau, Francesca rảo bước về phía con ngõ và nhìn theo chiếc xe tải già nua nhấp nhô trên lối đi gồ ghề.

Khi ra đến đường lộ, xe dừng lại, cửa xe mở ra và ông lại xuất hiện nơi bực xe. Ông nhìn thấy Francesca từ trăm mét trên cao, trông nhỏ xíu vì khoảng cách đó. Ông đứng yên đó trong khi chiếc xe tải nổ máy một cách bồn chồn trong ánh nắng mặt trời. Ông nhìn về phía Francesca. Không người nào phát một cử chỉ. Họ đã nói lời giã biệt rồi – người vợ của một trại chủ ở Iowa và một sinh vật ở điểm tối hậu trên một nhánh của dòng tiến hóa, chàng cao bồi cuối cùng. Trong ba mươi giây ông đứng yên đó, cặp mắt chuyên nghiệp của một nhiếp ảnh gia không bỏ sót một chi tiết nào, cố gắng tạo ra một hình ảnh riêng tư mà ông sẽ không bao giờ quên.

Rồi ông đóng cửa xe và bắt đầu tăng tốc độ. Khi rẽ trái tiến về Winterset, ông ngoái người lui, ngay trước chỗ một lùm cây ở phía Tây Bắc của trang trại, nơi không bị khuất mắt và thấy bà đang ngồi bệt ở đầu ngõ, chân bắt tréo trong làn bụi mù, đầu gục xuống hai bàn tay.

Richard và hai con về nhà lúc xế chiều, huyền thuyên đủ chuyện về hội chợ và về chiếc “ruy băng” mà con bê của họ đã giành được trước khi nó vào lò thịt. Về đến nhà là Carolyn lập tức ủa vào máy điện thoại. Hôm đó là thứ Sáu nên Michael lái xe lên phố liền để vui đùa như bọn trẻ vẫn làm vào chiều cuối tuần, nhất là để lân la nơi các quán ở quảng trường, ngồi tán gẫu hoặc bình luận về các cô gái lái xe đi ngang qua trước mặt. Richard thì bật ti vi và bảo Francesca là bánh bắp ngon tuyệt khi kèm ngòm một miếng lớn với bơ và xi-rô.

Francesca ngồi trên ghế xích đu trước hiên. Richard bước ra khi chương trình phát hình chấm dứt vào lúc 10 giờ. Ông vươn vai và nói: “Đi xa về lại nhà thật thích”. Rồi nhìn bà ông hỏi: “Frennie, mọi chuyện tốt chứ em? Trông em có vẻ hơi mệt”.

“Ờ, mọi chuyện tốt cả Richard ạ. Em mừng thấy anh trở về mà không có chuyện gì”.

“Ừ, hội chợ dài quá và anh mệt muốn chết. Em vào nhà chứ, Frennie?”.

“Lát nữa đã. Ngoài này dễ chịu và em muốn ngồi thêm một lúc nữa.” Bà cảm thấy mệt mỏi và bà cũng sợ rằng Richard muốn yêu bà. Tối nay bà không thể chịu đựng nổi điều đó.

Bà có thể nghe thấy tiếng chân ông bước trên phòng ngủ, ngay phía trên đầu chỗ ghế xích đu

bà đang ngồi, đôi chân trần giẫm trên nền dưới mái hiên. Từ phía sau nhà, bà nghe tiếng máy thu thanh của Carolyn. Những ngày tiếp đó bà tránh không lên phố, biết rằng suốt thời gian này Robert Kincaid ở đâu đó chỉ cách vài cây số. Thật tình bà nghĩ mình không thể chủ động được nếu gặp ông. Bà dám chạy ào về phía ông và la lên: “Nhanh lên! Chúng ta phải đi ngay tức khắc”. Trước đây bà dám liều, mặc dù có thể bị người ta thấy ở cầu Cedar, nhưng bây giờ gặp lại ông thì quá liều lĩnh.

Vào ngày thứ Ba, lương thực trong nhà cạn và Richard cũng cần mua một bộ phận cho máy xát bắp. Đó là một ngày nặng nề, mưa nhiều, hơi có sương mù và khá lạnh đối với một ngày tháng Tám.

Richard tìm mua được vài thiết bị ông cần và ngồi uống cà phê với mấy người quen trong quán khi Francesca đi mua lương thực. Uống xong, ông đến đón bà trước cửa siêu thị. Ông leo lên xe vận máy cát-xét và giúp bà để xách, giở vào chiếc xe tải hiệu Ford, trên chỗ ngồi và quanh cả đầu gối ông. Francesca thì nghĩ đến những chiếc giá ảnh và ba lô.

“Có lẽ anh phải quay lại bên chỗ bán máy một tí, anh còn quên mua một thiết bị có lẽ sẽ cần”.

Họ lái xe về phía Bắc trên Lộ 169, con đường chính của thị trấn Winterset. Ở góc phía Nam của trạm bơm xăng Texaco, bà thấy Harry đang rời khỏi vòi bơm, đôi cần gạt nước quay liên tục và lùi ra lộ ngay trước xe họ.

Xe họ đi theo sau chiếc xe tải già nua màu xanh nước biển và từ nơi chiếc xe Ford của mình, bà có thể thấy một mảnh vải nhựa đen thẫm lóe lên dưới ánh sáng đèn, trên đó có những chiếc vali và một bao đựng đàn ghi-ta buộc vào chiếc bánh “xơ cua”. Tầm kính sau phủ đầy nước mưa nhưng bà vẫn trông thấy một phần cái đầu người lái. Ông hơi cúi người về phía trước như thể để lấy một vật gì trong cái hộp. Tám ngày trước đây ông cũng đã làm cử chỉ đó và cánh tay ông đã chạm nhẹ vào đùi Francesca. Rồi bảy ngày trước đây bà đã đi mua một chiếc áo màu hồng ở Des Moines.

“Chà, chiếc xe tải này đi xa nhà quá, Richard nhận xét. Bang Washington. Người ta dám tưởng người lái xe là một người đàn bà lắm vì tóc hăn dài thòng. À anh nhớ lại rồi, anh dám cuộc rằng đây là tay chụp ảnh mà người ta bàn tán trong quán cà phê hồi nãy”.

Họ theo sau xe Robert Kincaid khoảng vài trăm mét theo hướng Bắc cho đến chỗ giao lộ của Đường 169 với Đường 92. Đường này đi từ Đông sang Tây, đó là một ngã tư xe cộ dày đặc chạy đủ mọi hướng mà sương mù và cơn mưa nặng hạt làm cho việc lưu thông khó khăn thêm. Xe họ dừng lại chừng hai mươi giây ở ngã tư. Robert Kincaid chỉ cách bà chừng ba mươi mét. Bà vẫn còn có thể làm: Chạy ra khỏi xe, chạy về phía cửa xe của chiếc Harry và leo lên ngồi trên đồng ba lô, giá ảnh.

Kể từ khi Robert Kincaid xa bà từ thứ Sáu vừa rồi, bà mới nhận ra rằng mặc dầu biết mình yêu thương Kincaid, bà vẫn còn đánh giá thấp tình cảm của mình, điều đó có vẻ như không thể được nhưng mà đúng như vậy, bây giờ bà mới bắt đầu hiểu đúng cái điều mà ông đã biết từ trước.

Nhưng bà không động dậy, như hóa đá vì trách nhiệm, dăm dăm nhìn kính sau của xe ông như

bà chưa từng nhìn một cái gì như thế trong đời. Đèn hiệu bên trái xe ông nhấp nháy. Trong một lúc, ông biến mất. Richard đưa tay tắt máy thu thanh.

Francesca bắt đầu thấy mọi thứ chậm lại như trong một đoạn phim quay chậm. Đến phiên xe ông và chậm chậm... chậm chậm, ông dẫn vào khúc queo. Bà có thể tưởng tượng ra đôi chân dài của ông đạp trên cần thắng hoặc nhấn ga, cánh tay phải của ông nơi cần số – ông rẽ trái vào Đường 92 về Council Bluffs, Hắc Sơn và Tây Bắc... chậm chậm, bà quay đầu theo, chĩa mặt về hướng Tây, phía xe ông.

Nhòe nhoẹt vì nước mắt, mưa và sương mù, bà phải khó nhọc lắm mới nhận ra hàng chữ đỏ trên cửa xe: “Kincaid, nhiếp ảnh gia – Bellingham, Washington”.

Khi queo xe, để nhìn cho rõ, ông đã hạ kính xe xuống, vì thế bây giờ bà có thể thấy mái tóc ông tung bay khi ông nhấn ga dọc Đường 92, phóng về hướng Tây và quay cửa kính xe lên.

“Ô, lạy Chúa toàn năng... Ô, không!”.

Lời nói thốt ra trên miệng bà. “Em có lỗi, Robert, em có lỗi vì đã ở lại... nhưng em không thể ra đi được... Hãy để em nói lại với anh một lần nữa tại sao em không thể ra đi... và anh, nói lại cho em biết em phải làm gì”.

Và bà nghe thấy tiếng Kincaid, như vọng lại từ con đường dài: “Trong một vũ trụ hàm hồ, loại xác tín như thế này chỉ đến với em một lần, không bao giờ có lại, cho dù ta có trải qua bao nhiêu cuộc đời đi nữa”.

Richard lái xe về hướng Bắc. Bà nhìn ngang qua Richard trong một lúc để thấy ánh đèn sau của chiếc Harry trong mưa và sương mù. Chiếc xe cũ kỹ của Harry bị một chiếc rờ móc chắn ngang, che khuất hình ảnh chàng cao bồi cuối cùng.

“Vĩnh biệt, Robert Kincaid”, bà thì thầm và bật khóc, không giấu giếm.

Richard quay về phía bà: “Có chuyện gì xảy ra vậy Frannie? Em vui lòng cho anh biết có chuyện gì vậy?”

“Richard, em chỉ hơi mệt một tí. Vài phút là khỏe lại ngay thôi mà”.

Richard bật máy thu thanh tìm đài, vừa đưa mắt nhìn bà, và khẽ lắc đầu.



TRO TÀN

Đ

Em đã phủ xuống quận Madison. Sinh nhật lần thứ 67, năm 1987. Từ hai tiếng đồng hồ, Francesca vẫn nằm dài trên giường, bà vẫn có thể thấy, sờ hay cảm thấy tất cả những gì bà trải qua hai mươi hai năm về trước.

Bà còn nhớ, nhớ mãi. Hình ảnh ánh đỏ của đèn sau xe hơi ông khuất dần về phía Tây dọc Đường 92, trong sương mù và trong làn mưa, vẫn theo bà từ hơn hai mươi năm rồi. Bà sờ nhẹ lên vú và cảm thấy bắp thịt ở ngực mình sẵn chạm vào tay bà. Chúa ơi, bà yêu ông ấy biết chừng nào. Bà yêu ông ấy hơn là bà có thể tưởng, bà càng yêu ông ấy hơn nữa trong giờ phút này, qua ngần ấy năm. Bà đã có thể làm bất cứ điều gì cho ông, ngoại trừ hủy hoại gia đình bà và có lẽ, hủy hoại cả chính ông nữa. Bà bước xuống cầu thang và ngồi xuống bên chiếc bàn cũ kỹ bằng mica vàng trong nhà bếp. Trước đây Richard đòi mua một chiếc mới cho bằng được. Bà đành chiều nhưng khẳng khăng đòi phải đem chiếc bàn cũ vào cất trong xưởng và bà chăm chút bọc lại trước khi khiêng đi.

“Anh thật chẳng hiểu tại sao em lại quá gắn bó với cái bàn cũ mềm này như vậy”. Richard nhận xét khi giúp bà mang bàn vào xưởng. Sau khi Richard chết, bà bảo Michael mang lại vào trong nhà. Michael không bao giờ hỏi mẹ tại sao lại muốn thay cái bàn mới bằng cái cũ này. Cậu chỉ đưa mắt nhìn dò hỏi và Francesca không nói gì cả.

Bây giờ thì bà ngồi vào chính chiếc bàn ấy. Rồi bà lấy từ tủ ra hai ngọn nến trắng cắm trên giá bằng đồng. Bà châm nến và mở máy thu thanh, đổi kênh cho đến khi máy phát ra một bản nhạc dịu dàng.

Bà đứng yên trước bồn rửa chén một lúc lâu, nhẹ ngẩng đầu như nhìn ông, lẩm bẩm: “Em nhớ anh, Robert Kincaid. Có lẽ Đấng Tối cao trong sa mạc có lý. Có lẽ anh là người cuối cùng. Có lẽ tất cả những chàng cao bồi ngày nay đều đang biến mất”.

Trước khi Richard chết, bà không bao giờ thử gọi điện hay viết cho Robert, mặc dù suốt chừng ấy năm, ngày nào bà cũng thôi thúc muốn làm như vậy, bởi nếu ông còn bảo bà một lần nữa, hẳn bà sẽ ra đi với ông. Nếu bà viết thư, bà biết chắc chắn ông sẽ bay ngay đến tìm bà. Trong suốt chừng ấy năm, ông không hề gọi điện hoặc viết thư, sau khi gởi cho bà một bưu phẩm nhỏ

gồm mấy tấm ảnh và một bản thảo. Bà biết rằng ông hiểu điều bà cảm nhận và hiểu những phức tạp mà ông có thể gây ra cho cuộc đời bà.

Bắt đầu từ năm 1965, bà đặt mua dài hạn tờ *National Geographic*. Bài phóng sự về những chiếc cầu có mái che xuất hiện năm sau và người ta thấy trên tạp chí hình chiếc cầu Roseman trong ánh sáng đầu tiên của bình minh, cái ngày mà ông nhận mẫu giấy nhẵn của bà gắn trên cầu. Bà cũng đăng một trong những tấm hình ông chụp: Đó là ảnh hai con ngựa kéo chiếc xe về phía cầu Hogback. Bài viết cũng ký tên ông.

Phía sau tờ tạp chí, người ta thường giới thiệu các phóng viên và các nhà nhiếp ảnh, đôi khi còn đăng hình họ nữa. Thỉnh thoảng cũng có đăng hình ông. Vẫn mái tóc xám bạc, chiếc vòng, quần Jean hoặc kaki, máy ảnh đeo vai, đường gân hằn rõ nơi cánh tay. Khi thì ở Kalahari, trước bức tường đèn Jaipar ở Ấn Độ, trong chiếc xuồng ở Guatemala, khi ở phía Bắc Canada. Con đường và chàng lãng tử. Bà cắt ảnh và bài của ông cùng cả số báo có bài về cây cầu, bản thảo và ảnh bà cùng mẫu giấy nhẵn bà viết, tất cả vào một phong bì giấy dày và để vào ngăn tủ quần áo, lẫn lộn với mớ đồ lót, chỗ mà Richard không bao giờ sờ tới.

Nhìn những bức ảnh chụp Robert Kincaid, theo dấu ông qua bao nhiêu năm, bà nhận thấy ông già đi nhiều. Vẫn luôn luôn nụ cười đó. Vẫn cái thân hình dong dỏng, mềm mại và đầy bắp thịt. Nhưng bà có thể nhìn thấy những nếp nhăn nơi khóe mắt, khuôn mặt hơi trĩu nặng. Bà có thể đọc thấy tất cả điều đó. Bà đã từng quan sát chăm chú thân thể ông trước đây. Và bây giờ thấy ông già đi, bà lại thấy ham muốn ông hơn. Bà đoán – không, bà chắc chắn ông đang sống một mình. Và quả như vậy.

Giờ đây, hai mươi hai năm sau, ngồi bên bàn, bà lặng lẽ ngắm nghía những tấm hình cắt ra từ tờ tạp chí. Từ những miền xa xôi, ông nhìn lại bà. Bà lần giở bức ảnh trên số tạp chí năm 1967. Ông đứng gần một dòng sông ở Tây Phi, cận cảnh, mắt nhìn thẳng vào ống kính, cặp mày hơi nhíu lại, như đang nhắm vào một điểm nào đó.

Nhiều năm trước đây, khi nhìn bức ảnh này lần đầu, bà đã để ý thấy nơi sợi dây chuyền bạc ông đeo ở cổ có gắn thêm một hình trái tim nhỏ. Richard và Carolyn thì đã đi ngủ, bà bèn lấy cái kính lúp mà hồi bé Michael vẫn dùng để xem bộ sưu tập tem và đưa lại gần tấm ảnh.

“Chúa ơi!”, bà kêu lên. Trên hình trái tim có khắc chữ: “Francesca”. Bà mỉm cười tha thứ cho hành động thiếu kín đáo duy nhất đó của ông. Trong những bức ảnh chụp sau đó, luôn luôn vẫn có hình trái tim nơi dây chuyền bạc của ông.

Từ sau năm 1975, ảnh của ông không còn xuất hiện trên tờ tạp chí nữa. Cả tên cũng không. Bà kiểm tra từng số nhưng không thấy. Năm đó ông hẳn đã sáu mươi hai tuổi.

Khi Richard chết vào năm 1979, sau tang lễ và sau khi các con đã đi, bà mới nghĩ đến việc gọi điện cho Robert Kincaid. Ông lúc đó đã sáu sáu, còn bà năm chín. Vẫn còn thời gian trước mặt hai người, dấu cho là họ đã đánh mất đi mười bốn năm trời. Bà suy nghĩ thật lâu về điều này trong cả tuần lễ, rồi cuối cùng tìm số điện thoại ghi nơi thư ông và gọi ông.

Tim bà ngừng đập khi nghe chuông reo. Bà nghe tiếng trả lời, một giọng đàn bà:

“Bảo hiểm Mc Gregor đây”. Francesca choáng váng nhưng cố trấn tĩnh để hỏi lại xem có phải đúng số đó không. Đúng. Bà cảm ơn và buông máy. Sau đó bà cố thử gọi tổng đài ở Bellingham, ở bang Washington để hỏi. Chẳng ai có tên này trong danh mục. Bà thử hỏi ở Seattle. Cũng không. Rồi các phòng thương mại ở Bellingham và Seattle nữa. Cũng không nốt. Bà cũng yêu cầu người ta kiểm tra lại nơi các cuốn niên giám của thành phố. Họ kiểm tra lại và không tìm thấy ai có tên này cả.

“Anh ấy có thể ở bất cứ nơi nào”. Bà tự nhủ.

Bà nhớ đến tờ tạp chí, ông có dặn nếu cần thì gọi nơi đó. Bà liền gọi thử. Cô tiếp khách trả lời nhã nhặn nhưng cho biết hỏi người khác mới trả lời được, vì cô ta là nhân viên mới. Bà phải gọi qua ba người nữa rồi mới được nói chuyện với người Phó Tổng biên tập, là người đã làm ở đây từ hai mươi năm. Bà hỏi về Robert Kincaid.

Rõ ràng cái ông Phó Tổng biên tập này còn nhớ Kincaid. “Bà muốn tìm lão ta hả? Cái lão nhiếp ảnh gia chết tiệt đó, ơ, xin lỗi bà. Lão khó chịu lắm, rất bướng bỉnh. Lão cứ nhất định nghệ thuật vị nghệ thuật, mà điều đó thì không “ăn” với độc giả của chúng tôi rồi. Họ muốn có những bức ảnh đẹp, chụp khéo nhưng không lập dị, vô lý cơ.

Chúng tôi luôn luôn cho là Kincaid hơi khác thường, lão cũng chẳng biết nhìn xa trong công việc. Nhưng đó là một tay chuyên nghiệp thật sự. Người ta có thể gửi lão đến bất cứ nơi đâu lão cũng làm việc ra trò, kể cả khi lão không đồng ý với quyết định của Ban biên tập. Còn về địa chỉ của lão, thì tôi đang xem lại để cho bà biết đây. Lão thôi làm ở tạp chí này từ năm 1975. Tôi có giữ địa chỉ và số điện thoại sau đây...”. Ông ta cho bà những địa chỉ, số điện thoại mà bà đã biết. Sau lần đó bà thôi không cố tìm nữa, dường như bà sợ những điều có thể phát hiện.

Bà tiếp tục sống, cho phép mình nghĩ đến Robert Kincaid thường xuyên hơn. Thường nhiều lần trong năm, bà đến Des Moines để ăn trong cái quán ăn họ đã từng ăn với nhau. Một trong những dịp đó, bà mua một cuốn sổ bìa da. Và trên những trang giấy trắng tinh, bằng một nét chữ trau chuốt, bà bắt đầu kể lại đầy đủ chi tiết về cuộc tình của họ và về những tư tưởng mà ông đã gợi ra cho bà. Bà phải dùng hết ba cuốn sổ như vậy mới có cảm giác là mình đã hoàn tất xong nhiệm vụ. Winterset bây giờ đã tân tiến nhiều. Thị xã có một hội đồng nghệ thuật tích cực, phần lớn do các bà đảm trách. Người ta bàn đến việc sửa chữa, tân trang các cây cầu cũ kỹ bị bỏ quên nhiều năm. Tâm lý dân chúng cũng thay đổi nhiều, những mái tóc dài của đàn ông không còn làm cho người ta xì xào bàn tán nữa, dẫu vẫn có ít người đi xăng-đan và hầu như không có thi sĩ ở đây.

Dẫu sao thì Francesca cũng đã hoàn toàn rút lui ra khỏi cộng đồng, ngoại trừ mối liên hệ với một ít người bạn thân. Người ta hơi chú ý đến điểm này và còn kể là thường thấy bà đi đến cây cầu Roseman và đôi khi, đến cầu Cedar nữa. Khi đã già người ta hay lẫn lộn lạ lùng vậy đó, họ bình luận như thế và bằng lòng về cách giải thích này.

Ngày 2 tháng 2 năm 1982, một chiếc xe tải của công ty giao hàng rẽ lên ngõ nhà bà. Francesca không nhớ là mình có đặt mua hàng gì không. Ngạc nhiên, bà ký nhận và nhìn địa chỉ ghi ngoài kiện hàng: “Francesca Johnson RR2, Winterset, Iowa, 50273”. Gói hàng đó do một hãng luật ở Seattle gửi.

Gói hàng được bọc cẩn thận và gói bảo đảm. Bà đặt lên bàn bếp và cẩn thận mở ra. Phía trong có ba cái hộp, chèn giữa bằng những miếng xốp, trên một trong ba hộp đó là một phong bì dán kín. Trên một hộp khác là một phong bì ghi tên bà trong có lá thư của hãng luật.

Bà tháo phong bì đó và run run mở ra.

“25 tháng Giêng 1982

Kính gửi bà Francesca Johnson

RR2 Winterset Iowa 50273

Kính bà Johnson,

Chúng tôi xin thay mặt cho ông Robert L. Kincaid vừa mới từ trần...

Francesca đặt phong thư lên bàn. Bên ngoài tuyết đang phủ cánh đồng mùa đông. Bà nhìn tuyết bay phấp phới trên những cuống rạ, và cuốn theo những vỏ bắp bay tung tóe rồi dón vào trong một góc rào kẽm gai. Bà đọc lại câu đầu trong lá thư.

Chúng tôi xin thay mặt cho ông Robert L. Kincaid vừa mới từ trần...

“Ôi, Robert... Robert... không...”. Bà thốt lên dụi dụi, đầu gục xuống ngực.

Mãi một giờ sau bà mới có thể đọc tiếp bức thư. Hình thức hành chánh, giọng văn vô hồn của nó khiến bà phẫn nộ.

Chúng tôi xin thay mặt cho...

Hắn là một luật sư tận tụy.

Thế còn con báo của vùng hoang vu, còn kẻ đu vào đuôi sao chổi, còn gã phù thủy đi tìm cây cầu Roseman vào một ngày nóng nực tháng Tám, còn cái con người đứng trên bục chiếc xe Harry cố quay lại nhìn bà, cái con người đầu đón trong làn bụi mờ nơi một ngõ hẹp ở Iowa, tất cả những cái đó ở đâu nơi những dòng chữ lạnh lùng này?

Lá thư đúng ra phải dài dòng nghìn trang. Đúng ra nó phải nói về điểm tối hậu một dây chuyền tiến hóa và về sự cáo chung của tự do hành động, về những chàng cao bồi đang vùng vẫy nơi góc rào kẽm gai, như những vỏ bắp mùa đông kia. Thế mà nó chỉ có vài dòng:

Chúc thư duy nhất của ông ta ghi ngày 8 tháng 7 năm 1967. Ông đã để lại những chỉ dẫn rõ ràng rằng những vật kèm theo đây phải được đưa đến tay bà. Trong trường hợp người ta không thể tìm ra bà, các vật đó phải được thiêu hủy.

Cũng kèm theo đây là một hộp có ghi “Thư”, chứa một lời nhắn của bà mà ông gửi đến cho chúng tôi vào năm 1978, còn thư kia thì ông ta niêm kín và chúng tôi không hề mở ra.

Thi hài ông Kincaid đã được hỏa táng. Theo yêu cầu của ông, không một vật gì được khắc tên ông. Cũng theo yêu cầu của ông, tro tàn được rắc ở một nơi gần nhà bà, theo chỗ tôi biết, nơi đó gọi là cầu Roseman.

Nếu bà cần thêm tin tức gì, xin bà cứ liên lạc với chúng tôi, đừng ngần ngại.

Xin bà nhận cho ở đây lời chào trân trọng của chúng tôi.

Allen B. Quippen, luật sư.

Bà lấy lại hơi thở, dụi mắt rồi tiếp tục xem xét bên trong kiện hàng.

Bà biết cái gì nằm bên trong phong bì nhỏ dày cộm đó. Bà biết như bà biết mùa xuân sẽ trở lại sang năm vậy. Bà thận trọng mở và lấy ra một sợi dây chuyền đã cũ và có khắc chữ “*Francesca*”. Phía sau lưng là một dòng chữ rất nhỏ viết bằng mực: “*Trong trường hợp người đeo bị chết, xin đưa lại cho Francesca John, RR2, Winterset, Iowa, USA*”.

Chiếc vòng đeo tay bằng bạc thì được gói trong giấy lục nhét cuối phong bì. Cùng chiếc vòng là một mảnh giấy. Chính chữ của Francesca.

Chính là tờ thư nhắn của bà gắn trên cầu Roseman. Ông đã giữ làm kỷ niệm. Tờ giấy nhàu bần và đầy lần gấp, chắc ông đã cất lâu ngày trong ví.

Bà tự hỏi ông đã đọc đi đọc lại tờ giấy bao nhiêu lần trong suốt những năm dài đó, từ những nơi rất xa con sông Middle, rất xa quận Madison. Bà hình dung thấy ông đang nhướng mắt đọc lại dưới ngọn đèn nhỏ trên chiếc máy bay phản lực đang bay về những xứ sở vô tận. Hoặc đang ngồi bệt trên đất cạnh một túp lều tre tại một vùng dành riêng cho cọp và đọc dưới ánh sáng cây đèn bấm, hoặc xếp lại và cất cẩn thận trong ví da trong những đêm mưa tầm tã ở Bellingham, rồi lại ngẩng nhìn bức ảnh chụp một người đàn bà đang dựa lưng vào hàng rào một buổi sáng mùa hạ, hay đang bước ra khỏi một chiếc cầu có mái che vào lúc mặt trời lặn.

Cả ba cái hộp trong kiện hàng này đều đựng máy ảnh và các ống kính. Tất cả đều nứt nẻ, hư cũ. Nơi lưng một ống kính, bà thấy khắc chữ “*Nikon*” và phía bên trái nhãn hiệu là một chữ “*F*”. Đó là cái máy bà đã đưa cho ông nơi cầu Cedar.

Cuối cùng, bà mở lá thư niêm kín của ông. Lá thư viết bằng tay trên giấy viết thư, ghi ngày 16 tháng Tám năm 1978.

Francesca thân yêu,

Tôi hy vọng rằng lá thư này đến với em khi em còn khỏe mạnh. Tôi cũng không biết khi nào thì lá thư này gửi đến em, sau khi tôi chết. Tôi bây giờ đã 65, và như thế hôm nay là đã 13 năm kể từ khi chúng ta gặp nhau, lúc tôi lái xe lên ngõ hẻm nhà em để hỏi thăm đường.

Tôi đành liệu nếu thư và những đồ vật này có thể làm xáo trộn đời sống của em theo một cách nào đó. Đơn giản chỉ là vì tôi không thể chịu nổi cái ý tưởng rằng cuối cùng những đồ đạc của tôi tình cờ nằm trong một cửa hiệu hay trong tay một kẻ xa lạ nào đó. Khi em nhận những đồ này thì chắc là chúng đã ở tình trạng cũ nát tồi tệ, nhưng tôi không còn có ai khác trên đời để giao lại và tôi đành liệu gửi đến cho em. Suốt thời gian từ 1965 đến 1975, tôi đã dùng hầu hết thì giờ để ở trên đường. Để cưỡng lại cái ý định gọi điện hoặc đến tìm em, cái ý định đã theo đuổi tôi hầu như suốt cuộc đời còn lại của tôi, tôi chấp nhận đi làm tất cả những phóng sự bên kia Đại Tây Dương mà người ta đề nghị với tôi. Đôi khi rất thường khi, tôi tự nhủ: Kệ xác. Mình sẽ đến Winterset,

Iowa, giá nào đi nữa mình cũng phải dẫn Francesca theo mình”. Nhưng rồi tôi nhớ điều mà em nói với tôi và tôi tôn trọng những tình cảm của em. Có lẽ em có lý. Tôi cũng không biết nữa. Tôi biết rằng việc tôi rời bỏ con hẻm trước nhà em vào buổi sáng thứ Sáu nóng nực đó là hành động khó khăn nhất mà tôi đã làm trong đời. Và thật tôi cho là không có một ai trong đời lại phải làm một việc khó khăn hơn thế.

Tôi đã thôi việc ở tạp chí National Geographic từ năm 1975 và tôi dùng những năm tháng sau đó để chụp những gì tôi thích, bằng cách nhận làm những việc vặt như làm phóng sự địa phương, những công việc chỉ chiếm mất vài ba ngày. Như thế tất nhiên là có khó khăn về mặt tài chính, nhưng tôi đã quyết rút lui. Thì tôi luôn rút lui mà.

Công việc lớn nhất của tôi liên hệ đến Puget Sound. Việc này làm tôi vui. Tôi có cảm giác là càng về già, người ta hay quay về với nước.

À, hiện giờ tôi có nuôi một con chó, một loại lông xù màu vàng. Tôi gọi nó là “Con Đường” và nó đi theo tôi phần lớn khắp mọi nơi, mũi luôn luôn dán vào cửa xe, chắc để đánh hơi những phong cảnh đẹp.

Năm 1972, tôi bị té nơi một bờ dốc ở Công viên Quốc gia Acadia, Maine, bị bể mắt cá chân. Sợi dây chuyền và hình trái tim văng ra khi tôi té. May mắn là rơi không xa lắm. Tôi đã tìm lại được và nhờ một người thợ kim hoàn sửa lại.

Đã có những người đàn bà đến với tôi trước em, một số người, nhưng không có ai sau em. Tôi đã tự chọn cuộc sống độc thân, tôi không còn thích thú cuộc sống gia đình. Một ngày nọ, ở Canada, tôi nhìn thấy một con ngỗng đực mà con ngỗng cái của nó đã bị thợ săn giết chết. Em biết đó, ngỗng là loài sống với nhau suốt đời. Thế là con ngỗng đực đó giờ suốt ngày bay trên ao hồ, lần cuối cùng tôi thấy, nó đang rúc vào những đám lúa dại để tìm kiếm con cái một cách vô vọng. Chắc cái ẩn dụ như thế này, về mặt văn chương, không được hay lắm. Nhưng đó là những gì mà tôi cảm thấy.

Trong những buổi sáng mù sương hay trong những buổi chiều khi ánh sáng mặt trời phản chiếu lên làn nước của vùng Tây Bắc, tôi cứ nghĩ đến em và cố hình dung ra em đang ở đâu, em đang làm gì trong cuộc đời này. Chắc cũng chẳng có gì đặc biệt: Em đi ra vườn, ngồi trên chiếc xích đu dưới mái hiên hay em đang đứng nơi bồn rửa chén ở nhà bếp. Đại loại như vậy.

Tôi nhớ rõ tất cả. Nhớ mùi hương của em, nhớ cái hương vị của em, giống như hương vị mùa hè. Nhớ cái cảm giác khi thân thể em chạm thân thể tôi và những lời em thốt ra khi tôi đang yêu em. Ngày nọ, Robert Penn Warren có nói về “Một thế giới dường như bị Thượng đế bỏ quên”. Tuyệt vời, tất cả những gì mà tôi cảm thấy. Nhưng tôi không thể cứ mãi sống theo cách ấy. Khi tình cảm quá mạnh mẽ, tôi phải mở máy chiếc Harry đi đâu đó với “Con Đường” vài ngày.

Tôi không thích làm ra vẻ tự thương xót mình. Đó không phải là tính cách của tôi. Thường khi tôi không có như vậy đâu. Ngược lại, tôi ý thức rằng cuối cùng, tôi cũng sẽ tìm lại được em. Chúng ta rồi sẽ gặp lại nhau như hai hạt bụi của vũ trụ.

Thượng đế, hay vũ trụ, hay ta gọi tên gì đi nữa, đã tạo ra cái hệ thống lớn của sự thăng bằng và trật tự này, không thể nào nhận ra nổi kiếp người. Đối với vũ trụ thì bốn ngày cũng chẳng kém gì

hơn bốn tỷ năm ánh sáng. Tôi luôn luôn nhớ điều đó trong tâm trí.

Thế nhưng, dẫu sao, tôi cũng chỉ là một con người. Tôi có thể trích dẫn ra đủ lời lẽ duy lý triết học, nhưng điều đó cũng không ngăn cản nỗi tôi thèm muốn em từng ngày, từng phút, từng giây. Tận cùng nơi tôi là một lời than khóc tàn nhẫn về thời gian, cái thời gian mà tôi không thể cùng sống với em.

Tôi yêu em đến tận cùng và toàn diện. Và tôi yêu em mãi mãi.

Người cao bồi cuối cùng.

Robert

TB. Hè vừa rồi tôi đã thay động cơ của chiếc Harry và giờ nó chạy rất tốt.

Kiện hàng này đã đến sớm năm năm. Và việc bà ngồi mân mê, ngắm nghía những vật bên trong gói hàng đã là một phần của nghi thức trong ngày sinh nhật hàng năm của bà. Bà để những máy ảnh, sợi dây chuyền với hình trái tim, chiếc vòng vào trong một hộp nhỏ đặt vào tủ áo quần. Bà đã đặt và chỉ dẫn cho bác thợ mộc ở Madison đóng chiếc hộp này, với đủ ngăn, ô cầu kỳ. Khi giao chiếc hộp, bác nói: “Hộp đóng chi li rồi rắc quá”, nhưng Francesca hài lòng và mỉm cười.

Đọc bản thảo của Kincaid là phần cuối cùng của nghi thức. Bà luôn luôn đọc dưới ngọn nến cuối ngày. Bà thận trọng đặt bản thảo lên chiếc bàn mica vàng cạnh ngọn nến, đốt điếu thuốc duy nhất trong năm, một điếu Camel, nhấp một ngụm brandy và bắt đầu đọc:

RƠI TỪ CHIỀU VÔ TẬN

Robert Kincaid

Có những ngọn gió hằng trăm năm mà tôi chưa hề biết đến bao giờ, nhưng ngay cả vậy, luôn luôn tôi vẫn có cảm giác như là mình đã cỡi trên lưng chúng bay đi. Tôi đang chuyển vào chiều vô tận, là cái thế giới hiện hữu bên kia, nơi cái phần kia của sự vật, song song với cái thế giới của tôi. Như thế này, tay dứt vào túi, hơi khom người, tôi nhìn thế giới đó xuyên qua khung kính của một cửa hiệu lớn. Ở trong chiều vô tận, có những khoảnh khắc lạ thường. Như khi tôi đang lái xe đi dưới cơn mưa từ New-Mexico đến phía Tây của Magdalena, xa lộ bỗng biến thành đường rừng và đường rừng biến thành lối mòn. Rồi chiếc cần gạt nước gạt qua, lối mòn bỗng biến thành một góc rừng chưa ai đặt chân đến. Rồi một cái gạt nữa, thì là một không gian lùi xa hơn. Lần này đầy sương móc. Tôi bước trên cỏ mịn, mặc áo lông thú, tóc bù xù, tay cầm cây giáo ngắn, mảnh khảnh và rắn rỏi như một tảng băng, người đầy bắp thịt và lòng đầy quỷ kế. Đằng sau tảng băng, xa hơn tầm hiện hữu của sự vật, nước biển sâu thẳm trong đó tôi bơi lội tung tăng, người đầy vảy, thở bằng mang. Tôi không thể nhìn xa hơn nữa, nhưng sau cái giống phiêu sinh ấy thì là độ không, là vô tận.

Euclide không phải bao giờ cũng đúng. Ông giả định rằng có đường song song vĩnh viễn, cho đến tận cùng sự vật, nhưng người ta vẫn có thể hình dung một viễn cảnh phi Euclide, nơi đó các đường gặp nhau ở tít phía xa. Một điểm khuất. Một ảo ảnh của sự hội tụ. Dẫu sao, tôi biết đó không gì khác hơn là một ảo ảnh. Đôi khi có một sự gặp gỡ tự sinh, khi đó hai thực thể hòa tan

làm một. Một mối ràng buộc êm đềm. Không hề có một chỗ giao ngang được vạch nên bởi một thế giới của lý tính chính xác. Không một tiếng động của sự vắng lai. Chỉ là một hơi thở. Vâng, đúng, đó là cách thế và có lẽ cả cảm xúc của nó nữa.

Và tôi chậm rãi đi về cái thực tại khác đó, đi mấp mé bên nó, lướt qua nó, luôn luôn với tất cả sức mạnh, nhưng luôn luôn với tấm lòng thành. Và cái con người kia biết điều đó, nó tiến lại gần bằng cái sức mạnh của nó và đến lướt nó, biến thành chính tôi.

Đâu đó, trong luồng hơi thở này, hiện lên một điệu nhạc và một vũ điệu kỳ lạ bắt đầu theo một nhịp bước kỳ ảo làm dịu lòng con người của băng giá với ngọn lao và bộ tóc bù xù. Và chậm chậm – luôn luôn quay chậm, quay chậm – con người của băng giá ngã xuống... rơi ra ngoài chiều vô tận... rơi đến nơi nàng.

Và thế là chấm dứt ngày sinh nhật thứ sáu mươi bảy, Francesca sắp xếp lại phong bì vào nơi ngăn trên của tủ. Sau cái chết của Richard, bà quyết định cất các di vật đó vào két sắt nhà băng, nhưng cứ vào giai đoạn này trong năm, bà lại đem về để ở nhà vài ngày, đặt trong tủ áo trong phòng bà.

Hồi chiều, bà đã đến cầu Roseman. Còn bây giờ bà bước ra hiên, lấy khăn lau chiếc xích đu rồi ngồi xuống đó. Trời lạnh nhưng bà luôn luôn ngồi lại đó vài phút, sau đó đi về phía hàng rào nơi cánh đồng, đứng yên một lúc, rồi đi đến lối vào ngõ nhà. Hai mươi hai năm sau, bà vẫn còn thấy hình ảnh ông bước xuống khỏi chiếc xe tải để hỏi đường, bà vẫn còn thấy hình ảnh chiếc Harry nhấp nhô trên đường quê và thấy Robert Kincaid đứng trên bục xe, ngược mắt nhìn lên phía ngõ.



LÁ THƯ CỦA FRANCESCA

F

Francesca mất vào tháng Giêng năm 1989, khi đó bà 69 tuổi. Robert Kincaid nếu còn sống thì năm đó đã 75. Người ta chẩn đoán cái chết của bà là “tự nhiên”. Người bác sĩ bảo Michael và Carolyn: “Đơn giản là bà chỉ ra đi. Tuy vậy chúng tôi hơi bối rối một chút. Chúng tôi không tìm thấy nguyên nhân rõ ràng của cái chết này. Một người hàng xóm thấy bà nằm gục xuống trên chiếc bàn phòng bếp”.

Trong một lá thư gửi cho luật sư của mình, năm 1982, bà đã yêu cầu khi bà chết thân thể phải được hỏa táng và tro thì rải xuống cầu Roseman, ở quận Madison. Việc hỏa thiêu thi hài là điều có một không hai – chẳng rõ đặt trên cơ sở nào, nhưng người ta vẫn xem việc hỏa thiêu là một hành động bại hoại – vì thế yêu cầu này của bà gây ra nhiều bàn tán trong dân chúng ở quán nước, ở trạm xăng...

Sau tang lễ, Michael và Carolyn đi chậm chậm đến cầu Roseman và làm theo ước nguyện cuối cùng của mẹ mình. Do chỗ chiếc cầu này cũng chẳng xa cho nên việc làm này cũng không phải là một đòi hỏi quá đáng đối với gia đình, nhưng họ tự hỏi tại sao mẹ mình, một người khá sáng suốt, lại xử sự một cách có vẻ thần bí như vậy và tại sao bà lại không đòi được chôn cất cạnh cha mình như người ta thường làm.

Sau đó Michael và Carolyn trở về nhà thu xếp mọi chuyện. Họ nhận được những di sản trong chiếc hộp ở ngân hàng về trước sự hiện diện của một luật sư trong vùng.

Tại nhà, hai anh em chia nhau giấy tờ mà họ sắp phải đọc. Các phong bì bằng giấy dày thuộc phần Carolyn, nằm trong một đồng giấy tờ, đồ đạc khác. Cô ngạc nhiên mở và lấy ra một tập tài liệu. Cô đọc lá thư mà Robert Kincaid viết năm 1965 cho Francesca. Rồi cô đọc lướt qua lá thư năm 1978 và lá thư mà luật sư Seattle gửi năm 1982. Cuối cùng cô nghiên cứu những bài cắt trong báo.

“Anh Michael này”, giọng nói mơ màng và hỗn loạn của cô làm anh ngạc nhiên và anh ngẩng đầu lên. Mắt Carolyn nhòa lệ và giọng cô run run: “Mẹ yêu một người đàn ông tên là Robert Kincaid. Anh có nhớ số báo *National Geographic* về những cây cầu có mái che mà cả hai đứa mình đều phải đọc không? Chính ông ta là người đã chụp những bức ảnh này. Và anh có nhớ

hồi đó bọn con trai có nói về một người lạ mặt mang máy ảnh không? Chính ông ta đấy”.

Michael ngồi đối diện với cô ta, cà-vạt nói rộng, cổ áo mở tung. “Nói lại chậm chậm đi nào. Anh chẳng hiểu gì hết”.

Sau khi đọc mấy bức thư, Michael đứng dậy lục trong tủ nơi tầng trệt, rồi lên phòng Francesca. Trước đây anh không bao giờ thấy cái hộp bằng gỗ hồ đào này. Anh mở ra và đặt lên trên bàn phòng bếp. “Carolyn này, đây là những chiếc máy ảnh”.

Trong hộp, dán vào một bên thành là một phong bì niêm kín bên ngoài tự tay Francesca viết tên của Michael và Carolyn, còn chen vào giữa mấy cái máy ảnh là ba cuốn sổ tay đóng bìa da.

“Anh không chắc đủ sức đọc những điều trong phong bì này – Michael bảo cô em – Đọc cao giọng lên nếu em thấy đủ can đảm”.

Carolyn xé phong bì và bắt đầu đọc:

Ngày 7 tháng 1 năm 1987

Carolyn và Michael thân yêu,

Bởi mẹ thấy mình đang hoàn toàn khỏe mạnh, mẹ nghĩ rằng đã đến lúc mẹ phải thu xếp mọi chuyện hậu sự của mẹ đâu vào đấy, như người ta thường nói. Có một điều, một điều rất quan trọng mà các con phải biết. Đó là lý do tại sao mẹ viết thư này cho các con.

Khi các con nhận cái hộp này của mẹ và tìm thấy trong đó cái phong bì lớn gởi cho mẹ năm 1965, thì mẹ nghĩ rằng các con đã đọc xong lá thư này. Mẹ muốn các con nếu có thể được ngồi nơi bàn ở nhà bếp để đọc. Các con sẽ hiểu ngay tại sao mẹ lại yêu cầu như vậy.

Thật cũng khó cho mẹ khi phải viết tất cả những điều này cho các con mình, nhưng mẹ phải làm. Có một điều quá mạnh mẽ, quá đẹp nên không thể để nó chết theo mẹ được. Và nếu các con bắt buộc phải biết mẹ các con là ai, với những sai lầm và với những tính chất như thế nào, thì các con cần phải biết những điều mà mẹ sắp nói đây. Vậy các con hãy can đảm lên.

Chắc các con đã biết, ông ấy tên là Robert Kincaid. Còn “L.” là tên giữa nhưng mẹ cũng chẳng biết nó là chữ tắt của tên gì. Ông ấy là nhiếp ảnh gia và ông đến đây năm 1965 để chụp những chiếc cầu mái che.

Chắc các con còn nhớ, cả thành phố mình náo động lên khi các bức ảnh này xuất hiện trên tờ National Geographic. Có lẽ các con cũng còn nhớ mẹ đã đặt mua dài hạn tờ tạp chí này kể từ lúc đó. Bây giờ hẳn các con hiểu lý do vì sao mẹ đã quan tâm đặc biệt như vậy. Cũng nên nói cho các con biết là mẹ đã ở cùng ông ấy (mẹ mang xắc cho ông) khi ông chụp ảnh chiếc cầu Cedar.

Các con nên hiểu rằng, mẹ yêu quý cha các con trước đây và bây giờ nữa. Mẹ biết cha các con là người tốt và ông đã cho mẹ hai đứa con mà mẹ yêu dấu.

Nhưng Robert Kincaid là một con người hoàn toàn khác, không giống như bất cứ người nào trên đời mẹ đã gặp hoặc người nào mẹ đã từng nghe nói, dầu là qua sách vở. Mẹ khó có thể làm cho các con hiểu được ông ấy là ai. Bởi trước hết các con không phải là mẹ. Sau nữa các con không

hề tiếp xúc với ông ấy, các con không nhìn thấy ông ấy đi hay nghe ông ấy kể lại việc ông ấy đã tìm ra cái điểm chung cục của dòng tiến hóa như thế nào. Có lẽ những cuốn sổ nhật ký và những bài cắt ra từ báo sẽ giúp các con hiểu hơn, nhưng như thế chắc cũng không đủ.

Theo một nghĩa nào đó, ông ấy không thuộc về trái đất này. Mẹ không thể nào diễn đạt tốt hơn. Mẹ luôn nghĩ rằng ông ấy giống như một con báo đi phiêu du trên đuôi của một sao chổi. Ông đúng là có thân thể và cách chuyển động của con báo. Ông có thể tập trung một sức mạnh không ngờ với một tính tình vừa sôi bỏng vừa dịu dàng cũng như nơi ông có một ý thức sâu xa về điều bí ẩn. Ông cảm thấy không còn có lý do để hiện hữu trong một thế giới của máy tính và rô-bốt, một thế giới được tổ chức quá hoàn hảo. Ông ấy tự xem mình như là một trong những chàng cao bồi cuối cùng – chữ của ông ấy – và ông cũng xem mình như là một người duy-quá-khứ.

Lần đầu tiên mẹ thấy ông là lúc ông đang dừng lại để hỏi thăm đường đến cầu Roseman. Khi đó ba cha con đang đi dự chợ phiên ở Illinois. Các con hãy tin rằng không phải mẹ đi tìm một cuộc phiêu lưu đâu. Đó là điều cuối cùng mà mẹ nghĩ đến. Nhưng mẹ đã nhìn ông ấy chưa đầy năm phút và mẹ biết rằng mẹ đã ham muốn ông ấy, dẫu rằng sau đó mẹ còn ham muốn ông ấy nhiều hơn nữa.

Và mẹ van các con, các con đừng hình dung ra một gã Casanova chuyên chạy theo tán tỉnh các cô gái quê. Ông ấy không hề giống loại người đó chút nào. Thật ra ông ấy khá nhút nhát và mẹ cũng chịu trách nhiệm như ông ấy về những điều gì đã xảy ra. Còn hơn nữa. Mẹ đã móc tờ giấy nhắn – hiện đang nằm cùng với chiếc vòng tay trong hộp – nơi cầu Roseman để nhắn ông gặp lại buổi sáng sau lần gặp gỡ đầu tiên. Không kể những bức ảnh mà ông đã chụp mẹ, tờ giấy này là bằng chứng duy nhất về sự hiện diện của mẹ mà ông đã giữ suốt bao nhiêu năm trời.

Mẹ biết rằng con cái thì thường hay có khuynh hướng nghĩ rằng cha mẹ chúng không có dục tình gì hết, bởi vậy mẹ hy vọng rằng những điều mẹ sắp nói với các con đây không làm các con chấn động và nhất là mẹ hy vọng rằng điều đó không phá hủy những ký ức mà các con đã có về mẹ.

Trong căn nhà bếp cũ kỹ của chúng ta, Robert Kincaid và mẹ đã trải qua những giờ bên nhau, mẹ và ông ấy đã nói chuyện, đã khiêu vũ dưới ánh sáng của ngọn đèn cầy. Và rồi, đúng vậy, mẹ và ông ấy đã yêu nhau trong căn phòng này, trong phòng ngủ, trên cỏ và hầu như trên khắp mọi nơi mà các con có thể hình dung ra được. Đó là một mối quan hệ tình dục phát xuất từ sức mạnh lạ lùng siêu việt kéo dài trong nhiều ngày không hề gián đoạn. Trước đây mẹ luôn luôn dùng từ “sức mạnh” khi nghĩ về ông ấy. Và đó cũng chính là cái ấn tượng mà ông ấy toát ra khi bọn mẹ gặp nhau lần đầu tiên.

Ông ấy có tiềm lực như một mũi tên. Đơn giản là mẹ mất hết sức tự vệ khi ông ấy yêu mẹ. Mẹ không hề cho mình là yếu đuối. Nhưng mẹ như bị chìm lìm bởi cái sức mạnh thể chất và cảm xúc thuần túy đó. Lúc mà mẹ thốt lên điều ấy với ông, ông chỉ trả lời mẹ: “Tôi là con đường, là kẻ lữ hành và là tất cả những cánh buồm dẫn về biển cả”.

Sau đó mẹ đã kiểm tra lại từ này trong từ điển. Người ở đây khi nghe đến từ “Lữ hành” (peregrine), trước hết họ nghĩ về một con diều. Nhưng từ này có rất nhiều nghĩa là “kẻ lạ, không chốn ở”. Một nghĩa khác là “kẻ lang thang lạc loài hay người di trú”. Từ này xuất phát từ tiếng La tinh “peregrinus”, có nghĩa là kẻ lạ. Ông ta đồng thời là tất cả những thứ đó – một kẻ lạ theo cái

nghĩa chung nhất của từ này, một kẻ lang thang và bây giờ mẹ nhớ lại ông cũng rất giống một con điều nữa. Các con nên hiểu rằng điều mẹ cố diễn đạt không thể nói ra hết bằng một vài từ ngữ. Mẹ chỉ mong muốn rằng cả hai con đều trải qua những kinh nghiệm như mẹ, dẫu rằng hiện nay điều đó khó có thể được. Mẹ biết rằng cái quan niệm như thế không phù hợp trong thời đại chúng ta, và mẹ không nghĩ rằng một người đàn bà có thể có được một sức mạnh đặc biệt như Robert Kincaid. Vậy thì Michael, dành cho con đấy. Còn về Carolyn, điều bất hạnh là trên đời này chỉ có một Robert Kincaid duy nhất và sau ông ấy không còn ai nữa.

Nếu ngày đó không có cha con và các con thì mẹ đã đi theo ông ấy ngay, bất cứ đi đâu. Ông ấy có yêu cầu mẹ cùng đi, ông van nài mẹ. Nhưng mẹ đã không nghe lời và đó là một con người quá nhạy cảm và quá tốt nên ông ấy không bao giờ có ý định làm đảo lộn cuộc đời của chúng ta. Tuy vậy, ở đây có một điều nghịch lý: Nếu không do ở Robert Kincaid thì không chắc mẹ có ở lại nơi trang trại này nữa không. Trong bốn ngày, ông ấy đã cho mẹ một cuộc đời toàn diện, một vũ trụ và đã kết hợp những phần khác nhau của mẹ lại thành một thực thể duy nhất. Mẹ không bao giờ ngừng mơ tưởng về ông ấy. Ngay cả khi mẹ không nghĩ một cách có ý thức, mẹ vẫn cảm thấy ông, ông luôn luôn có mặt ở đó. Điều này không làm sút mẻ đi chút nào tình cảm mà mẹ dành cho các con và cho cha các con. Nếu trong một khoảnh khắc nào đó mẹ chỉ nghĩ về mình thì mẹ không còn chắc là mẹ đã quyết định đúng.

Nhưng nếu mẹ nghĩ về gia đình chúng ta thì mẹ gần như chắc chắn rằng mẹ đã hành động đúng. Tuy vậy, để thành thật với các con, mẹ phải nói rằng, ngay từ đầu, Robert Kincaid đã hiểu hơn mẹ về cái mà mẹ cùng ông ấy hợp thành. Mẹ nghĩ rằng mẹ chỉ bắt đầu hiểu lần lần điều đó với thời gian. Nếu mẹ đã hiểu một cách rõ ràng khi đó thì có lẽ mẹ đã ra đi cùng với ông.

Robert nghĩ rằng thế giới này đã trở nên quá duy lý, đã thôi tin vào khả năng huyền bí của sự vật. Và mẹ thường tự hỏi có phải mẹ đã quá duy lý khi quyết định như vậy không.

Mẹ chắc rằng các con thấy những ý nguyện cuối cùng của mẹ là khó hiểu hoặc nghĩ rằng mẹ hơi lẫn lộn vì tuổi già. Khi các con đã đọc lá thư mà người luật sư ở Seattle gửi cho mẹ năm 1982 và những cuốn sổ tay của mẹ, các con sẽ hiểu vì sao. Mẹ đã trao cuộc đời mẹ cho gia đình, và mẹ trao cho Robert Kincaid những gì còn lại của mẹ. Mẹ nghĩ rằng cha các con biết có một cái gì đó nơi mẹ mà ông không thể đạt tới, cũng như đôi khi mẹ tự hỏi có thật ông không mở cái phong bì mà vào lúc đó mẹ còn để trong tủ áo trong nhà. Ngay trước khi chết, lúc mẹ ngồi sát cạnh ông trong bệnh viện ở Des Moines, ông đã bảo mẹ: "Francesca, anh biết rằng em giữ nơi người em những giấc mơ. Anh rất buồn đã không thể thực hiện được những giấc mơ đó". Đó là cái khoảnh khắc xúc động nhất trong đời sống chung của mẹ và cha các con.

Mẹ cũng không muốn các con bày tỏ sự quy trách, lòng thương hại hay những tình cảm đại loại như vậy. Mẹ không hề có ý định đó. Mẹ chỉ muốn rằng các con biết mẹ đã yêu Robert Kincaid đến mức nào. Mẹ đã sống với cái tình yêu ấy suốt mọi ngày mọi năm và ông ấy cũng vậy.

Dẫu rằng sau đó ông ấy và mẹ không bao giờ còn được nói với nhau nữa thì mẹ và ông ấy vẫn bị buộc chặt lấy nhau như hai con người trong cuộc đời này có thể buộc chặt với nhau. Mẹ không thể tìm ra từ để diễn đạt cho đúng. Chính ông ấy là người đã diễn tả tỏ tường hơn khi nói rằng mẹ và ông ấy đã thôi là hai cá thể riêng biệt để trở thành một con người thứ ba tạo thành bởi chính

hai người kia. Kể từ đó, cả ông ấy và cả mẹ không bao giờ hiện hữu mà không có cái con người thứ ba kia. Và cái con người đó đã bị đầy ải phải lang thang cho đến phút cuối cùng.

Carolyn, con còn nhớ lần mẹ con mình cãi vã khủng khiếp về chuyện chiếc áo màu hồng nhạt mót ở trong tủ mẹ không? Con tìm thấy và con muốn mặc. Con có nói con nhớ rằng mẹ không bao giờ mặc cái áo đó cả, vậy tại sao không cho con. Thì chính đó là chiếc áo mẹ đã mặc lần đầu tiên khi Robert Kincaid và mẹ yêu nhau. Mẹ chưa bao giờ đẹp như trong đêm ấy. Đó là lý do tại sao mẹ không bao giờ mặc nữa và mẹ cũng không chịu đem cho con.

Sau khi Robert Kincaid đi khỏi đây vào năm 1965, mẹ mới thấy là mình biết rất ít về ông ấy cũng như về chuyện gia đình ông ấy. Nhưng mẹ nghĩ rằng mẹ đã biết tất cả những điều còn lại – những điều thật sự quan trọng – trong những ngày ngắn ngủi đó. Ông là đứa con duy nhất, cha mẹ ông đã chết và ông sinh ra tại thành phố nhỏ ở bang Ohio.

Mẹ không biết chắc là ông ta có học đại học không, ngay cả trung học nữa, nhưng ông có một trí tuệ sắc bén, trực giác, nguyên thủy, gần như thần bí. Ông đã cùng đi với thủy quân lục chiến với tư cách là phóng viên nhiếp ảnh ở Nam Thái Bình Dương trong thế chiến thứ hai.

Ông đã kết hôn và ly dị, rất lâu trước khi gặp mẹ. Ông không có con. Vợ cũ ông ta là một nhạc công, một ca sĩ hát dân ca. Theo chỗ mẹ biết, việc ông vắng mặt dài để đi làm phóng sự đã làm hôn nhân của họ tan vỡ. Ông chịu trách nhiệm về cuộc chia tay này. Ngoài điều nói trên, Robert Kincaid không còn có gia đình theo như mẹ biết. Mẹ mong muốn các con dành cho ông một chỗ trong gia đình chúng ta, dẫu mẹ biết điều đó thật khó khăn cho các con lúc đầu. Ít ra thì mẹ cũng có một gia đình, một cuộc sống để chia sẻ với người khác. Robert thì chỉ có một mình. Đó là một điều bất công và mẹ biết điều đó.

Mẹ muốn, ít ra mẹ tin rằng tất cả những điều này các con sẽ giữ riêng trong gia đình chúng ta để giữ lòng tôn kính về cha các con và để cho các con quyết định. Trong trường hợp nào đi nữa, mẹ cũng không bao giờ hối hận về những gì mà Richard và mẹ đã chia sẻ. Ngược lại, dẫu mẹ đã yêu ông ấy một cách tuyệt vọng trong suốt gần ấy năm trời, nhưng vì những lý do của riêng mẹ, mẹ chỉ tìm cách liên lạc với ông ấy một lần duy nhất. Đó là sau cái chết của cha các con. Nhưng mẹ không tìm được và mẹ đã sợ rằng có điều gì đó xảy đến với ông ấy. Chính vì sợ như thế mà mẹ đã không dám tìm thêm nữa. Chẳng qua là mẹ sợ chạm trán với sự thật. Vậy thì các con có thể tưởng tượng ra mẹ đã cảm thấy như thế nào khi nhận được gói hàng có lá thư của người luật sư vào năm 1982.

Mẹ đã nói mẹ hy vọng rằng các con hiểu và không phê phán mẹ. Nếu các con yêu thương mẹ, các con phải yêu thương những gì mẹ đã làm.

Robert Kincaid đã mang lại cho mẹ cái điều mà một người đàn bà, rất ít hoặc có lẽ không một ai, có thể có được. Ông ấy rất người và rất nhiệt thành, ông ấy xứng đáng với lòng kính trọng và có lẽ cả lòng yêu thương nữa, của các con. Mẹ hy vọng rằng các con cho ông ấy cả hai thứ. Qua mẹ, và theo cách của mình, ông ấy đã tỏ ra tốt với các con. Mẹ luôn luôn ở bên các con.

Mẹ

Hai anh em im lặng ngồi trong căn phòng bếp cũ kỹ. Michael cố định thần và nhìn ra cửa sổ.

Carolyn tần mẫn quan sát căn phòng, bồn rửa chén, nền, bàn... tất cả những gì quanh cô.

Khi cô mở miệng được thì chỉ là một lời thì thầm: “Anh Michael, hãy nghĩ về họ, yêu nhau đến thế trong ngần ấy năm trời. Mẹ đã từ khước không đi với ông ấy vì cha và vì chúng ta. Còn Robert Kincaid thì xa mẹ do kính trọng tình cảm của mẹ. Anh Michael, đó là ý tưởng mà em khó chịu đựng. Chính một phần vì chúng ta mà mối tình lạ thường ấy phải đứt đoạn.

Mẹ và ông ta đã sống với nhau bốn ngày. Chỉ bốn ngày, cho tất cả cuộc đời. Chuyện đó xảy ra khi chúng ta đang đi dự cái chợ phiên gốc nghềch ở Illinois. Anh hãy nhìn ảnh mẹ này. Em chưa bao giờ thấy mẹ như vậy. Đó là do tác động của ông ấy. Anh xem đây, mẹ trông kiêu sa và duyên dáng biết chừng nào với mái tóc bay trong gió và khuôn mặt tràn đầy sức sống. Mẹ tuyệt vời quá”.

“Chúa ơi!”. Đó là tất cả những gì Michael có thể thốt ra và anh lấy khăn tay lau trán, kín đáo quệt nước mắt trước Carolyn.

Carolyn tiếp: “Rõ ràng là ông ấy không hề cố liên lạc trong suốt những năm đó. Hẳn ông ấy đã chết một mình, đó là lý do ông gửi lại tất cả đồ đạc cho mẹ. Em còn nhớ chuyện em cãi lộn với mẹ về cái áo đó. Nhiều ngày. Em giả đồ tức tưởi và đòi mẹ giải thích. Rồi em lấy không nói chuyện với mẹ nữa. Nhưng mẹ chỉ nói: “Không, Carolyn, cái áo này thì không được”.

Michael nhớ đến cái bàn cũ xì mà hiện họ đang ngồi. Thế ra đó là lý do tại sao mẹ anh lại bảo anh mang lại vào phòng bếp sau khi cha anh mất.

Carolyn lấy tay mở cái phong bì cộm cộm:

“Đây là vòng, dây chuyền bằng bạc có gắn hình trái tim. Và cả cái mảnh giấy nhắn mà mẹ có nhắc đến trong thư, mảnh giấy mẹ đã móc lên cầu Roseman. Vì thế mà trên tấm ảnh ông ta gửi, mình thấy một mảnh giấy nhỏ gắn trên cầu. Anh Michael, thế chúng mình sẽ làm gì đây? Anh cứ suy nghĩ đi. Em xuống ngay”.

Cô chạy lên cầu thang rồi ít phút sau chạy xuống với chiếc áo dài màu hồng bực cần thận trong bao ni-lông.

Cô lấy ra và chỉ cho Michael.

“Anh hãy hình dung mẹ trong chiếc áo này, khiêu vũ với ông ta trong nhà bếp. Anh hãy nghĩ đến suốt thời gian họ ở đây và về hình ảnh mẹ, phải thấy khi mẹ đang nấu ăn và khi mẹ ngồi ở bàn này thảo luận về chuyện anh em mình, về việc chọn lựa trường học và về những khó khăn mà anh em mình phải vượt trong cuộc hôn nhân sau này của chúng mình. Chúa ơi, so với mẹ, chúng mình hiện nay còn ngây thơ và kém trưởng thành quá đi mất”.

Michael lắc đầu bước về phía tủ bếp. “Em có nghĩ rằng mẹ có để một ít rượu nào ở đây không? Anh thấy cần uống một chút quá. À, lúc nãy em hỏi, anh thật không biết chúng ta phải làm gì?”.

Anh lục tủ và tìm được một chai brandy đã gần cạn. “Còn đủ cho hai người. Em muốn uống không?”.

“Có, cho em một chút”.

Michael lấy ra hai ly rượu dùng để uống brandy và để lên bàn. Anh rót hết phần rượu còn lại trong chai ra ly trong khi Carolyn bắt đầu lặng lẽ đọc cuốn nhật ký đầu tiên: *“Robert Kincaid đến với mình ngày thứ Hai, 16 tháng 8 năm 1965. Ông ta đi tìm cây cầu Roseman. Đó là một buổi chiều nóng nực và ông lái một chiếc xe tải nhỏ tên là Harry...”*.



TÁI BÚT CON Ó ĐÊM Ở TACOMA

T

rong thời gian tôi viết về câu chuyện của Robert Kincaid và Francesca Johnson, tôi càng muốn tìm hiểu chi tiết về cuộc đời của Kincaid thì tôi càng ít biết về ông và cuộc sống của ông.

Chỉ một vài tuần trước khi cuốn sách này được in ra, tôi đáp máy bay đi Seattle. Một lần nữa, tôi cố gắng tìm những thông tin bổ túc về Robert Kincaid.

Ý tưởng này chợt đến với tôi khi tôi nghĩ rằng là một người yêu nhạc và bản thân ông ta cũng là một người chơi ghi-ta, Robert Kincaid hẳn phải quen biết với một ai đó trong giới âm nhạc và nghệ sĩ ở Puget Sound. Người có trách nhiệm ở Tiểu ban Nghệ thuật và Sân khấu của tờ *Seattle Times* đã giúp tôi nhiều. Ông ta chưa hề nghe nói về Robert Kincaid, nhưng ông để cho tôi tham khảo tất cả danh mục của tờ báo từ năm 1975 đến 1982, giai đoạn mà tôi quan tâm.

Khi lật qua những số in vào năm 1980, tôi gặp một bức hình chụp một người da đen chơi nhạc jazz, một tay thổi saxo có biệt danh là John “Ó đêm” Cummings và bức ảnh ký tên Robert Kincaid. Nghiệp đoàn nhạc công địa phương đưa tôi địa chỉ của Cummings, cũng cho tôi biết thêm là ông ta không còn chơi nhạc với tư cách chuyên nghiệp nữa đã năm năm nay. Ông ta ở một con phố nhỏ nơi khu công nghiệp ở Tacoma, chỗ Xa lộ 5 dẫn đến Seattle.

Tôi đã phải lui tới nhiều lần nơi căn hộ Cummings mới gặp được ông ta. Lúc đầu, ông ta có vẻ không muốn nói, nhưng khi thấy rằng tôi thành thật quan tâm đến Robert Kincaid, ông trở nên nhiệt tình và nói huyên thuyên. Những trang sau đây là lời nói của Cummings do tôi ghi lại – có sửa đôi chút chữ nghĩa – khi đó ông này đã bảy mươi tuổi. Tôi chỉ mở máy ghi âm và nghe ông kể về Robert Kincaid.



BÀI PHỎNG VẤN “Ó ĐÊM” CUMMINGS

K

hi đó tôi chơi cho một ban nhạc ở Seattle và tôi cần một tấm ảnh đen trắng để quảng cáo. Tay chơi bass trong ban nhạc có nói với tôi về một gã sống trên một hòn đảo gần đây chụp coi bộ được lắm. Y ta chẳng có điện thoại nên tôi phải viết nhắn vài chữ.

Y ta đến, té ra là một lão trông tàng lẫm, mặc quần Jean, đi ủng và dây đeo quần màu cam. Y ta lôi ra mấy cái máy ảnh cũ xì đến phát khiếp, coi bộ không còn dùng được khiến tôi phải la lên: Ô là là!

Y bảo tôi đứng dựa vào bức tường sáng cầm cây saxo và yêu cầu tôi chơi chứ đừng ngừng lại. Ủ chơi thì chơi, trong chừng ba phút gì đó. Nhìn kỹ, tôi thấy y ta trông cũng được, có cặp mắt xanh lạnh buồn mà tôi chưa hề thấy trước đó bao giờ.

Một lúc, y ta bắt đầu chụp. Rồi y hỏi tôi có thể chơi bài “*Lá úa*” không. Ủ chơi thì chơi. Tôi chơi chừng mười phút trong khi y thay hết máy ảnh này đến máy ảnh khác và chụp. Rồi y bảo: “Tốt rồi, mai ông có ảnh”.

Ngày hôm sau, y mang ảnh lại cho tôi và tôi té ngửa. Người ta đã chụp tôi hàng tá nhưng chưa có bức nào sánh được với những tấm này. Y bảo tôi trả y 50 đô-la, với tôi số tiền đó không đắt lắm. Y ta cảm ơn tôi và khi đi ra, y hỏi tôi chơi ở đâu. Tôi trả lời: “Ở quán Shorty”.

Hôm sau, khi ở trên bục, tôi nhìn xuống thính giả và thấy nơi một bàn khuất trong góc, y đang ngồi lặng lẽ lắng nghe. Từ đó y thường đến quán mỗi tuần một lần, luôn luôn vào ngày thứ Ba, luôn luôn uống bia, nhưng không uống nhiều.

Đôi khi lúc ngừng chơi, tôi ghé lại bàn y và nói chuyện ít phút. Y trầm lặng, không nói gì nhiều nhưng rất dễ thương. Y luôn luôn nhã nhặn yêu cầu tôi chơi bài “*Lá úa*”.

Biết nhau một ít, người ta dễ thân nhau. Tôi rất thích đi dọc hải cảng ngắm nhìn những chiếc tàu, té ra y cũng vậy. Vì thế chúng tôi hay ngồi trên ghế đá chuyện vãn suốt buổi chiều. Ủ thì chuyện lăm cẩm của hai lão già cảm thấy mình hết còn hữu dụng, đã ở bên lề cuộc đời.

Thường y hay dắt theo con chó. Trông khá đẹp. Y gọi nó là “Con Đường”.

Y có biết về ma thuật. Những tay chơi nhạc jazz cũng vậy. Cho nên chúng tôi hợp nhau. Anh bạn biết đấy, anh bạn chơi một khúc đã chơi hàng ngàn lần mà nay đột nhiên hàng tá ý tưởng mới mẻ vọt ra từ cây “xắc” của anh bạn thì không phải chúng có được từ bộ óc của anh bạn đâu. Y nói với tôi rằng nhiếp ảnh và đời sống nói chung cũng thường như vậy. Và y thêm: “Làm tình với người đàn bà mình yêu cũng vậy”.

Y đang nghiên cứu một kỹ xảo để tạo ra hình ảnh từ âm nhạc. Một ngày nọ, y bảo tôi: “John, anh thấy cái điệp khúc mà anh luôn chơi trong nhịp thứ bốn của bài “Người đàn bà kiêu kỳ”? Tôi nghĩ là tôi đã bắt được cái này vào ảnh sáng nay. Ánh sáng chiếu trên nước đúng hệt như ý tôi muốn và con hạc xanh bay một vòng trong ống ngắm của tôi, tất cả đều cùng một lúc. Chính là tôi đã thật sự nghe và thấy điệp khúc của anh. Tôi đã dựa vào đó để đưa vào máy ảnh”.

Y dùng tất cả thời gian để nghiên cứu việc chuyển âm nhạc thành hình ảnh. Coi bộ điều này ám ảnh y dữ lắm. Tôi cũng chẳng biết y sống bằng gì nữa. Y cũng chẳng nói gì nhiều về mình. Tôi chỉ biết là y từng đi nhiều nơi để chụp ảnh chứ không biết gì khác hơn. Một ngày nọ, tôi hỏi y về cái miếng bạc gắn nơi sợi dây chuyền y đeo ở cổ. Nhìn gần, tôi thấy trên đó có khắc chữ “*Francesca*”. Tôi mới hỏi y: “Chắc là một cái gì đặc biệt lắm?”.

Y không nói gì một lúc, chỉ nhìn làn nước. Rồi y hỏi: “Anh có rảnh không?”. Có chứ, hôm đó ngày thứ Hai, tôi được nghỉ, nên tôi bảo y tôi có đủ thì giờ.

Thế là y bắt đầu nói, như thể người ta mở một cái vòi nước vậy. Y nói suốt cả buổi chiều rồi gần như suốt buổi tối luôn. Tôi có cảm giác như y giữ tất cả những điều đó sâu trong lòng từ quá lâu rồi.

Y chẳng bao giờ giờ nói cho tôi họ của người đàn bà, cũng như câu chuyện xảy ra ở đâu. Nhưng mà, anh bạn ạ, cái lão Kincaid này quả là một nhà thơ khi y nói về bà ta. Bà này hẳn phải là một cái gì đáng kể, một cái gì linh thiêng lắm. Y cũng đọc cho tôi đoạn đầu của một bài viết về bà ấy – cái gì về chiều vô tận, nếu tôi nhớ không lầm. Tôi nhớ là khi đó tôi nghĩ nó giống những bài sáng tác ngẫu hứng của Ornette Coleman vậy.

Và anh bạn ơi, y vừa nói vừa khóc. Y khóc, những giọt nước mắt to bụi, cái loại nước mắt mà phải già người ta mới có thể khóc thể được, cái điệu khóc mà một tay saxo có thể chơi. Sau đó tôi mới hiểu tại sao y bao giờ cũng muốn tôi thổi bài “*Lá úa*”. Ông bạn ạ, tôi bắt đầu thấy yêu cái lão này. Một con người có những tình cảm như thế đối với một người đàn bà thì đáng cho ta yêu lắm chứ.

Thế là tôi bắt đầu nghĩ về y và người đàn bà của y. Nghĩ về cái mà y gọi là “những phong cách của tiền nhân”. Tôi tự nói: “Mình sẽ chơi về cái sức mạnh ấy, về cái tình yêu ấy, những cái “phong cách của tiền nhân” ấy phải phát ra từ cây kèn của mình”. Cái ấy thật trữ tình.

Thế là tôi viết cái bản nhạc này. Tôi muốn sử dụng một thủ pháp đơn giản, sắc sảo. Viết những cái phức tạp thì rất dễ. Cái khó là đơn giản. Tôi hì hục suốt ngày cho đến khi thành công. Rồi tôi viết lại và soạn luôn hòa âm cho dương cầm và thụ cầm. Rồi một tối nọ, tôi chơi bài đó trên sân khấu.

Y có mặt, tối thứ Ba, như mọi lần. Được, tối hôm đó quán yên tĩnh, chỉ có chừng hai mươi

khách, người ta cũng chẳng thật chú ý chúng tôi cho lắm.

Y ngồi im, chăm chú nghe như bao giờ, tôi tuyên bố trong mi-crô: “Tôi sẽ chơi một bản nhạc do chính tôi viết tặng một người bạn. Bài đó tên là *“Francesca”*.”

Vừa nói tôi vừa nhìn y. Y đang quan sát chai bia nhưng khi nghe tôi nói *“Francesca”* y từ từ ngẩng đầu lên, đưa hai tay lùa vào mái tóc bạc xám, thắp một điếu Camel và đôi mắt xanh của y đăm đăm nhìn tôi.

Cây “xắc” của tôi chưa bao giờ chơi hay đến như vậy. Tôi làm cho nó khóc than cho cả ngàn cây số và cho những năm dài cách biệt. Có một khúc buồn trong khổ đầu của bài lặp theo tên của người đàn bà ấy: *“Fran...ces...ca”*.

Khi tôi chơi xong, y đứng thẳng lên, mỉm cười rồi lắc nhẹ đầu, trả tiền và bước ra. Sau đó, tôi luôn luôn chơi bài này khi thấy y đến. Y có đóng khung một bức ảnh chụp chiếc cầu có mái che cũ kỹ đem tặng tôi để cảm ơn. Bức ảnh treo kia kìa. Y chẳng bao giờ nói y chụp ở đâu, nhưng dưới chỗ y ký tên có ghi *“Cầu Roseman”*.

Một chiều thứ Ba nọ, cách đây bảy hay tám năm, không thấy y đến. Tuần tiếp theo cũng vậy. Tôi nghĩ y bị bệnh hay gặp chuyện gì đó. Tôi bắt đầu lo ngại. Tôi xuống cảng, hỏi thăm. Chẳng ai biết y cả. Cuối cùng, tôi phải đáp tàu đi qua hòn đảo chỗ y ở. Đó là một túp lều cũ kỹ nằm gần bờ nước.

Tôi đang đi quanh lều thì một người hàng xóm bước ra hỏi tôi tìm gì. Tôi trả lời. Người hàng xóm bảo rằng y đã chết cách đây khoảng mười ngày. Anh bạn ơi, nghe thế tôi hết sức đau lòng. Cho đến bây giờ cũng vậy. Tôi thực sự yêu mến y ta. Có một cái gì lạ nơi con người y. Tôi cho rằng y biết những điều mà chúng ta không hiểu được.

Tôi hỏi người hàng xóm về con chó. Ông ta không biết. Ông ta cũng không biết cả tên Robert Kincaid nữa. Thế là, tôi bèn gọi bên chỗ “phủ de” để hỏi cho chắc và quả họ đang giữ con chó. Tôi bèn đến lãnh về và đem cho thẳng cháu. Lần cuối cùng tôi thấy, thẳng cháu tôi và “Con Đường” thích nhau lắm. Điều đó làm tôi vui.

Thế là gần hết chuyện. Không lâu sau khi tôi biết chuyện xảy ra cho Kincaid, cánh tay trái của tôi bị tê khi chơi kèn quá hai mươi phút. Có chuyện không ổn ở cột sống của tôi. Thế là tôi thôi việc.

Nhưng mà ông bạn ạ, tôi bị ám ảnh bởi câu chuyện y kể, về y và về người đàn bà. Thế là, vào tất cả những tối thứ Ba, tôi đều lấy cây saxo ra và chơi bản nhạc tôi đã viết tặng y. Tôi chơi ở đây và chỉ để cho chính tôi nghe.

Tôi cũng chẳng hiểu tại sao, khi chơi, tôi luôn luôn nhìn vào tấm ảnh y tặng. Tôi không biết rõ, nhưng có một cái gì đó khiến tôi không thể rời mắt khỏi bức ảnh khi chơi bản nhạc này.

Tôi còn ở đây, trong hoàng hôn của cuộc đời. Tôi làm cho cây kèn già nua khóc lên. Tôi chơi bản nhạc dành cho một người đàn ông tên là Robert Kincaid và một người đàn bà mà y gọi là Francesca.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>